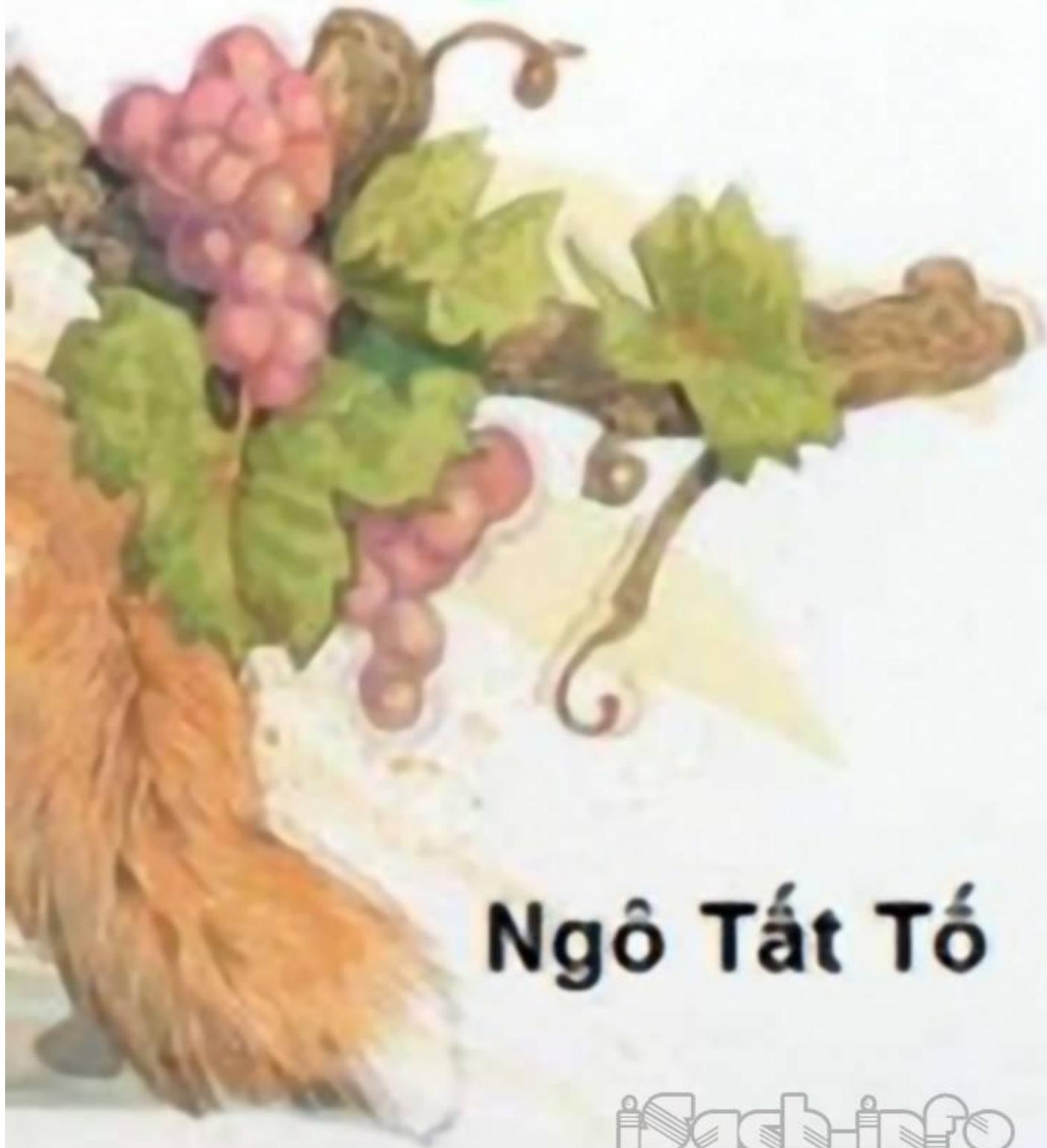


# Trong Rừng Nho



Ngô Tất Tố

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 1 -

Đêm ấy không có trăng.

Đ

Phố phường Hà Nội đã theo cảnh tượng trời đất, biến thành một vật đen xì.

Vũ trụ thu lại vùng ánh sáng của mấy cây đình liệu. Gió bắc ào ào thổi.

Chín, mười ngọn lửa lớn bỗng chín mười cái bích, hết thảy điện cuồng lồng phách như muốn lìa những bó đuốc nứa, nhảy vọt lên tầng mịt mù.

Quang cảnh trường thi hôm nay càng rộn ràng hơn mấy hôm trước.

Dưới lớp ngói ống của nhà "thập đạo", xiêm áo xen với cờ quạt, thấp thoáng hiện trước bóng đèn lồng.

Trong những gian chòi canh lơ lửng gác ở lưng trời, hiệu trống cái đi đôi với hiệu thanh la, thong thả đưa những giọng oai hùng trịnh trọng.

Ngoài dãy phên nứa hùng vĩ như bức tường thành quây kín bốn "vi" nền trường, đội lính trú phòng rầm rập theo vó ngựa của viên giám trường đè điệu, tiếng nhong nhóng của nhạc ngựa hóa lộn tiếng định tĩnh của trống quân.

Trên nếp cửa tiền, một bức hoành biển dài dằng dặc như chiếc thuyền thoai, nghênh ngang nằm gói đầu vào đôi đồng trụ. Với bông hoa sen chính chọe kết ở chính giữa và đôi trái găng lủng lẳng treo ở đôi đầu, làm "diềm" phủ trên mép biển đường muôn phô vẻ thâm của tấm nhiễu điêu. Với màu sơn son lóng lánh in ánh lửa sáng choang: cái khung chữ nhật, như có ý khoe nét vàng của bốn chữ "Tân hưng thịnh diễn."

Từ mặt tiền qua phía tả đến mặt hậu, cũng như từ mặt hậu qua phía hữu đến mặt tiền, bốn cửa ở bốn góc đều ngoét thênh thang. Mấy cái khung bảng chưa hàng mấy nghìn tên người cùng nganh cái mặt "rán giấy" ra đường, như đương ngóng các thầy sĩ tử. Mấy chiếc ghế tréo cao chín mười bậc cùng duỗi bốn chân đứng cạnh các cửa, như đương đợi mấy ông khảo quan.

Hai cửa của vi tả vi hữu ở đằng sau, cũng như hai cửa của vi giáp vi át ở đằng trước, toàn lính kiểm soát đã chục ngoài cửa bằng dáng bộ nghiêm trang. Tâm áo nẹp xanh thân đồ gọn gàng nắp dưới chiếc nón dầu sơn quang dầu. Những sợi dây tòng của tay thướt khâm trai, bông bênh rủ trên miếng ban kiêm sạc sỡ.

Khoảng đầu canh ba, tiếng ồn ào tự nோ xa xa đưa lại, học trò các nơi tới tập kéo đến cửa trường.

Gió bắc thổi càng dữ.

Những cây đình liệu cháy càng nở.

Trên miếng đất giá lạnh của trời đông, bóng người đông như đám hội.

Có người đến bảy tám mươi tuổi, mái tóc bạc phơ xòa dưới nón sơn. Cũng có người mới độ mươi bốn, mươi ba, hòng mao còn ngát ngóéo trên vành khăn nhiễu. Có người mặt non mơn mởn chỉ vào trạc mươi tám đôi mươi. Cũng có người râu dài lê thê, ít ra phải năm sáu chục tuổi. Có người ra tuồng kiết xác, cái thân gầy guộc co ro suối trong mảnh áo đơn. Cũng có người rất mực phong lưu, áo bông quần sù sù, hàm răng vẫn run cầm cập. Có người hai vai nặng trĩu, khuỷu tay còn đủ sức thích bên kia, gạt bên nọ, len từ ngoài tít vào trong cùng. Cũng có người cát cổ không lên, lèu, chiêu đều bị lôi xèn xêch ở mặt đất. Vênh cái mặt dương dương tự đắc, đó là người mới thi lần đầu.

Dùm trên trán những nét lo âu, ấy là người lao đao trờn óc.

Đủ các nhân vật. Đủ các bộ dạng.

Đêm càng khuya, học trò kéo ra càng nhiều. Ai vào vi nào, lật đật tìm đến cửa vi ấy. Dưới hàng vạn nón chóp lồ nhô đứng ở bốn cửa, hàng vạn con người trang thức cùng một lối như nhau: sườn này cái chõng tre và bộ gọng lèu, sườn kia thì bó áotoi và cuộn áo lèu hoặc một đôi chiêu cói, trên ngực quả bầu be và chiếc óng quyền, dưới bụng thì cái yên mộc hay cái tráp sơn.

Bấy nhiêu đồ vật nặng có, nhẹ có, lớn có, bé có, dài có, ngắn có, hết thẩy xúm lại và đu lên cổ các ông thư sinh.

Hình như trời bắt bao nhiêu ông công, ông đồ, trước khi bước lên đường công danh, đều phải tập làm anh phu tẩu. Kẻ chen vào, người đẩy ra, kẻ du đi, người kéo lại, dưới bóng lửa sáng, đám người bị dồn dập, bị xô đẩy, cồn cộn như lợp sóng nước triều. Tiếng gọi nhau, tiếng hỏi nhau, tiếng mắng nhau, tiếng cãi nhau, tiếng lầm rầm, nói chuyện với nhau, các thứ tiếng ấy hợp lại, thành một cái vọng âm àm, bốn khu cửa trường giống như bốn cái chợ lớn.

Sang đầu canh tư, các cây đình liệu đều cháy già một nửa. Tàn nứa đồ ối theo ngọn gió bắc tản mác bay khắp giữa trời. Rồi từ từ, nó rơi xuống đám đầu người, xuống quăng đất không, xuống những nơi xa tí, nếu nó không bị tắt ở bóng tối.

Trong nhà thập đạo, trống khẩu gióng, kiêng đồng, nệm đù ba hồi chín tiếng, các bóng đèn đều bị lay động, các ông quan trường cắt nhau mỗi người xuống mỗi vi. Bốn ông ngự sử đem hết chức trách đàn hặc lên bốn chòi canh. Hai ông phản kháo tiến ra cửa hai vi tả hữu với cái quyền "hùa nội nữa ngoại". Ông phó chủ khảo theo biển "phụng chỉ" đến cửa vi át. Còn cửa vi giáp, vẫn là phần ông chánh chủ khảo trông nom.

Hai hàng đèn lồng lắp ló soi hai bên đường, một đôi lọng vàng nghiêm chỉnh rước lá cờ "khâm sai" đi dâng trước đường, ông chủ trường thi và cái mũ cánh chuồn, cái hốt ngà voi, cái đai kim tuyến, cái áo thủy ba, cái hia rát con bướm vàng bằng bạc, khum núm núp dưới bốn chiếc lọng xanh chóp bạc, thong thả đi từ nhà thập đạo ra cửa trường. Cũng như mấy ông phó khảo phân kháo ở các cửa kia. Ông chánh chủ khảo vang mệnh lệnh tôn nghiêm của lá cờ vua ban, khoan thai bước lên mặt ghế tréo và ngồi chỉnh choẹ vợi một chòng quyền thi của học trò. Lọng vàng lọng xanh lại lần lượt làm theo phận sự. Nghĩa là bốn cái lọng xanh cùng che vào ông chủ khảo, hai cái lọng vàng thì che cho lá cờ "khâm sai".

Tiếng àm àm ở khu đất của trường tự nhiên im lặng, mấy nghìn con mắt đều đổ dồn vào viên đại thần đứng đầu khảo quan.

Bỗng như phá bầu yên lặng: "Báo oán giả tiền nhập! Báo ân giả thứ nhập! Sĩ tử thứ nhập!" - Dứt mấy tiếng loa chiêu lệ, ậm ợc ở trên chòi canh. Người lính đứng cạnh ghế tréo của ông chủ khảo theo miệng người lại phòng cầm sổ cũng đứng chõ áy, bắc loa đọc tên họ học trò.

Một tiếng dạ bật lên trong đám đông.

Một người thiêu niên liều mạng lách qua "vòng vây, đệ các đồ đặc kèn càng đến khu đất trước ông chủ khảo."

Toán lính kiểm soát bắt đầu làm việc.

Họ giở bô áo rơi và cuốn áo lều, họ dòm những cái chõng, chân chõng, họ ghé vào ông đựng quyển và quả bầu be đựng nước, họ lèn giải lưng và vuốt các gáu áo gáu quần, họ cởi tung cả bộ gọng lều, rồi họ lục soát đến cái tráp son.

Ngoài một thoi mực, một cái nghiên, vài cái bút, một cái dùi vở, một tập giấy bản và mấy cái bánh giò, mấy cái bánh dày, vài cái chả trâu, vài miếng cơm nắm, vài miếng thịt rang, trong tráp không có vật gì khả nghi.

Người thiêu niên ấy được phép lĩnh quyền thi của người lai phòng, và tung tăng đi vào trong trường với các đồ đặc lúc lích, vần quanh vai quanh cổ.

Đến lượt người khác theo tiếng loa gọi tên vào.

Người này cũng không có sách thạch bản hay văn cũ chữ kiêm chiết, nhưng các đồ lặt vặt không đựng bằng tráp mà đựng bằng yên, và trong cái yên lại thêm một bộ bàn đèn thuốc phiện. Thuốc phiện không phải vật bị cấm, người ấy cũng được lĩnh quyền vào trường.

Người lính cầm loa lại gọi tên người nữa.

Cũng không có thứ gì gian lậu, nhưng ở trong tráp người ấy lại có một dâm con. Thì ra ông có chứng đi kiết, phải dùng thứ khí giới ấy để vùi cái bã văn chương xuống nền lều, nếu khi làm văn chẳng may bệnh phát.

Mang dâm vào trường không có tội gì. Người ấy được qua cửa trường như hai người kia, sau khi đã nhận quyền thi bỏ vào ông quyền.

Tên người khác nữa được nhắc lại trong miệng loa đồng.

Các vật cần dùng của người này không khác gì của mấy người trước. Riêng có thứ đồ đựng nước không phải là quả bầu be mà là một cái lọ sành rộng miệng.

Ngạc nhiên, người lính kiểm soát thò que khoáng dưới trôn lọ, tức thì ở trên mặt nước có vật tròn tròn nổi lên.

Càng lấy làm lạ, người lính kia vội vứt vật ấy ra bừa ra xem. Té ra một mớ giấy bản viết chữ nhỏ hơn con kiến, người ta đã vo tròn lại và trát một lọt sáp ong ở khắp chung quanh.

Của phi pháp liền bị tịch thu, và cái tội "mang sách vào trường" tức khắc đưa học trò gian ngoan ra khỏi nơi thi cử.

Người lai phòng, người lính cầm loa và bọn lính kiểm soát lại tiếp tục làm việc như thường.

Chừng nửa canh năm, sương mù ở các cây đình liệu đã lui xuống gần mặt đất, ánh sáng cũng biến ra sắc úa vàng.

Đám người và đám lều chõng đã chuyên hết ba phần tư vào trường, khu đất ngoài trường chỉ còn ló

thơ vài trăng học trò, tiếng ôn ào dần dần êm dịu.

Mặt trời mọc, các cây đình liệu cũng vừa cháy hết, vũ trụ đã khôi phục cảnh tượng xinh đẹp và mộng mènh của ban ngày.

Trong miếng đất giáp với cửa trường, một chàng trai trẻ thơ thản đợi sự - khám xét của bọn lính kiểm soát. Bộ mặt tuấn tú có chọi vẻ kiều diễm với ánh nắng buổi mai. Đôi mắt long lanh như muôn hút cả sơn hà thành quách. Quần áo đồ đặc chàng ấy không có thứ gì phạm cảm, chỉ duy cái ngực sao lại nở nang mẩy lớn, hơi khác với ngực người thường.

Lục hết cái món linh tinh, cô nhiên bọn hạnh kiểm soát không quên soát cái chỗ mà họ đã nghi ngờ đó.

Vừa thực tay vào lần trong áo chàng ta, thì người lính ấy lập tức rút luôn tay ra, dáng bộ giãy nẩy giống như đụng phải nước nóng.

Những người gần đó hau háu nhìn chàng tuổi trẻ bằng đôi mắt ngờ vực, có kẻ bảo chàng ấy giắt nhiều sách vở giấy má trong mình, có kẻ lại đổ trong mình chàng ta hẳn có hung khí hoặc phù chú chi đó.

- Bầm quan lớn, người này không phải đàn ông.

Sau tiếng trinh giật giọng của người lính kiểm soát, ông chủ khảo trợ trẻ gắt gỏng:

- Sao mi hay Bầm quan lớn, con thấy...

Rồi ngập ngừng, người lính như không dám nói nốt.

- Mi thấy cái chi?

Người lính lại ngập ngừng:

- Bầm con thấy...

Sự thông minh của chủ khảo đã do sự ngập ngừng đó mà biết được cái người lính đã thấy, ngó mặt người trẻ tuổi, ông ấy hỏi một cách nghiêm nghị:

- Có thật mi là đàn bà không?

Đích thực đàn bà, người ấy không dám chối cãi. Lệnh nghiêm từ trên ghế tréo đưa xuống.

Người đàn bà ấy phải bỏ chiếu, lèu, chõng, tráp ở cửa trường, theo luôn sợi thừng của lính kiểm soát để đi ra dinh tổng đốc.

Trong đám đông, những ông sĩ tử còn đợi tiếng gọi, xôn xao người nọ hỏi người kia:

- Cô ả nào mà to gan thế - Quê quán chị ta ở đâu, có ai biết không?

- Cô ta ở phường Khán Xuân, chứ đâu.

- A! Cái cô ái nam ấy ư?

- Phải, chính cô ái nam ấy đây!

- Hoài của nhỉ! người thê mà ái nam!
- Cô ả học hành khá lắm phải không?
- Chẳng khá lại dám giả trai đi thi? Giỏi lắm đây chứ, kém gì nàng Văn Tú Tài?
- Các ông dám khen nó giỏi, tôi thì tôi cho là đồ đ..., "Nữ ngôn bất xuất", chữ sách đê đâu? Một người con gái đã có đọc sách mà dám len lỏi vào thi với đám con trai, thì còn biết danh giá là cái gì nữa. Dầu hay! "Tám vạn ngâm tư" cũng là đồ bô.

- Chẳng những đồ bô mà thôi, lại còn cái tội "khi quân" nữa chứ. Giả làm con trai đi thi đó là khi quân chứ gì! Rồi các ông xem, chị ta được "giảo giâm hậu là nhẹ, nếu tội ấy vào người đàn ông thì phải "trảm quyết". Cứ thế, người ta cứ chĩa vào mặt người con gái mà cãi vã với nhau mãi như thế.

Mặc cho những tiếng mỉa mai, những lời khen ngợi bay ngoài lỗ tai, cô gái lạ đời cứ việc đi qua trước mặt mọi người bằng dáng bộ thản nhiên.

Mặt trời lên cao.

Ánh nắng đã làm tan bót giá rét.

Khu đất ngoài trường dần dần vắng teo.

Câu chuyện "thi gian" của cô ả ái nam, nửa theo các ông học trò vào trong vi giáp, nửa đi với bọn hàng quà hàng bánh ra các phố phuờng.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 2 -

Hoa hòe bắt đầu tàn rụng.

H

Trước những hạt mưa lùn phún của tiết lập đông, cánh vàng theo ngọn gió may tơi tung khắp các mái nhà và các đường phố. Làn mây u ám phủ kín bầu trời. Ánh nắng hòa với bóng tối làm cho vũ trụ thành một màu tro.

Hôm nay cũng như mọi hôm mới đây, phường Khán Xuân của thành Hà Nội đã được loáng thoáng trang điểm bằng những chậu kim quất đỏ ối, những khóm cúc màu như ngọc như vàng; những bộ quần áo tím xanh của các cô khuê các.

Năm hâu tàn.

Trong gian gác nhỏ hẹp nhô trên một dãy mái ngói ở giải ven Hồ Tây, Xuân Hương với bộ mặt tàn ngần, thẫn thờ làm bạn với mấy chồng sách, lồng chồng mấy ngọn bút ngả nghiêng, một tập hoa tiên tơi bời trên án sách.

Cánh tượng bao la của mặt hồ và dấu vết điêu tàn của thành quách lâu đài thuở nọ thi nhau tiến vào cửa sổ, giúp thêm sự cô tịch cho gian gác trời đông.

Những cánh hoa hòe tản tác dưới hạt mưa bay cùng những lá sen khô xơ xác, nhập nhô trong ngắn nước, có ý nhắc lại cho nàng mấy vết đau đớn ẩn nấp đáy tim.

Hồi này năm ngoái, chính là hồi nàng phải bước chân vào dinh ông Quyền Chuồng Vệ Hà Nội.

Bấy giờ những kẻ thèm mòn chung đỉnh, thấy đều khen ngợi cả, chúc "bà bé" của nhà ông lớn là chức cao sang. Nhưng trong ý nghĩ của nàng, thân phận "tiểu tinh", chỉ là kiếp con sen con nụ.

Giả sử nàng là con nhà hàn vi hoặc là một kẻ ngu dốt, người ta gả bán một cách dấp díu như vậy, thì nàng cũng không lấy làm phàn nàn. Nhưng gia thế và tư cách của nàng đã đâu đến nỗi!

Chẳng may trong lúc giang sơn đổi chủ, sự tàn bại của vua Lê chúa Trịnh đã lôi sụp sự thịnh vượng của nhà nàng, trước kia, họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi trong huyện Quỳnh Lưu, vẫn là một họ trâm anh thế phiệt.

Tuy rằng cha nàng mất sớm, cài cảnh bồ cô, bồ cút đã dày đọa nàng từ thủa lên mười, nhưng nhờ sự dạy bảo của mẹ đẻ và nhờ nét thông minh của trời cho từ thủa lên mười, nàng nghiêm nhiên là một cô học trò biết làm câu đối bài đoan.

Dầu rằng sự học của nàng vẫn bị những ông tôn trưởng coi làm đồ đẽ viết thư cho con trai, không ai thiết săn sóc, rèn carp, nhưng nó với nàng cũng như hạt giống tốt với miếng đất phì nhiêu, không cần sự vun tưới của người ngoài, trong năm sáu năm, vẫn có thể thành một chòi cây rườm rà, nở những bông hoa tươi thắm.

Người ta đã phục nàng là bắc tài nữ không kém nàng Ban, á Tạ, khi thấy văn nàng có vẻ tài hoa.

Người ta lại rủa nàng sẽ là ca kĩ Tiết Đào, khi nghe thơ ca của nàng có giọng lảng lơi chua chát.

Cũng vì sợ nàng hóa như tác giả của hai câu "cành chim lá gió", thì có nhục cho gia phong, chú nàng mới bắt nàng thôi việc bút nghiên, tập nghề cày cấy.

Lại vì ghét cái giọng ồm ờ trong bài túc cảnh "tát nước gầu sòng", nhà đạo đức ấy, trước khi lâm chung, còn cố ghép cho xong mối dây lên giữa nàng với ông Quyền Chuồng Vệ Hà Nội.

Những như cái tướng rậm râu sâu mắt và cái tính cộc cằn lỗ mäng của đức lang quân, cũng đã khổ cho kẻ làm vợ, huống chi ở ngoài, ăn cạnh, nằm kè, còn phải tập những sự luồn cúi, ném những mùi cay chua, thì một người tài tình như nàng, chịu đựng làm sao cho nổi. Phúc đức thay, lòng hiếu sắc và oai đại tướng của viên quan võ nhị phẩm địch không lại máu ghen của mụ sư tử Hà Đông, qua sáu tháng đọa đầy, nàng được thoát khỏi nhà chồng bằng tội "ái nam" của Viên Chuồng Vệ đã ghép cho nàng để tránh tiếng sợ vợ.

Mẹ mất, chú đã chết, anh em họ mạc đều ở trong vùng Nghệ An, nhà cửa ở phường Khán Xuân, quê hương "sinh đẻ của nàng, lại về tay nàng làm chủ.

Lúc này không còn sợ ai ngăn cản, đe ép, nàng đã có quyền làm việc theo chí ý của mình.

Cũng sôi kinh nấu sủ, cũng mười năm đèn sách chử kém gì ai? Ta phải giật lấy miếng "ông đồ ông công" cho thiên hạ biết tay, để họ khỏi khinh "đàn bà, con gái". Bởi nghĩ thế, nàng mới ăn mặc giả trai, đổi họ đổi tên, nộp quyền xin vào trường thi. Chẳng ngờ, trời chẳng chiều lòng, việc bí mật lại bị cái vú "dậy thì" tố giác với lính kiểm soát, khiến nàng bị bắt luôn ở cửa trường. Tuy nàng chỉ bị giam hai ngày, nhưng nghĩ đến nguồn cơn lúc nào, nàng vẫn tức bức lúc ấy.

Ô hay! Thánh hiền vua chúa thù gì đàn bà con gái mà lại không cho người ta thi? Nếu không gặp được ông tổng đốc bà Nội là bạn cha ta, và những ông ngự sử, chủ khảo một học trò của ông ta, thì cái tội "cải trang ứng thí" có lẽ phải đến xử tử. Cứ tình thế này, đàn bà con gái không còn kiếp nào mở mặt lên được. Đời đã chó má như vậy, thân thế của ta sau này sẽ ra con đường nào?. Quanh quẩn nghĩ đi nghĩ lại, nàng vẫn chưa tìm được câu trả lời.

Gió may hiu hiu đưa vào cửa sổ.

Chồng giấy hoa tiên xanh đỏ phát phói bay ra khắp nhà.

Uê oái nàng đứng dậy xếp nhặt từng mảnh để trên án sách.

Mây hàng chữ thảo bỗng múa may rối rít ở trước mắt nàng:

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.

Năm thì, mười họa, nên chẳng chó

Một tháng đói lần, có cũng không.

Cố đám ăn xôi, xôi lãi hỏng

Cầm băng làm mướm, mướm không công.

Thân này ví biết dường này nhỉ

Thà trước thôi dành ở vậy xong!

Xem đi xem lại mấy lượt, nàng chợt cau đôi lông mày: - Thật là "ghét của nào, trời trao của nấy", phuong ngôn nói không sai. Minh chê người ta phải lấy chồng chung, trời liền bắt mình phải làm vợ lẽ một lão vú phu thô tục. Minh riếu người ta thà rằng ở vậy, đến mình giá muôn ở vậy cũng không thể được, cái gia pháp oái oăm vẫn có dứt mình đi, không để cho mình ở yên.

Mình cười người ta làm mướn không công, nhưng mình đi ở năm sáu tháng ròng vẫn trở ra với hai bàn tay trắng... Khen cho con tạo khéo trêu người...! Mân mê giờ đến tờ khác, nàng như thích ý, gật gù ngâm:

"Đương con nắng cực chữa mưa hè"

Im lặng, nàng tự bẻ mình: "Chữa mưa hè nghe vẫn chưa ổn. Vẫn "hè" khí ép.

Vâng nắng cực tức là chữa mưa, cần gì phải thêm hai chữ "chữa mưa" cho thừa?

Giả sử chữa lại làm "tiết trời hè" có lẽ êm hơn!

Săn bút trong óng, nàng liền tẩm mực dập mấy chữ cũ, viết thêm vài chữ nhỏ ở cạnh, rồi nàng đọc lại:

Đương con nắng cực, tiết trời hè

Rủ chỉ, em ra tát nước khe

Lẽo đẽo chiếc gầu, ba góc dum

Lênh đênh một ruộng, bốn bờ be.

Xì xòm đáy nước, mình nghiêng ngửa

Nhấp nhôm bên ghềnh, đít vắt ve.

Ham việc làm ăn quên cả nhọc

Dạng hang một lúc đã đầy phè.

Nàng bỗng mỉm cười:

- "Nắng cực!...Dạng hang... " Kẻ cũng chót nhả thật đây. Không trách ông chú phát cáu cũng phải. Xưa nay thi gia vẫn dùng những chữ gió, trăng, mây, móc, gấm, vóc, ngọc, vàng kia chứ, ai dám đem những tiếng ấy vào thơ? Nhưng, chót nhả thì chót nhả, nó vẫn không hề ra ngoài đầu đè, và cũng không hề mất vẻ tự nhiên. Phải! Có nắng cực mới phải tát nước, đã tát nước thì phải dạng hang, tức cảnh "tát nước gầu sòng", dùng mấy tiếng đó kẻ cũng sát lầm, thế thì dù có chót nhả cũng không can chi, sao lại có kẻ bẻ vành, bẻ vẻ?

Chẳng qua mình là con gái, thì bài ấy bị ghép vào tội đã thõa lăng lơ, giả sử mình là con trai, mà nghĩ được những câu như thế, tất nhiên họ sẽ khen nức, khen nở, híp mắt mà cười với nhau, rồi còn người này truyền cho người kia là khác. Lạ thay, trong việc dùng chữ làm thơ con gái với con trai cũng còn chênh lệch khác nhau đến như vậy?... ừ thì ta cũng nhận rằng con gái không được phóng túng như con trai, ta lại nhận rằng bài thơ kia là thơ lăng lơ đã thõa đi nữa, nhưng mấy câu thơ đã thõa lăng lơ, chưa phải là tội

chứa hoang làm đĩ, cớ sao ông chú lại nỡ lấy nó làm án để đẩy ta vào chỗ nọc rắn miệng hùm? Té ra người ta chỉ biết quý cái gia phong, không coi một đời tài sắc của ta vào đâu? Nếu không được mụ Chưởng vệ có tính ghen tuông, thì thân ta phỏng còn gì nữa!...

Thang gác có tiếng thình thịch.

Con nụ bung khay bàn chè và âm nước sôi đặt lên trên yên.

Quay ra, nàng pha chè chuyên nước, một mình thơ thẩn vừa ngâm hương chè vừa ngâm sự đời. Câu hỏi lúc này dường như lại thi thảm ở đâu bên tai: "Đời đã chó má như thế, thân thế của ta sau này sẽ đi ra con đường nào?"

Vẫn chưa tìm được câu trả lời. Nàng liền dấp giọng một hớp nước chè, rồi mơ màng nhìn ra cửa sổ.

Gió may vẫn thổi mạnh.

Lá sen khô vẫn lướt theo lớp sóng mặt hồ.

Cánh hoa hòe lá tã bay vào trong gác, và loáng thoảng rơi xuống ánh sáng.

Nàng bỗng giật mình và bụng bảo dạ: "Năm ngoái khi ta ra đi, hoa hòe cũng đương úa rụng, bây giờ ta trở về đây, hoa hòe lại đã hùn tàn. Thế là hết một năm rồi, thân ta vẫn tro troi, lênh chênh... chả mấy nữa mà mặt thâm má hóp. Âm nước hơi nguội, nàng gọi con nụ đem xuống đun lại. Sợ "tư tưởng" bị đứt một quãng. Giây lát, nó lại tiếp tục kéo ra. Nàng cười chua chát: "Từ khi còn là gái thanh tân, hình như ta đã nổi tiếng đồng đánh, chua ngoa, thiên hạ ai ai cũng sợ. Bây giờ tuy vẫn thanh tân, nhưng nào ai biết? Người ta chỉ biết ta là đứa chua ngoa và lộn chồng, chẳng những họ sợ, mà họ còn khinh bỉ nữa. Ta không thể đi tu, ta cũng không thể thanh tân suốt đời, nếu muốn sau này có được hạnh phúc tốt đẹp, có lẽ ta phải chừa bớt thói ốm ờ, sửa lại tính nết cho thành một người chín chắn đứng đắn, không nên cõng lại với lễ giáo của thánh hiền. Phải, "ở đời chịu đời", phải như thế, ta hãy thôi không làm thơ, không tròng ghẹo bạn gái, không chê riếu những anh con trai, ăn nói đứng ngồi phải giữ cho đúng lời dạy ở Thiên Nữ Tắc và các bài nữ huấn...!"

Tiếng thình thịch lại lần lần nén ở thang gác, con nụ đã lên với âm nước sôi. Bã chè hơi nhạt, nàng trút ra cái bát chúa, và cho chè khác vào ấm chuyên. Cạn một tuần nước đầu, nàng đứng dậy toan vơ đồng giấy hoa tiên đem đốt.

Bỗng nàng dừng tay và tự hỏi thảm: "Sau khi sửa đổi tính nết, thành người con gái đứng đắn và chín chắn, đời ta sẽ như thế nào?!!" Và nàng lại tự trả lời: "Chắc sẽ có người tâm đầu ý hợp, cậy mối đến hỏi. Ta sẽ cùng họ hưởng cái phúc tiêu dao ngâm vịnh như những đôi giao nhân tài tử ngày xưa..."

Tức thì những cuộc chơi bời thú hứng la liệt bầy trước mặt nàng. Nàng đương cùng chồng đổi mặt ngồi trong thuyền bồng lơ lửng bơi trên dòng thị Hà; ánh trăng lồng lánh chiếu xuống lòng sông, con thuyền nhẹ nhàng rẽ lớp sóng hàng đứng đinh qua những đám bóng cây và từ từ trôi ra cửa biển. Nàng đương cùng chồng cheo leo đứng trên đỉnh núi Tân Viên, bên tai, tiếng thông reo ào ào, tiếng suối tuôn róc rách, dưới chân, mây khói lờ đờ lượn đi lượn lại, trước mắt, núi sông, thôn ô thu lại như một bức họa đồ. Nàng đương cùng chồng tựa bức câu lớn, ngắm đàn cò bay trên Hồ Tây; mùi sen bát ngát đưa vào trong gác, người nọ tươi cười hớn hở chỉ bóng cò cây, mây nước bắt người kia vịnh thơ. Nàng đương cùng chồng song song nằm trong chăn cùng gói đầu trên một chiếc gói thêu; gió xuân ấm áp quạt làn khói trầm thấp thoảng bay trước màn the, thêm sự nồng nàn cho tình hứng. Nàng đương cùng chồng... Một cánh hoa hòe thoảng qua bên mắt. Chớp mắt một cái, mây câu hỏi khác thình linh ập đến hỏi nàng: "Cái người cùng nàng hưởng chung các cuộc vui thú, sẽ là người nào? Trong bọn thiếu niên ăn học ngày

nay, nàng đã biết mặt biết tên tất cả, người nào sẽ là người tâm đầu ý hợp của nàng?! Thế rồi trong con mắt nàng, một bợn tài tử văn nhân, theo câu hỏi kéo đến lũ lượt. Anh Nguyễn Văn Giáp ra phết phong lưu công tử, nhưng viết một bức thư không thông. Anh Trần Văn Nhâm văn chương nhiều bài thản tình nhưng mắt trăng già, môi thâm xì, rõ ra con người hiềm độc. Anh Đặng Văn Mậu mặt mũi cũng tuấn tú, tư cách cũng thông minh; chỉ phải cái đứng ngồi khum núm, có làm bộ "đức hạnh." Còn ngoài ra vô số anh khác; ôi thôi! toàn là hạng học trò của Vương An Thạch!

"Mặt bẩn không rửa", "áo bẩn không giặt", lại hơn cái mùi hôi như cù, cháy rận như sung, học già già như quốc kêu, mà vẫn vẫn nặng như đá đeo, sách vẫn quên như hũ nút. Chán nản, nàng kết một câu: "Không có ai cả." Và nàng lại tự đồng tình với nàng: "Phải, không có ai hết, không có ai đáng là kẻ tâm đầu ý hợp của ta, có thể cùng ta hưởng những cuộc chơi bời thú hứng. Trừ ra hoặc còn kẻ nào rách trời roi xuống, chứ trong hiện nay chỉ có một hạng anh Nguyễn Văn Giáp anh Trần Văn Nhâm anh Đặng Văn Mậu và vô số anh học trò của Vương An Thạch áy thôi. Nếu ta mà làm vợ họ, thì ta có khi sẽ là bà Đồ, sẽ là bà Cống, sẽ là bà Huyện, bà Phủ, bà Tống đốc, bà Thượng thư. Ta sẽ suốt ngày chỉ ngồi têm trầu. Ta sẽ suốt bùa chỉ ngồi gấp từng miếng đồ ăn đặt vào bát họ. Ta sẽ suốt năm chỉ neo nhéo rửa thằng quít và chửi con sen, con nhài... Có thể như thế được chăng. Không thể được. Ta không thể bắt chước nàng Mạnh Quang, khi đưa thức ăn cho chồng phải nâng bát ngang với lông mày. Ta không thể bắt chước nàng Tạ Đào Uẩn, khi nói chuyện với khách đàn ông của chồng, phải che cái trướng trước mặt, cho khách khỏi trông thấy mặt. Ta không thể bắt chước nàng Trác Văn Quân, khi chồng chênh mảng, còn cố nghĩ lấy bài ngâm "đầu bạc" để hòng chuộc lại tình yêu. Những cái người ta cho thảo hiền, hoặc sang trọng, với ta, chỉ là những sự khốn nạn đáng khinh. Thà rằng trơ trọi lênh chênh, ta không thể làm kẻ "sửa túi nâng khăn" cho những người mà ta không sao chịu nổi, thì ta còn tập lấy những thói khốn nạn làm chi.

Tần ngần, nàng chống tay vào khung cửa sổ, vơ vẩn nhìn trời, nhìn mây, nhìn những ngọn cỏ lơ thơ ở bờ hồ bên kia, để cân nhắc thêm một lần nữa, xem những ý nghĩ vừa rồi có đúng hay không đúng. Nàng thấy những thứ lễ nghi chế độ của những ông thánh, ông hiền đặt ra cho đàn bà con gái, rặt là những cái xiềng xích.

Thật thế, rặt là những cái xiềng xích. Người nào chịu xiềng xích, thì họ bảo là dâu thảo, vợ hiền. Ai mà cưỡng lại, thì họ cho là "lắng lờ đĩ thõa".

Nghĩ vậy, nàng bỗng cười ngặt nghẽo: "Chẳng những thế thôi, họ còn sưng sưng vu cho người ta là gái ái nam nữa chứ".

Rồi nàng quả quyết: "Không cần! Muốn gì thì gì, ta cứ sống bằng ý muốn của ta, ta không sống theo sở thích của người.

Bất đâu từ nay, ta thử phá hết những cái đạo đức giả dối, chơi với ông thánh, ông hiền một mẻ xem sao."

Kiêu ngạo, nàng khúc khích cười thầm: "Được rồi, lão nghè Hoàng vẫn lên mặt đạo đức cao thượng, làm hư cả mấy trăm học trò. Hôm nọ ở cửa trường thi, chính bọn học trò ông ta đã đua theo lão Quyền Chưởng Vệ mà phao cho ta cái tiếng ái nam. Bao nhiêu lời ong tiếng ve đó vào đầu ta từ trước đến giờ, phần nhiều ở ông ta mà ra cả.

Ta phải cho ông ấy biết ta trước nhất.

Nhanh nhau, nàng đeo án sách, hí hoáy lấy giấy đóng quyển, viết một bài văn thật dài.

Đọc lại một lần, nàng phá lén cười:

- Lão nghè Hoàng nghe hết bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Rồi nàng giao cuốn văn ấy cho con nụ, và dặn nó sáng mai phải đem nộp ở trường học cụ nghè Hoàng.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 3 -

Nửa sân bên ngoài, dãy bàng cổ thụ vẫn nghênh ngang giương tàn lá úa đỗ giữ cho khu đất dưới gốc khỏi mất vẻ sầm tĩnh âm thầm.

N

Nửa sân bên trong, mặt trời hèn yếu của mùa đông đã nhòm xuống gậm giàn hoa bằng những lỗ phên mắt cáo.

Với những mái tóc lăn tăn ngắn ngủi, mấy cây thông bù, trắc bách lù lù ngồi trên "thông gạch" như chưa nguôi cơn rét đêm qua.

Với những nhành lá lướt mướt hoi sương, mấy khóm bạch ngọc, kiều diệp, loạn điểm tố tâm hồn hờ múa trong hàng chậu da lươn, như mừng đón sự ám áp của ánh nắng buổi sáng.

Mùi hương thoang thoảng của hoa lan hòa với mùi thơm đậm đà của hoa mộc, hoa sói, theo luồng gió nhẹ ngọt bay vào trong nhà.

Trường học cụ nghè Hoàng lúc ấy vừa mới mở cửa.

Trên dãy xà nhà dài đặc, mấy bức hoành phi nền gác ngắt ngưởng nằm với nét sương kính của những chữ chân phương.

Trước cái cột béo lùn, mấy đôi câu đối sơn then thép vàng, bệ vệ phô vẻ đứng đắn của lối chữ đầu tầm đuôi én!

Ngoài mặt các tường các vách, những bức tú hoành xanh, đỏ, vàng, trắng thi nhau khoe nét tươi, nét réo, nét sắc sảo những dòng chữ thảo sen chữ hành.

Hết thảy mọi đồ trang hoàng đều tô điểm cho sự cao quý của một nền đạo đức.

Bằng cái danh vọng lớn lao tự đời cố Lê còn lại và vẫn lèo đẽo sóng theo tuổi thọ của một vị cố lão, tòa nhà ấy đã nổi tiếng "mực thước", về sự rèn đúc nhân tài. Bây giờ giang sơn Nam, Bắc mới chung nhau một bức bǎn đồ, những cuộc chinh chiến đã im, việc học của các trấn Bắc Thành đã bắt đầu khôi phục cảnh hoang phế trong mấy chục năm loạn lạc, thiên hạ đã nô nức tập văn, đọc sách, để sau năm một lần tranh cướp nhau miếng công danh trong kỳ thi hương, cho nên số người vào cửa cụ Nghè rất đông, tuy là một trường tư thực; mà sự sầm uất của văn học không kém gì trường đốc học Hà Nội.

Trừ ra mươi cậu đồng sinh là những con cháu họ hàng theo đến, có nhiên học trò cụ Nghè cũng như các học trò lớn khác, chỉ có hai lớp đại tập và trung tập.

Trung tập hàng ngày phải đến nghe sách, hàng tuần phải học làm văn. Còn đại tập thì mỗi tháng tập văn mấy kỳ.

Hôm ấy nhằm kỳ bình văn của học trò đại tập, bao nhiêu học trò trung tập đều phải đến sớm.

Cổng trường vừa ngỏ, những chiếc nón quai chuỗi đã lồ nhô đưa các thiếu niên anh tuấn lục tục tiến

vào với những chồng sách dày xù.

Cụ Nghè còn ở nhà trong chưa ra.

Nón sơn lần lượt bầu vào các tường các cột, hoặc đu lên then co tàu, các cậu học trò ngồi ngang chiếm lấy ngôi chỗ của mình ở mấy tấm phản ngoài ngạch.

Theo lệ mọi ngày, những người giỏi nhất lớp trung tập thay mặt cụ Nghè truyền dàn "môi đạo" cho những cậu tí nhau;

uốn eo với cuốn sách nát nhầu cắp ở dưới nách, một lũ đồng sinh tóc chỏm kế tiếp nhau tựa vào cột hiên, ngắc ngứ nhắc lại những câu đã học hôm trước.

Mấy cậu không thuộc, thèn lẹn tìm chổi quét khắp nhà trong nhà ngoài, những cậu đọc tron, tung tăng chạy đi mài son, mài mực. Cậu nào chưa có chữ học, đưa sách cái nhở người viết cho. Cậu nào bài học đủ rồi, mở sách học chồng bên bức cửa đợi chấm.

Nhà trường bắt đầu om sòm.

Những chữ "chi", "hò", "già", "giả" trong mấy cuốn sơ học vần tâm, "áu học ngũ ngôn thiên" nhất tè bị nhai đi nhai lại. Những tên ông thánh ông hiền ông vua ông quan trong các sách "Dương Tiết", "Tam hoàng", "Hạ Thương Chu", "Hán Cao Tổ", đồng thời bị réo róc hàng mấy chục lần.

Nghĩa chữ dàn dàn bị nuốt, tiếng học dàn dàn thấy thưa, quỳ đầu gói xuống gạch thèm, các cậu bé con tranh nhau đặt sách học vào trước mặt mấy cậu hơn tuổi và lễ phép hỏi: "thưa anh xin kể".

Chữ nào nghĩa ấy, mỗi cậu bé con kẽ hết từng chữ trong bài học, thì mỗi cậu lớn tuổi lại ngân giọng xướng luôn từng câu cho chúng đọc theo.

Hết lượt kể nghĩa, các cậu tí nhau như đã trả xong món nợ một ngày hôm ấy, ai nấy sung sướng ra các gốc bàng rủ nhau đánh khăng đánh đáo để chờ lấy sách viết tô.

Lớp học của bọn đồng sinh đã tan.

Mặt trời vừa lên khỏi ngọn cây bàng.

Trống cái hùng dũng điểm một hồi ba tiếng.

Cả lũ học trò trung tập rầm rắp đứng dậy với một giây "lạy thầy".

Chiếc điếu ống, cái tráp son và cái giỏ ám tích trịnh trọng rước cụ Nghè áo mũ chỉnh đốn ở nhà trong.

Bê vê ngồi vào giữa bộ ghế ngựa quang dầu kê sau chiếc án thư giàn mạt, cụ Nghè thong thả mở tráp lấy ra một cái cối ngà, một cái chày đồng và mấy miếng trầu không cau tươi.

Nhanh nhau và cung kính, một cậu học trò tiến lên, cúi đầu đón các đồ vật đem sang phản cạnh, hì hục nghiền, rồi lễ phép đê vào.

Móm mém nhai tân miếng trầu, cụ Nghè khoan thai vê môi thuốc lào đặt vào nõ điếu.

Nhanh nhau và cung kính, một cậu học trò khác tiến đến, cúi đầu bưng bộ đồ đánh lừa trên án thư ra phản thèm.

Chan chát đậm hòn đá lừa vào một thanh sắt cho lừa bật ra và bén xuống lớp tro giấy có trộn lưu hoàng diêm tiêu đựng trong hộp gỗ, cậu ấy se sẽ nhón những mảnh than có lừa tiếp vào mồi giấy, phì phò thổi cho bùng ngọn, châm vào sợi giây ruột gà, rồi lể phép đưa lên.

Ngậm hóp nước chè trong miệng, cụ Nghè vít xe điếu hút sòng sọc một hơi. Nước ngậm đã bị nhỏ vào ống nhỏ, khói thuốc đã bị thổi lên mái nhà, cụ Nghè ra hiệu cho các cậu học trò đọc sách.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò nũa nhẹ nhàng ôm chồng sách in cúi đầu đặt lên án thư.

Sau một câu xin phép rất lễ độ, một cậu học trò tốt giọng đằng hắng mấy tiếng, rồi mở sách ra đọc.

Theo lệ hàng ngày, bao giờ cũng đọc đủ ba thứ sách: kinh, chuyện và sử.

Hôm nay trước nhất thì đọc Kinh Dịch, rồi đến sách Trung Dung, rồi đến cuốn Tống Thiết Tông.

Mỗi khi người đọc sách đọc hết bài cái bài bản trong một chương, cả trường đều im phăng phắc, hơn trăm con mắt chăm chú ngó vào sách của mình, hơn trăm lỗ tai yên lặng đợi lời giảng của thầy.

Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ giảng rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng những lời bàn nào là phải, những lời bàn nào là quấy, cụ nói như rót vào tai học trò.

Đọc rồi giảng, giảng rồi đọc, qua bốn năm lượt giã trầu, đánh lừa, thi kinh, chuyện, sử, mỗi thứ cũng bị nhắc lại hết vài chục tờ. Công việc "nghe sách" sắp đoạn, cao hứng, cụ vuốt râu, hỏi:

- Các anh có biết thể văn lục bát nguồn gốc ở đâu hay không?

Gần trăm bộ mặt hết thầy tó vể ngơ ngác, người ta phải đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Cụ cười khanh khách và mắng học trò một cách vui vẻ.

- Các anh không có ý tú chút nào. Giở lại bài đọc hôm nay mà xem, nguồn gốc thể văn lục bát ở ngay những chỗ các anh vừa mới "nghe" đó...?

Gần trăm cuốn sách đều bị lật đi lật lại lung tung. Không ai tìm thấy chiết, người ta lại đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Vẫn bằng giọng nói vui vẻ, cụ giảng:

- Kinh, chuyện, sử mỗi pho đều có một câu lục bát: "Lục tam hàm chương khả chinh." Hoặc "tòng vướng sự vô thành, hữu chung." Đó là câu ở Kinh Dịch. "Phù thủy, nhất thước chí đa, Cập kỳ bất trắc, ngoan, đà, giao, long..." Đó là câu ở sách Trung Dung, còn ở sử thì là câu gì? các anh đã nghĩ ra chưa?

Ké chau mày lục soát trí nhớ, người còn để mắt tò mò trong cuốn sách vừa đọc cuối cùng, chưa ai kịp trả lời ra sao, cụ đã nói tiếp:

- "Đô dĩ sai sác hữu công, Sứ chi tòng tựa triệt tông miếu đình." Có phải câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ, rành rành theo vần với nhau đấy không? Đó là câu ở Tống sử. Thể văn lục bát của ta khác hẳn các lối thi ca của Tàu, không biết xuất hiện ra từ đời nào, nhưng nguồn gốc của nó, quyết phải ở mấy câu ấy. Những người kiến thức nông nổi, không chịu xét đến uyên nguyễn, thường khoe nước mìn có riêng một thể văn chương. Kỳ thực cũng là bắt chước kinh, chuyện và sử tất cả. Tiếc rằng thể văn ấy hiện nay chỉ có những câu phong dao, tục ngữ và những bài hát vè, hát đúm, nôm na mách què, sai cả ý của thánh nhân...

Những cậu học trò nghe rồi, ai nấy như mơ mộng tỉnh, tuy cũng có vài người dám cho ý kiến của thầy là quá khiêm cưỡng, và họ quả quyết tin rằng thể văn lục bát với mấy câu kia chẳng qua ngẫu nhiên hợp nhau, không phải có dính với nhau, nhưng họ đều nín im không nói. Còn phần đông đều phục cụ Nghè là bậc cao kiến, đã phát minh được một điều lạ lùng. Lại tan buổi học của lớp trung tập.

Học trò đại tập dần dần kéo đến. Ai cũng như nấy, rón rén bước vào ngôi khắp dây phản ở hai gian cạnh, sau khi đã chắp tay chào thầy.

Nghỉ ngoi một lát, cụ Nghè giờ lại tập quyền đã chấm, và tìm những quyền sẽ được "bình" để riêng một chồng.

Mọi kỳ bình văn trước kia, quyền "tập" thường thường tới gần ba trăm học trò đến nghe, vừa đại tập vừa trung tập có khi tới gần bốn trăm. Kỳ này vì đương khoa thi, học trò đại tập hầu hết nghỉ để đi thi. Chỉ có ít người bị trớ đại tang hoặc vì cớ khác không được vào thi thì mới có quyền ở đó. Bởi thế kỷ ấy số quyền rất ít, nhất là những quyền được bình lại càng ít lăm. Nhưng số người vào nghe thì nhiều gấp trước mấy lần.

Là vì khoa thi mới bắt đầu, thí sinh các trấn hãy còn tụ ở Hà Nội chờ xem bảng kỳ đệ nhất, nghe tin một trường danh tiếng như trường cụ Nghè Hoàng có kỳ bình văn, ai cũng nô nức đến xem.

Chừng khoảng nửa buổi, người ta kéo vào càng đông. Các phản trong nhà, ngoài thềm đã bị ngồi hết, nhiều người phải dumblem đứng với nhau ở dưới giàn hoa.

Hơi người đã chinh phục khí hậu giá rét và bắt nó phải ấm nóng.

Mấy ông bạn thân của cụ Nghè mời đến dự thính vẫn chưa thấy lại.

Mấy trăm sĩ tử cũng như gần trăm quyền văn hết thảy ngóng chờ đợi. Có người nóng ruột đã lảng ra công.

Mặt trời gần tới đỉnh đầu.

Bóng rợp của mấy cây bàng đã thu gọn lại.

Ngoài ngõ nghe có tiếng ho khù khụ và tiếng nói lao xao.

Cụ Nghè Phạm lù khù đi vào với ông Chiêu Bay, ông Chiêu Tám, ông Công Thiều, ông Công Minh và ba bón ông Công nữa.

Tất cả những người đương ngồi đều lể phép đứng lên.

Rè ràng, cụ Nghè Hoàng bước trên ghế xuống và ra tận thềm đón khách.

Với bóng vía của những chữ "cao niên thạc vọng", hai cụ Nghè và hai ông Chiêu ngồi trên chiếc ghế chính giữa một cách tự nhiên. Các ông Công giữ lễ hậu tiến, khép nép ghế vào hai chiếc tràng kỷ kê hai bên cạnh.

Trong nhà, ngoài thềm, sĩ từ lần lượt ngồi xuống.

Cạn tuần nước chè thứ nhất, cụ Nghè Phạm phèu phào hỏi cụ Nghè Hoàng:

- Kỳ này có quyền nào khá không?

Gật gù, cụ Nghè Hoàng đáp:

- Có một quyền của Trần Danh Mẫn khá lăm, tôi đã phê "tru" và hai quyền nữa tôi đã phê "bình", của Đàm Thận Trung và Nguyễn Mạnh Cố, cũng có nhiều đoạn xuất sắc.

Vừa nói, cụ Nghè Hoàng vừa lục mẩy quyền dâu khuyên đồ chói đưa cụ Nghè Phạm và hai ông- chiêu.

Ba người vừa xem vừa cười thích chí, ai nấy tâm tắc khen "được". Tuần nước chè thứ hai lại cạn.

Công việc bình văn đã bắt đầu.

Đầu bài kỳ này chỉ có hai bài tú lục: chiêu thi "Nghĩ Nguyên Thể tổ trung cầu Cố Tống di thần", hiệu là "Nghi Hán Tú hiệu từ qui thương sơn".

Với nghiên mực để sẵn bên cạnh, một ông học trò sang tiếng linh quyền của Trần Danh Mẫn ra bình.

Vừa đọc hết đoạn mở đầu cụ Nghè Phạm và hai ông Chiêu dục khuyên rồi rít, làm cho người bình khuyên điểm không kịp, dẫu mực mới chi chát để lên dầu son cũ, quyền văn lòe loẹt như một đạo bùa.

Người ấy bình hết quyền Trần Danh Mẫn đến lượt người khác bình quyền Đàm Thận Trung, bây giờ tiếng dục khuyên điểm đã thưa, khi người sau cùng bình đến quyền Nguyễn Mạnh Cố thì trong trường tự nhiên không thấy vui vẻ bằng trước.

Bỗng ở chiếc phản cạnh thèm mấy câu học trò chụm đầu vào nhau, hình như không hề để ý đến bài văn đương bình. Rồi họ đọc lầm nhầm. Rồi họ cười tưng tửng. Rồi họ cười khúc khích. Rồi họ xúm lại như đám thò lò, quên cả lễ độ ở trước thầy học.

Ngạc nhiên, cụ Nghè Hoàng quát hỏi:

- Cái gì ở ngoài ấy thế?

Mười mấy cái đầu cùng ngừng lên. Một cậu gập tập tráng dâu vào túi. Các cậu khác quay ra ngồi lại một cách nghiêm trang, cả mười mấy người đều như muốn cười mà phải cố nhịn.

Ông Chiêu Bảy chừng lấy làm lạ, vui vẻ hỏi:

- Giấy má gì đấy? Các cậu đưa vào lão xem.

Mọi người đều bung miệng nín cười vờ ngơ ngác nhìn nhau, không ai dám nói sao cả.

Ông Chiêu Tám cũng tươi cười hỏi:

- Chắc là văn thơ của ai ché riếu bọn lão chứ gì!

- Được các cậu cứ đem vào đây!

Vẫn không người nào chịu đưa.

Phát cáu, cụ Nghè Phạm bảo ông Công Thiều ra lấy. Cực chẳng đã, cậu nọ phải móc túi giấy bỏ tập giấy ra, vẻ sợ sệt hiện đầy trên mặt.

Ông Công Thiều vừa đi vừa xem vừa cười tưng tửng, rồi lễ phép trao lại cho ông Chiêu Bảy.

Ông Chiêu Bảy cũng không thể nhịn cười mỗi khi xem hết một câu.

Cụ Nghè Hoàng vẫn đã xong, bao nhiêu học trò đều ngồi nán lại, chờ coi tập giấy kia là bài gì.

Ông Chiêu - Tám nhảm ông Chiêu Bảy:

- Có phải họ ché chúng mình đây không?

Ông Chiêu Bảy lắc đầu:

- Không phải... Bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương.

Cụ Nghè Hoàng nghe đến ba chữ Hồ Xuân Hương như bắn cá lỗ tai, chau hai lông mày, cụ gắt:

- Các ngài xem chi văn chương của con gái rõm ấy, xin cho trẻ nó đốt đi!

Ông Chiêu Bảy ôm ờ:

- Nó rõm nhưng vẫn nó hay. Sao lại đốt? Tôi muốn xin phép các quan bình cho học trò nghe.

Cụ Nghè Hoàng cho là ông này có ý trêu mình, im bặt không nói gì nữa.

Cụ Nghè Phạm với giảng tập giấy ở tay ông Chiêu Bảy:

- Đưa lão xem. Thê nào mà ông bảo là vẫn hay?

Vừa coi hết vài dòng đầu, cụ Nghè Phạm quăng tóp xuống án và gọi đồng sinh đem đốt ngay đi!

Ông Chiêu Bảy lại cầm luôn lấy:

- Vâng! Đốt thi đốt? Nhưng xin hai cụ hãy cho chúng tôi bình chơi cái đã!

Cụ Nghè Hoàng sầm mặt:

- Ở đây nhi mục quan chiêm không phải chõ nói khôi hài.

Ông Chiêu Bảy vẫn hồi hột:

- Bảm không phải khôi hài! Tôi muốn theo ý của Kim Thánh Thán đây à? Chắc hai cụ cũng còn nhớ cả, trong bài tựa quyển Tây Sương Ký, Kim Thánh Thán có nói thế này: "Người ta bảo Tây Sương Ký là sách dâm, chỉ vì trong sách có việc... ấy. Nhưng thử nghĩ kỹ mà xem: trời đất vũ trụ ngày nào không có việc... ấy? Chỗ nào không có việc... ấy. Có lẽ bảo trời đất có việc ấy thì bỏ trời đất; vũ trụ có việc ấy thì bỏ vũ trụ hay sao? Sao sách ấy có việc ấy lại muốn bỏ nó". Hai cụ nghĩ sao? tôi cho Thánh Thán nói vậy là phải. Vậy xin phép hai cụ, cứ cho chúng tôi bình thử?

Ông Chiêu Tám cũng cười:

- Thì ông ấy đã muốn như thế, hai cụ cứ thì cho phép cái nào?

Ông Công Thiều ra bộ sốt sắng:

- Xin phép các cụ để cho tôi bình.

Rồi ông ấy nhanh nhảu đứng dậy đón tập giấy của ông Chiêu Bảy. Cụ Nghè Phạm cũng như cụ Nghè Hoàng lặng lẽ ngồi với mặt thâm mày xám.

Ông Công Thiều vừa cầm tập giấy vừa cười sảng sặc. Học trò trong nhà, ngoài thềm, hết thảy ngo

ngắn chờ nghe.

Lâu lâu, tan con buồn cười, ông Công Thiều dōng đặc giọng:

- Tự tình rằng:

Khi canh cữi, lúc ngồi thong thả

Ngẫm sự đời buồn bã góm ghê!

Âm dương lấy đáy mà suy

Côn trùng cũng có huống chi loài người.

Góm rát tai, những lời trò chuyện

Khéo đặt điều nói đến những câu

Cả nhà im lặng như thường. Mấy ông học trò ngồi ngoài làm rầm bảo nhau:

- Như vậy tưởng không có gì là rõm

Hai cụ Nghè vẫn mặt lăng mày vực, ông Chiêu Bay vẫn chüm chím cười thầm.

Ông Công Thiều nghỉ trong giây lát lại tiếp:

- Thơ rằng:

Chém cha cái sô má hông trâu.

Nghĩ đến càng thêm lấm nỗi sầu

Dệt cùi quăng đi còn có lẽ

Gieo thoi ném lại, chuyện không đâu.

Ông Chiêu Tám nói xen:

- Mấy câu ấy chắc ả muốn than về chuyện chồng rẫy. Được, vẫn cũng hoạt.

Ông Công Thiều vẫn đọc:

- Góm thay Gan người, dạ thê, sâu khôn xiết,

Phao lên rằng: "tít tịt có chí"

Tai thấp thoảng, bụng hồ nghi.

Rành rành chẳng biết cái gì mọc đây

Hai ông Chiêu đều cười ngặt nghẽo.

Cụ Nghè Hoàng xưa tay bảo ông Công Thiều:

- Thôi đừng đọc nữa.

Nhưng ông Cống Thiều cứ đọc:

- Con vắng vẻ mặt dây ngầm lại

Lúc buồn tình tay gãi đã quen

Rành rành mũi mít đôi bên.

Lùm lùm chai úp là miên hạ thôn.

Ông Chiêu Tám vẫn túm tím:

- Tục quá? Không trách các cụ bảo đem đót đi cũng phải. Văn chương gì mà tục đến thế.

Ông Chiêu Bảy vội bênh bằng giọng cười cợt:

- Có nhiên nó tục! Nhưng ông nên biết cho người ta rằng: đó là một bài tự tình cốt để giải tỏ cái oan "ái nam", không phải là kinh, là chuyện, hay là một thiền gia huấn? Vâ chăng, mấy câu này tuy tục nhưng chỉ ý tục chó lòi không tục, cũng còn có thể tha thứ.

Hai cụ Nghè căm mặt ngồi im, ông Chiêu Tám chỉ cười không đáp. Ông Chiêu Bảy nói tiếp:

- Người đời, trừ ra bực thàn tiên ai mà không tục!

Tôi rất phục câu nói của ông Trương Xưởng: "Trong chốn khuê phòng, tình nụng vợ chồng, còn có việc tệ hơn là vẽ lông mày". Bị vua hỏi đến tội vẽ lông mày cho vợ, mà ông ta dám nói như thế, kể cũng thật thà và can đảm lắm. Tôi không hiểu tại sao nhiều người vẫn luôn làm những việc tục, mà đến văn chương lại ghét ý tục? Thánh hiền có dạy thế đâu!

Cụ Nghè Hoàng vùng vằng đứng dậy đi vào nhà trong. Ông Cống Thiều cao giọng ngâm nga:

- Cỏ rêu mọc xanh om cửa tía,

Lá cờ bay đỏ kẽ song đào,

Môi dày, miệng rộng, trán cao,

Đúng trong tướng pháp ánh hào nghi dung.

Nhà trong nhà ngoài, tiếng cười rầm rì, tướng như xô cả mái ngói. Ông Chiêu Bảy vỗ tay bảo ông Chiêu Tám:

- Đoạn này chắc nó xô lão Quyền Chưởng Vệ "Môi dày, miệng rộng, trán cao", thật là mặt ông Quyền Chưởng vệ, không sai một chút. Út, một người tài tình như thế, vô cớ bị ông kia hỏi lấy một cách ép uổng, rồi lại vu cho cái tiếng "ái nam" để mà đuổi đi. Như vậy, nó túc là phải, xô là phải.

Rồi ông Chiêu Bảy giục ông Cống Thiều:

- Ông cho nghe tiếp đoạn dưới.

Nhưng ông Cống Thiều vì cười nhiều quá, phát nắc, không đọc được nữa, ông Cống Minh cầm quyền đọc thay:

- Áy rõ thật là...

Mới được bốn chữ, ông này đã cười sảng sặc, không thể đọc tiếp.

Một lát, con cười hoi tan, ông ấy bung miệng đọc nốt:

- Võng rày rây,

Bằng lương nhân trông thấy cũng ghê.

Há như lá...

Còn cười sảng sặc lại nổi lên, ông Công Minh lại phải nghỉ đọc. Lâu lâu, ông ấy lại bung miệng đọc theo:

- tróc, lá tre,

Mà cười mà ngầm mà kè mà không

Ông Chiêu Tám lắc đầu:

- Đều quá! Nó xổ lão Quyền Chưởng Vệ đau quá.

Ông Công Minh ngân giọng:

- Của trời cho, xinh giòn là thé.

Người ta còn ẻo eo rằng "không".

Nín thì tức, nói thẹn thùng,

Phải đồ oán chợ mà hòng phô trương

Mà dãi thè như phuờng tơ kén

Vén màn quần bảy biện đồ ra

Để cho những khách gần xa Thủ xem cho biết rằng là có không

Ông Chiêu bảy vỗ đùi:

- Nghe đoạn này toàn là giọng oán túc. Ủ, bỗng không lại bị đeo tiếng ái nam, ai mà nhịn được. Mình gấp nước ấy. Mình còn nói tục bằng mười.

Cụ Nghè Phạm hầm hầm đứng lên vào nốt nhà trong. Ông Công Minh càng ngân dài giọng:

- Nhưng mà lại vào dòng quý tướng,

Bộ râu xồm quai nón phát phơ.

Hai ông Chiêu lại cùng cười như nắc nẻ:

- Nó vẽ ra mặt ông Quyền Chưởng vê, ông ấy nghe thấy bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Ông Công Minh vẫn liên tiếp không dừng:

- Màn quần che kín sớm trưa

Tuyết sương chǎng quản nắng mưa chǎng tùng.

Hoặc có lúc hờ hênh khuya sớm,

Chỉ người nào ghé trộm thì hay.

Vì băng đem đê sánh bầy,

Thất kinh vía quỷ, xa bay hồn phàm,

Nhân nay buỗi thanh nhàn thư thái.

Chép vài hàng nhǎn gửi nước non.

Cây ai phán bảo ôn tồn

Nên tin rằng, " có, chớ đòn rằng không".

Đời đã thiêu anh hùng các sĩ.

Cửa phòng thu dễ hé cho ai!

Tự tình ta viết ra chơi.

Không không, có có, miệng người xá chi.

Ông Chiêu Bảy cau mặt:

- Đoạn kêt lão quá, đáng đánh đòn.

Tan cuộc bình văn, học trò lè té ra vè. Hai ông Chiêu và mấy ông Công trọng trọng vào tận nhà trong từ biệt hai cụ Nghè, các cụ vẫn chưa nguôi cơn giận, không thèm nói một câu nào cả.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 4 -

Ba bốn hôm nay, tiếng tăm Hồ Xuân Hương ầm cả phố phường Hà Nội, nhất là các quán rượu, các hàng cơm, những chỗ có học trò đi thi ở trọ. Người ta nhắc lại việc nàng cài trang vào thi bị bắt và bị giam. Người ta truyền khẩu cho nhau cái bài tự tình của nàng đưa vào trường ông Nghè Hoàng. Người ta trách ông Quyền Chưởng Vệ Hà Nội sao lại vu cho nàng cái tiếng ái nam.

B

Rồi người ta phê bình đến phẩm cách của nàng.

Có người chê nàng đĩ lòng, có người bảo nàng tài tình, có người chê nàng đen đúa xấu xí, cũng có người khen nàng vừa đẹp, vừa giòn, làm cho trong đám học trò "đi thi" kẻ nào chưa biết mặt nàng, háo hức muốn đi xem mặt.

Lúc ấy trời đã xé chiều.

Mặt nước hồ Tây lóng lánh nhuộm vàng của ánh nắng.

Xuân Hương thơ thẩn đứng dưới gốc đa trên đường Cố Ngư mơ màng nhìn đàn chim sâm cầm nháp nhô bơi hụp.

Mặt trời chênh chêch nhòm vào đôi má đỏ hồng.

Bóng mây lồng dưới đáy nước long lanh in lên đôi mắt sáng quắc.

Xa xa néo chùa Trấn Quốc, bỗng có tiếng người cười nói khúc khích.

Nàng không để ý, vì nàng cho là bọn sư trong chùa bù khú chay với nhau.

Tiếng cười nói mỗi lúc mỗi to thêm, nghe rõ ra giọng một bọn sĩ tử. Bây giờ nàng lại đoán là họ đã bàn tán chê riễu đến mình. Tức thì nàng đi lật lẽo, cũng định chòng ghẹo chơi cho họ một mè.

Khi nàng đi đến gần chùa Trấn Quốc, thì một bọn độ năm, sáu người vừa lục tục kéo ra, té ra họ không biết nàng là ai. Qua trước mặt nàng, người nào người ấy hai mắt lầm lét, hình như muôn trông mà không dám trông. Cách một quãng xa, còn nghe thấy tiếng họ trò chuyện nổ như pháo ran, không biết họ nói những gì. Cao hứng, nàng lững thững dạo vào trong chùa Trấn Quốc, để xem mới rồi bọn đó làm gì ở đó.

Trong chùa, ngoài chùa quang cảnh vẫn như hôm qua, mấy chú tiểu đồng hí húi nhỏ cỏ quét sân, mấy sư ông lồ nhô chầu đầu trọc gật gù nói chuyện trong nhà. Thỉnh lình nàng nhòm lên vách đại điện, thấy có một bài tú tuyệt mới đẽ, nét mực chưa ráo.

Nàng để ý ngắm, thì bài đó tả cảnh chùa trên hồ trời chiều. Coi rồi, nàng bỗng ôm bụng mà cười, các sư các tiểu đều lấy làm lạ, họ xúm lại xem, không ai biết là nàng cười gì.

Một lúc sau, nàng cố nhịn cười, và hỏi mấy sư ông:

- Mấy câu trên đây của ai viết thế?

Cung kính một sư ông chấp tay đáp:

- Bạch người, đó là thơ của mấy ông học trò vừa ở đây ra. Hình như ở dưới cuối bài đã có ghi tên tác giả thì phải.

Nàng vội nhìn lại, thì ra lúc nãy vì buồn cười quá nên không trông hết. Quả nhiên ở dưới cuối bài còn có năm chữ "Đặng Như Bích kính dè".

Nàng lại mỉm cười:

- Thơ là thơ túc cảnh mà cũng lạc khoản báng hai chữ "kính dè" không biết họ kính ai đây hay là kính mấy con vịt le trong hồ.

Rồi nàng bảo nhà sư cho mượn bút mực, để nàng dè luôn bài khác ở cạnh.

Một nhóm sư ông đứng ở đằng sau, có ý khoe mình là người nhiều chữ, nàng viết câu nào họ đọc luôn câu ấy khi nàng viết hết cả bài, một người cao giọng ngâm nga:

- Dắt díu nhau lên đến cửa chiên,

Cũng đòi học nói, nói không nêu.

Ai về nhǎn bảo phường lòi túi

Muốn sống đem vôi quét trả đèn!

Chờ họ ngâm xong, nàng hỏi:

- Thế nào? Bài thơ của tôi mới dè có xuôi không?

- Bạch người, hay lầm, người nghĩ lạnh quá, thanh hơn mấy ông ban nãy nhiều lầm.

- Các ông ấy vào đây từ bao giờ?

- Bạch người, các ông ấy vào từ buổi sáng. Ngồi chơi một lát thì nói ngay đến chuyện làm thơ. Tức thì các ông ấy gọi láy nghiên bút và giấy nháp. Chưa đi chưa lại đến mấy chục lượt. Hơn chục giấy bẩn các ông viết vừa hết, chúng tôi đã phải cung phụng mười ám nước chè tàu và năm sáu ám nước lão mai, các ông ấy mới làm xong được bốn câu thơ, và tấm tắc khen hay, ông nọ bảo ông kia không thể bỏ được chữ nào. Rồi các ông cũng cắt một người chữ tốt lấy bút "đè thơ" mà dè lên đó.

- Bạch người, tôi nghe bài thơ của các ông ấy cũng hay đấy chứ, sao người lại bảo là phường lòi túi.

- Bạch người, bốn câu thơ của người tuy có xuất sắc nhưng mà lời lẽ chua ngoa, tôi e đến tai các ông ấy thì các ông ấy không bằng lòng.

- Bạch người, hay là người cho xóa bài thơ của người, vì ông Đặng Như Bích, chính là con trai cụ Nghè Đặng, nay bị người chế riễu như thế, sợ rằng ông ấy quở trách đến bọn nhà chùa chúng tôi.

Xuân Hương cười nhạt:

- Được không hề chi, để tôi ký tên rõ ràng, nếu có sự gì lôi thôi, tôi sẽ chịu hết, không việc gì đến nhà chùa.

Tức thì nàng cầm bút viết thêm ba chữ "Hồ Xuân Hương" ở cuối bài thơ của nàng, rồi đứng định đi ra.

Mặt trời lặn....

Trời xâm tối.

Trong phuờng Khán Xuân dần dần thưa người đi qua.

Sáng hôm sau, nàng vừa ngủ dậy, mới uống cạn một ám nước chè, bỗng thấy con nụ ở đường tắt ta chạy về, hót hơ, hót hoảng, vừa thở nó vừa nói:

- Thưa cô...!

Rồi nó lại phải đứng im để thở. Nàng cũng ngạc nhiên về thái độ luồng cuồng của nó, liền hỏi:

- Cái gì thế! Giặc nỗi ở đâu đây chẳng?

Con nụ vẫn thở, một lúc nữa nó mới cất tiếng:

- Thưa cô, họ sắp đến phá nhà ta!

Xuân Hương sầm mặt:

- Họ là đứa nào? Đứa nào dám phá nhà này, chúng nó làm giặc hay sao! Im đi, không được nghe nhảm, nói càn!

Con nụ vẫn nói:

- Thưa cô, thật đấy! Không phải giặc, đó là một bọn học trò đi thi.

Nàng nghe câu nói của nó đã hơi có lý, liền gặng:

- Ai bảo mày thế?

- Thưa cô, bà hàng bánh dày ngoài đầu phố.

- Bà ấy nói sao?

Bà ấy bảo rằng: "Đêm hôm qua, khi đi bán hàng ở quanh mấy phố gần trường thi, đến chỗ nào cũng nghe thấy người ta àm àm bàn nhau, nhất định phải đến phá nhà của Hồ Xuân Hương. Bọn nợ rủ bọn kia, họ tính đến ngay ban đêm, nhưng vì trời tối, nên họ bảo nhau để đến ngày nay.

- Bà ấy chỉ nói thế thôi?

- Bà ấy còn bảo con chính mắt bà ta trông thấy một người học trò cụ Nghè Đặng và ông con trai cụ ấy đi rủ rê khắp các nơi, rồi đến mấy ông học trò cụ Nghè Hoàng cũng hùa theo.

- Chúng nó nói leo! Ta không biết họ cay gì ta, nhưng dù cay gì mặc lòng, qua một đêm hôm qua, chắc là con tức của họ nguôi rồi. Böyle giờ có thường thêm tiền họ cũng không dám đến nữa. Vâ, vô cớ phá nhà người ta, có sợ tội không! Chỉ có giặc mới dám như thế.

- Thưa cô, thật là họ chưa nguôi con tức, con cũng không biết họ tức gì cô, nhưng họ tức lắm. Bà hàng bánh dày nói rằng: Họ bảo cô làm nhục cụ Nghè Hoàng, cô làm nhục cả cụ Nghè Đặng, nhất định

họ phải báo thù cho thầy, tức là hai cụ Nghè ấy. Một người bán hàng đậu phụ cũng nói với con: Sáng sớm hôm nay ở phường Đồng Xuân thấy có tưng lũ học trò dùm dum đứng ở giữa đường, bàn nhau họp lại một chỗ, rồi cùng đến kéo cho đồ nhà ta và bắt lấy cô mà đánh một trận thật đau, thì mới hả giận. Xin cô liêu cách đôi phó. Không thì nguy đến noi rồi.

Xuân Hương mỉm cười, ngẫm nghĩ một lúc: nàng dặn con sen ở nhà coi nhà, rồi nàng trùm khăn vuông bịt lèn đầu, lững thững cắp nón xuống gác và đi về nẻo Trường Thi.

Một tốp học trò chừng vài chục người xúm nhau ở một quãng đường giữa phường Thái Cam. Tiếng nói chuyện ồn ào như đám họp chợ.

Đánh bao, nàng sẽ lảng vảng đi qua, xem họ nói gì. Con nợ nói đúng. Họ đương bàn tán về việc đến phá nhà nàng. Kẻ rằng phải đi bảo thù cho anh em, người rằng ai đội mũ lệch thì xấu người ấy, chẳng hơi đâu can thiệp chuyện người dung, lỡ ra phải tội phải vạ thì ai chịu đõ.

Qua một hồi bàn bạc phân vân, kết cục những người bàn ngang đánh đổ hết những câu nghĩa khí, mỗi người tản đi mỗi ngả. Đám học trò áy giải tán.

Nàng lại cắp nón cứ đi.

Gần đến trường thi, xa trông đã thấy một đám người khác quần tụ ở dưới gốc cây. Bọn này nghe chừng hăng hơn và cũng đông hơn bọn kia. Nàng đứng cách một quãng khá dài, đã nghe rõ tiếng họ nói:

- Anh em phải biết cụ Nghè Đặng và cụ Nghè Hoàng tức là tiêu biểu của sĩ lâm ngày nay. Nó dám ngạo mạn với cụ Nghè Hoàng và chế riếu con trai cụ Nghè Đặng, tức là nó khinh sĩ lâm Bắc Thành. Con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, loài vật còn biết thế huống chi loài người. Chúng ta đã cắp sách đi học, được thám nhuần tâm gọi những cái nghĩa lý của thánh hiền dạy, thì chúng ta phải bênh vực lấy người đồng đạo, cho khỏi mất tiếng của sĩ lâm!

Người áy nói dứt, một hồi vỗ tay vang một góc trời. Lâu lâu, tiếng vỗ tay đã im, đến lượt người khác nói tiếp:

- Chúng mình đã là người trong sĩ lâm, tuy không được hầu tiếp hai cụ Nghè, nhưng cũng tức như học trò các cụ áy. Nó đã khinh các cụ, tất nhiên nó không vị nể gì chúng mình. Vả các cụ mà bị tiếng xấu, chúng mình cũng không đẹp mặt với ai. Có nhiên đối với việc này, thế nào chúng mình cũng không thể nín, phải làm cho ra lẽ, để rửa cái nhục chung cho sĩ lâm.

- Nhưng làm bằng cách nào, rửa bằng cách nào, đó là một điều anh em phải bàn cho kỹ.

Một tiếng nói lớn bật ra trong đám đông:

- Anh áy nói phải! Có nhiên chúng ta phải bênh vực thể diện cho sĩ lâm Bắc Thành, nhưng bênh bằng cách nào. Không lẽ cả bấy nhiêu người kéo đến mà chửi vả với nó?

Trong đám đông lại đồi giọng nói:

- Việc gì phải chửi nhau? Chúng mình là kẻ đọc sách biết chữ, chứ có phải hàng rau hàng hành đâu? Cứ kéo cả đến mà đánh cho nó một mẻ?

- Không được! Bấy nhiêu con trai, đàn ông, đều là bậc thiều niêng anh tuấn trong nước, đâu lại đi đánh nhau với kẻ đàn bà con gái?

- Thế thì làm thế nào chứ?

- Kéo cho đỗ nhà nó đi, chứ làm thế nào! Phải đây! Chúng ta phải trừng phạt nó bằng cách ấy mới đáng tội. Nếu mà chửi nó thì không ra khi tiết của đắng trượng phu.

- Anh em hãy nghĩ cho chín, không nên nóng nẩy. Vô cớ kéo đến phá cửa phá nhà người thì còn luật pháp làm sao? Chúng ta có làm giặc đâu mà hoành hành như thế?

- Ủ, chỉ có giặc cướp thì mới tự nhiên kéo đến nhà của người ta mà phá! Chúng ta toàn là hạng học trò trung vua, yêu nước, nếu như chúng ta làm bậy, quyết là các quan sở tại không để cho yên.

- Cái đó không cần, chúng mình làm việc nghĩa khí, chắc là các quan sở tại cũng phải phục. Huống chi quan nào thì quan, chẳng qua cũng xuất thân từ sĩ lâm mà ra, nó làm nhục sĩ lâm, tức là nó làm nhục cả các quan. Chúng ta rửa cái nhục ấy cho sĩ lâm, cũng là rửa nhục cho các quan. Các ngài chẳng giúp mình thì chớ, lẽ nào lại nỡ ngăn cản chúng mình.

- Anh em làm việc nghĩa khí, anh em phải can đảm! Có can đảm mới làm nổi việc. Không sợ các quan bắt tội. Nếu bắt tội chúng mình, các quan ở với ai. Nhà vua còn trọng học trò nữa là các quan? Bây giờ chúng ta tuy là học trò, nay mai chắc đâu không là rường cột của nhà nước.

- Thôi, không phải bàn đi tán lại lôi thôi, cứ đến kéo đỗ nhà con đĩ đi, tội đâu tôi xin chịu cả?

- Nhưng chúng ta chỉ có số bấy nhiêu người kéo sao cho đỗ nhà nó?

- Thế thì phải đi rủ thêm mấy nghìn thí sinh hiện ở Hà Nội. Ai nghe chuyện đó mà không căm tức? Tôi chắc nhiều bạn đã họp nhau bàn việc này rồi. Nếu mình đến rủ một câu, tất nhiên nhiều người sẽ vui lòng theo.

Một số đồng lại vỗ tay khen phai. Tức thì cả bọn chia làm mấy toán, mỗi toán rẽ đi mỗi phố.

Biết qua tình thế như vậy. Xuân Hương không muốn đi theo họ nữa, lật đật, nàng lượn qua chùa Quán Sứ để trở về phường Khán Xuân. Trong chùa cũng nghe thấy tiếng học trò àm àm, đại đê họ cũng nói như các bạn kia.

Vừa đi, Xuân Hương vừa nghĩ: "Không ngờ sĩ phong ngày nay trẻ con đến thế, chỉ có một việc côn con như thế mà họ cố làm cho to chuyện. Không biết những khi nước mắt nhà tan. Họ có hăng hái được như vậy hay không?" Càng nghĩ nàng càng căm cụ Nghè Hoàng, nàng cho việc này do cụ xướng xuất ra cho học trò cụ trước, rồi đến học trò cụ Nghè Đặng mới a dua theo. Rồi nàng lại tự an ủi: "Nhưng mà cũng chẳng cần gì. Ta chắc họ chỉ rủ rê bàn tán để lấy sĩ diện với nhau đấy thôi, quyết không anh nào, dám nhúng tay mà làm. Bởi vì họ hoàn toàn là hạng nhát gan như cáy, đâu dám hung hành đến thế!! Đi một quãng nữa, nàng lại lầm bẩm một mình: "Tuy vậy, ta không thể coi thường, chắc đâu trong bọn hàng nghìn con người, lại không có lấy mươi lăm đứa đên dại? Nếu mà những đứa đên dại ra mặt đứng đầu có lẽ những kẻ hèn nhát cũng phải đua theo. Như vậy chẳng những mang tiếng, mà ta còn bị tàn hại là khác. Thế thì bây giờ ta phải tìm cách ngăn ngừa, để cho việc khôi xảy ra mới được..." "Nhưng mà, sự đã thế này, còn có cách gì ngăn ngừa được không?". Nàng cứ tự mình hỏi đi hỏi lại mãi một câu đó mà vẫn chưa tìm được câu trả lời. Lại đi quãng nữa, tình cờ qua cửa nhà ông Chiêu Bảy. đột nhiên nàng như mừng rỡ và reo lên rằng: "Được rồi, chỉ có lão này còn có cảm tình với ta, ta phải vào tìm lão ấy, chắc rằng lão ấy sẽ giúp ta được việc khó khăn này," rồi nàng lững thững tiến vào trong nhà.

May sao lúc ấy ông Chiêu đi chơi vừa về. Trông thấy nàng, ông Chiêu Bảy ngồi ở trong nhà chào ra:

- Cô Hồ Xuân Hương! Mời cô vào chơi trong nhà.

Theo lời mời, nàng cung kính đi vào phòng khách.

Giữ lẽ, nàng toan ngồi vào tràng kỷ bên cạnh, ông Chiêu Bảy không nghe, bảo ngồi lên chiếc ghế đối mặt với mình. Rồi ông Chiêu Bảy vừa cười vừa hỏi:

- Cô đến tìm lão, chắc vì những người học trò gàn dở đang rủ nhau sinh sự với cô.
- Thưa vâng! Tôi mới nghe tin việc đó. Không biết thật hư thế nào. Nếu họ làm thật, thì rất nguy hiểm cho tôi, trong đám phụ lão ngày nay. Tôi nghĩ chỉ có cụ hãy còn lượng thứ cho tôi, vậy tôi đến cầu cứu với cụ.
- Ai bảo cô cứ hay trêu người ta. Böyle giờ người ta trêu già, cô còn oán trách gì nữa?

Xuân Hương sầm mặt và nói bằng giọng nghiêm nghị?

- Thật ra như tôi có trêu ai đâu. Nhưng tôi không chịu nổi những thứ đạo đức giả dối. Những cái lẽ giáo bó buộc, tôi phải sống bằng tư tưởng tự nhiên của trời cho tôi, có động chạm gì đến ai đâu, vậy mà người ta không muốn khoan bùn, đua nhau phao tội tiếng này tiếng khác. Nín không được thì tôi phải kêu. Còn như việc đè thơ ở chùa Trần Quốc, có nhiên là tôi khinh họ. Nhưng mà những hạng dốt nát, tục tằn không có học thức gì cả, thế mà họ cũng lên mặt cù nhân, tài tử, thì ai còn tha thứ được.

Ông Chiêu vội vàng ngắt lời:

- Không, lão nói đùa đây thôi. Những thứ đạo đức giả dối, lẽ giáo bó buộc, chính lão đây cũng không chịu nổi huống chi một người như cô. Cô khinh họ. Cô chê họ, thật là phải lắm. Hôm nọ cái bài tự tình của cô. Chính lão cho đọc để trêu tiết cụ Nghè Hoàng đấy chứ ai. Không ngờ vì đọc bài ấy, bây giờ lại xảy ra sự lôi thôi cho cô. Vậy thì cô có cách ngăn cản được việc ấy chưa?
- Thưa cụ chưa, vì thế tôi phải đến nói với cụ.
- Cô với quan Tổng đốc Hà Nội có phải họ hàng gì không?
- Không có họ, nhưng ông ấy là bạn của cha tôi ngày xưa.
- Ông ấy có biết cô?
- Thưa có? Hôm nọ, tôi ăn mặc già trai vào trường, chẳng may bị lộ, bị bắt, chính ông ấy gỡ cho tôi ra.
- Thế thì được. Bây giờ cô cứ đến nói với ngài, nhờ ngài phái một đạo lính đến phường Khán Xuân canh giữ, những người học trò thấy có lính tráng ở đấy. Tự nhiên không dám sinh sự với cô!

Xuân Hương lắc đầu:

- Thưa cụ, tôi những muốn như thế. Cái người cứ ỷ lại vào thanh thế hoặc di trạch của cha ông, đó là người rất hèn. Phụng chi mỗi việc đều cậy đến uy quyền của các quan thì còn ra thế nào nữa. Nếu cụ không có cách gì khác giúp cho, thì thà để cho họ đến phá nhà. Tôi cũng cam lòng, chứ vào nói với quan Tổng đốc thì tôi không nói.

Ông Chiêu Bảy ra ý khen ngợi:

- Không ngờ cô lại kiêu ngạo tự phụ đến thế.

Ngẫm nghĩ một lúc, ông Chiêu Bảy lại hỏi:

- Bài thơ của cậu Đặng Như Bích đè chùa Trần Quốc cô có nhớ không?

Xuân hương cũng cười sảng sặc:

- Thưa cụ. Nào nó có ra hồn thơ mà nhớ! Nhưng may tôi vừa mới coi hôm qua, có lẽ cũng chưa quên, để tôi nhớ xem.

Hồi lâu, nàng lại vừa cười vừa nói:

- Thưa cụ. Bài thơ ấy vui còn nhớ cả cụ hỏi làm gì.
- Thế nào: cô thử đọc cho lão nghe.
- Nhưng nghe loài thơ ấy chực cụ cũng không thể nhịn cười.

Rồi nàng đọc như dồn từng tiếng:

- Khen ai đó đât đât dựng lên chùa

Một nếp lù lù ở giữa hồ

Mặt nước bóng chiều tà bàng láng

Làm sao vẫn chua thấy chuông khua

Ông Chiêu Bảy cười như muốn ngất người đi, một lúc lâu, ông ấy lắc đầu và nói:

- Chết chúa, thơ với thần, thế mà cũng dám viết vào tường cho thiên hạ xem, con trai cụ Nghè to gan thật. Người ta chửi cho cũng có, chẳng những chê giễu mà thôi. Cụ Nghè không biết khuyên con, dạy con. Lại còn gõ giọng để chữa thận, đáng ghét. Thôi, cô cứ yên tâm mà về, lát nữa, lão sẽ có cách giải vây cho cô.

- Cảm ơn ông Chiêu - Xuân Hương từ biệt trở ra.

Mặt trời lên khói ngọn cây, Xuân Hương mới về đến nhà. Con nụ vẫn luồng cuồng lo sợ. Sau khi đã hỏi qua nàng những chuyện nghe thấy ngoài đường, nó giục nàng phải kíp vào thành tanh quan tống đốc! Lắc đầu, nàng bảo nó đóng chặt các cửa rồi nàng lên gác, hé cửa đứng nhìn ra đường.

Hàng phô hình như đã nhiều người nghe biết chuyện sẽ xảy ra cho nàng, những đứa trẻ con lêu lổng và những người đàn bà tò mò luôn đợi ở vệ đường, gốc cây và bờ hồ, có ý chờ xem tấn kịch của bọn văn thân sắp diễn.

Nửa giờ sau, ở phía đông nam chợt có tiếng người àm àm. Giây lát, quả nhiên một tụ học trò độ vài chục người tập nập kéo đến trước cửa nhà nàng, ai cũng như nấy khăn quấn vành dây, quần rong quết gót, dáng bộ lượt thượt như lễ sinh sắp sửa vào tế văn miếu.

Mỉm cười, nàng nghĩ thầm: "lưng súc thế kia mà dọa kéo cho đổ nhà người ta, thì phòng kéo làm sao nổi?"

Trong bọn bỗng có người gọi lớn:

- Bó Hồ Xuân Hương, mau mau ra mà chịu tội!

Nàng toan mở cửa cho họ thấy mặt, thì ở dưới đường lại có tiếng thét dữ dội, giống như tiếng Trường Phi trong tấn tuồng đại náo Trường Bản kiền". Nàng bụng bảo dạ: "Có lẽ cơn nghĩa khí của họ

đương hăng, ta chưa nên ra mặt với họ vội. Hãy để cho họ thét chán đi đã". Rồi nàng lại cú khép cửa đứng im.

Dưới đường, học trò kéo đến mỗi lúc một đông thêm, dần dần có tới sáu, bảy chục người, những tiếng quát tháo làm bộ lại càng kịch liệt. Nàng vẫn không chịu trả lời.

Một người đi đâu trong bọn hăng hái đứng ra nói lớn:

- Cửa ngõ đều đóng im im thế này, chắc là nó vì sợ quá nên đã bỏ nhà đi trốn?

Người khác đón nói:

- Chúng ta đến đây, không phải là đến bắt nó, chỉ cốt để phá nhà nó. Nó trốn mặc nó, chúng mình cứ đập cửa mà vào.

Cả bọn lao nhanh khen phải. Hồi mấy người hung hành xông lại, nắm tay đập vào cánh cửa thành thành.

Tức quá, Xuân Hương đẩy tung cửa gác, nhô đầu ra hỏi:

- Các ông làm cái gì thế...?

Trong đám đông, có tiếng sừng sộ đáp lại:

- Mày lão? Dám dùng văn thơ nhảm nhí làm mất thể diện của sĩ lâm Bắc Thành, chúng tao phá tan nhà mày để trị tội ấy.

Xuân Hương phá lén cười:

- Tôi tưởng các ông toàn là bậc văn nhân, đã có ít nhiều học thức, có giỏi ta đem văn chương đối địch với nhau. Chứ kéo từng đàn, từng lũ đến mà phá cửa, phá nhà người ta, thì là thủ đoạn của phuòng vũ phu, du côn. Không phải thái độ của người quân tử!

Đám người ở dưới tức thì nổi cơn ồn ào:

- À nó giỏi! Nó đã vô lễ với sĩ lâm, chúng mình đến đây hỏi tội, nó không chịu lỗi, lại còn bảo chúng mình là phuòng vũ phu, du côn. Anh em! chúng ta không kéo dỗ nhà nó đi còn chờ gì nữa, đánh nhau đến đây mà chịu nhục à?

Tiếng nói chưa dứt, bỗng thấy đánh trát một cái, một hòn gạch nhỏ từ trong đám đông ném lên, nhưng không trúng cửa gác, nó động vào bức tường gác rồi lại rơi xuống dần vào một người ở dưới.

Xuân Hương vỗ tay cười khanh khách. Làm cho những người đứng dưới càng tức, kẻ nhặt đá ném thêm.

Người vào đẩy cửa ầm ầm.

Giữa lúc đó, ông Chiêu Bay ở đâu nhô ra, sấn vào đứng ở giữa đám và hỏi thật lớn:

- Các anh định phá nhà của Hồ Xuân Hương đây à?

Mấy chục người đều ngẩng lên trông. Thấy ông Chiêu Bay đạo mạo đội nón chống gậy đứng đó, ai nấy đều có ý kính trọng, năm sáu người đồng thanh trả lời.

- Vâng? Chúng tôi muốn phá nhà của con đĩ, vì nó đã dùng văn chương nhảm nhí làm nhục sĩ lâm, chúng tôi phải rửa cái thù ấy.

Ông Chiêu Bảy vừa cười vừa nói:

- Được? Anh em làm việc nghĩa khí, rất đáng ngợi khen. Tôi tuy tuổi già sức yếu, việc khác thì không dám can dự, nhưng việc này tôi phải ra sức giúp đỡ anh em.

- Vậy trước khi nhúng tay vào việc, tôi muốn anh em hãy cho tôi biết, kẻ thù của chúng ta đã làm nhục chúng ta bằng cách nào.

Mọi người lại đồng thanh trả lời:

- Thưa cụ, nó đã làm nhục sĩ lâm đến hai lần chứ không phải một. Lần trước, nó gửi bài văn chót nhả, đến trường cụ Nghè Hoàng, và nói xỏ cụ ấy nhiều câu. Lần mới rồi, anh Đặng Như Bích đề thơ ở chùa Trần Quốc. Nó dám đề một bài khác chế giễu anh ấy và bảo anh ấy là phường loli tôi. Như thế, chẳng phá nhà nó đi, còn để làm gì.

Ông Chiêu Bảy vẫn cười:

- Cố nhiên như thế. Nếu Hồ Xuân Hương quả có làm nhục sĩ lâm, lẽ nào chúng ta lại chịu nín im. Nhưng chúng ta là kẻ đọc sách biết chữ, đứng đầu từ dân, dù muôn trùng tri người nào, chúng ta cần phải cân nhắc cho kỹ, không nên để oan người ta. Hai việc mà anh em buộc tội cho Hồ Xuân Hương, thì theo ý tôi việc thứ nhất oan cho nàng.

Mọi người đều tò vò tíc giận, sắp sửa bê lại, ông Chiêu Bảy liền nói lắp đi:

- Trong bọn anh em ở đây, có ai dự cuộc bình văn ở trường cụ Nghè Hoàng hôm nọ hay không?

Trong đám đông, có tiếng trả lời:

- Hôm ấy, có tôi đến dự.

Ông Chiêu Bảy vội quay ra nhìn, người đó là Đàm Thận Trung, một người đã có tiếng tài hoa trong bọn sĩ tử. Ông Chiêu Bảy liền hỏi:

- A bác Đàm đầy ư! Phải. Hôm đó quyền bác phê "ưu", được đọc. Bác đã dự cuộc bình văn hôm ấy thì bác có thể làm chứng cho Hồ Xuân Hương.

Đàm Thận Trung chưa kịp nói sao, ông Chiêu Bảy lại tiếp:

- Hiện có bác Đàm làm chứng. Cái việc đem đọc bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương. Không phải ở nàng. Chính là ở tôi. Người ta không ái nam mà tự nhiên bị tiếng ái nam thì người ta phải kêu oan chứ. Suốt trong bài ấy không có câu nào xúc phạm đến cụ Nghè Hoàng, hay một người nào trong sĩ lâm, như vậy sao lại bảo là làm nhục sĩ lâm? Còn như những tiếng chót nhả trong bài. Nó chỉ là tiếng chót nhả. Không thể cho là nói xấu sĩ lâm. Tôi không hiểu vì sao mà cụ Nghè Hoàng lại ghét những tiếng chót nhả đến thế. Sự thực ngay trong sĩ lâm chúng ta, còn nhiều câu văn chót nhả bằng mười. Anh em chắc có đọc bài văn sách nôm của ông nào làm ra độ trước? "Bà vãi đánh trống long tong, nhảy lên, nhảy xuống, con ong đốt...", "con gái mười bảy, mười ba, đêm nằm với mẹ chuột tha...". Đó, các bậc tiền bối chúng ta chót nhả là vậy.

Con giận hờn như đã dịu, không ai phản đối câu nào. Ông Chiêu Bảy nghỉ một lát, rồi lại nói:

- Chúng mình có quyền làm văn bông đùa, thì cũng cho phép người ta được bông đùa bằng văn chương, không nên quá ư nghiêm khắc.

Một người học trò cãi lại:

- Chúng tôi không cấm ai bông đùa. Nhưng phải bông đùa ở chỗ khác, không được đem văn ô uế vào chỗ bình văn.

Ông Chiêu Bảy cười khanh khách:

- Cái đó là lỗi tại tôi, không phải tại Hồ Xuân Hương việc đó, bác Đàm cũng đã biết rõ, chính tôi giục ông Công Thiều đem đọc bài ấy, anh em có muốn báo thù cho cụ Nghè Hoàng thì xin cứ việc vào phá nhà tôi, đừng phá nhà Hồ Xuân Hương. Nhưng, tôi trộm nghĩ, bài văn ấy của Hồ Xuân Hương có nhiều câu hay và rất túc cười, nếu không ai đọc cho nghe, tất nhiên cũng có nhiều người sẽ mượn mà chép lấy để rồi ngâm trộm đọc vụng với nhau, có phải thế không?

Trong đám đông nghe có tiếng cười khúc khích.

Ông Chiêu Bảy vẫn dõng dạc:

- Ai cũng muốn xem, ai cũng muốn biết, tôi bảo đọc lên, đó là chùi cái ý muốn của số đông người. Vậy thì anh em cũng không nên trách cái giọng chót nhả của Hồ Xuân Hương!

Có người nói lớn ở phía ngoài:

- Vâng, chúng tôi theo lời cụ Chiêu xin miễn cho Hồ Xuân Hương cái tội thứ nhất, nhưng còn cái tội thứ hai quyết không thể tha.

Ông Chiêu Bảy nói đón:

- Phải? Một người con gái dám bảo con trai cụ Nghè là phường lời tôi, thật là vô lễ, chúng ta phải trị cho đáng tội, để răn kẻ khác. Nhưng trước khi trị tội người ta, tôi muốn anh em hãy cho nghe qua bài thơ của cậu Đặng Như Bích cái đã?

Hai ba người cùng nói một câu:

- Chúng tôi không biết bài ấy thế nào.

Mấy ông học trò cụ Nghè Đặng ngông nghênh đứng ra nói lớn:

- Các ông không biết, đã có người biết. Bài ấy hiện còn để ở chùa Trấn Quốc, chưa biến đâu mất.

Ông Chiêu Bảy vui vẻ nói:

- Chắc ông đã có coi qua xin đọc cho nghe.

Một người trong mấy người đó ra dáng đặc ý ngân giọng đọc bằng tiếng bình văn của thày đồ xứ Nghệ:

- Khen ai đồ đất... dựng lên chùa...

Ông Chiêu Bảy mỉm cười khôi hài. Người ấy hì hò như không để ý đến, vẫn đọc một cách tự nhiên:

- Một nếp lù lù... ở giữa hò...

Mặt nước bóng chiều tà... bảng lảng

Trong đám học trò đứng đó nhiều người trông nhau lắc đầu, ông đồ đệ cụ Nghè Đặng càng lên cao giọng:

- Làm sao vẫn chưa thấy chuông khua

Ông Chiêu Bảy hỏi lại mọi người:

- Anh em nghe bài thơ áy thế nào, có thể gọi là thơ chăng!

Đàm Thận Trung lên tiếng:

- Quê lâm? Nhiều chữ còn trẻ con quá! Nay giờ Xuân Hương đứng im trên gác mặc ông Chiêu Bảy giảng giải cho bọn học trò. Không đám nói xen câu nào. Bây giờ nghe bài thơ của Đặng Như Bích.

Nàng không thể nhịn nổi, liền ngó cửa gác mà nói chõ ra:

- Thơ thẩn như thế, tôi bảo là phường lòi tối, còn oan lăm sao? Các ông lại chực hùa nhau đến phá nhà tôi ư?

Ông Chiêu Bảy vội vàng ngắt lời:

- Cô là con gái không nên quá dùng những giọng chua ngoa. Bác Đàm nói phải! Bài thơ của cậu Bích vừa quê lại vừa trẻ con. Không có câu nào nghe được. Như thế, người ta chê giễu cũng đáng chứ có oan đâu! Anh em nên thành tâm phục thiện, cái sự mình dở, sự mình phải biết là dở, thì sự học vấn mới có ngày tấn tới. Nếu cứ kéo bè kéo đảng, cố ý che lấp cái dốt cho nhau. Ấy là làm hại nhau đó. Vậy anh em có yêu cậu Đặng Như Bích, quý trọng thế diện của sĩ lâm thì nên nghe tôi, anh em đừng vì một bài thơ bông đùa mà chực phá nhà cửa người ta. Làm vậy, một là anh em sẽ mắc tù tội, hai nữa, đời sau sẽ bảo sĩ lâm bây giờ, toàn là một phường trẻ con. Thôi nghe tôi anh em hãy giải tán, để dành nghĩa khí lại đó, chờ khi có việc đáng dùng sẽ dùng!

Nói chưa dứt lời, trong đám lô nhô, liền có mấy người hùa theo:

- Phải lâm, cụ Chiêu dạy thế phải lâm. Chúng ta hãy để dành cái nghĩa khí lại đó, không nên đem mà dùng vào một việc trẻ con. Đิ! anh em ai về nhà này, để sức lo việc thi cử.

Rồi cả bọn ào ào kéo về, những người khác đều vui vẻ như thường, riêng có Đặng Như Bích và đám học trẻ của hai cụ Nghè thì đều ra ý xấu hổ, và rất căm ông Chiêu Bảy!

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 5 -

Phía ngoài cửa sổ, mấy tàu lá chuối chồng nhau với ngọn gió bắc, phành phạch đập vào tường vôi.

P

Bên huyện Thọ Xương trống canh điếm nhịp ba tiếng.

Đêm đông đã gần hết nửa.

Ngọn đèn trên quang giống như mồi mệt buồn ngủ, uể oải phun ra ánh lửa vàng khè. Đặng Như Bích một mình lật quật trong thư phòng, hết đứng lại ngồi, mấy lần ngả xuống giường, đều phải dần dọc trở dậy, những luồng tư tưởng rối loạn đua nhau quay nhiễu trong trí, nó không để cho chàng nằm yên.

Chàng chỉ mong cho chóng hết đêm đến sáng. Bởi vì ngày mai là ngày ra bảng kỳ đệ nhất của trường thi hương, những người đã đeo óng quyến vào trường, ai cũng như ai, chỉ muốn được thấy tên mình trên bảng.

Và lại, đối với khoa thi, kỳ đệ nhất lại quan hệ hơn các kỳ khác. Vì kỳ ấy học trò còn đông, số người bị hỏng sẽ nhiều. Chàng là con một ông Nghè, lỡ ra hỏng kỳ đệ nhất không còn mặt nào trông thấy anh em.

Bởi vì hỏng kỳ đệ nhất tức là "bay kinh nghĩa", mà trong việc thi, "bay kinh nghĩa" là sự rất xấu.

Từ lúc xong kỳ đệ nhất, vác lều chông ra khỏi cổng trường. Chàng đã đem hết bản nháp trình cho cụ Nghè. Xem văn của chàng, cụ tuy thất vọng. Nhưng cũng miễn cưỡng khen một vài chỗ, để cho con khỏi ngã lòng. Thấy cụ không vui, chàng cũng đoán chừng văn mình chắc là kém lắm. Vì thế, ngày nào cũng chỉ lo canh cánh, không chắc mình có vào được đến kỳ đệ nhị hay không.

Bó gối ngồi cạnh án sách. Chàng nghĩ lại mấy cái đầu bài kinh nghĩa của quan trường ra cho học trò.

Chàng cho bài nào cũng khó ghê gớm. Rồi chàng lẩn mẩn lại giở bản nháp ra xem, chàng thấy đoạn khai giảng của bài chuyện rất là rời rạc, không thấu đến nghĩa đầu đề, mấy đoạn trung cỗ, hậu cỗ của bài kinh lại có nhiều chỗ đáng sờ, nếu mình tự chấm cho mình, có lẽ cũng không thể hạ bút khuyên được bài nào. Bỗn khoán, chàng lấy hai cuốn sách in so sánh hai đoạn "cản án" xem có sai lầm chữ nào hay không. Chàng hơi yên lòng, khi thấy bản nháp đúng như trong sách không thiếu một chữ. Nhưng vẫn còn hồi hộp, bụng bảo dạ rằng: "Bản nháp thì đúng, không biết khi viết vào quyển có đúng hay không".

Lòng chàng lúc ấy đã giống như mó tơ vò, càng gỡ càng thêm bối rối, chưa hết mối lo về chuyện thi cử. Chàng lại nghĩ luôn đến chuyện đề thơ ở chùa Trấn Quốc. Ôn lại bài thơ của mình vịnh cảnh chùa trên hồ buổi chiều, chàng thấy nó vừa quê vừa vụng, thật là không được chữ nào. Bụng chàng bảo dạ: "Xưa nay mình có tập làm thơ nôm bao giờ, có sao lúc ấy lại bỗng điên dại như thế." Chàng rất oán anh Trịnh Xuân Sam, một người bạn chàng cũng đi vào chùa Trấn Quốc và cũng có dự vào cuộc vịnh thơ, chàng cho rằng hắn đã phản chàng nên mới xui chàng cứ viết bài thơ "không được chữ nào" ấy vào vách và lại giục chàng ký cả tên họ rõ ràng. "Phải, nếu ta chỉ viết bài thơ ấy vào vách mà không viết tên, dù Xuân Hương trông thấy đi nữa cũng không biết là thơ của ai, thế thì ta cũng không bị mang tiếng dốt nát. Anh Trịnh Xuân Sam thật là kẻ làm hại ta, nếu không có hắn xúi khôn xúi dại, thì ta có phô phang tên tuổi ra

đó làm chi.

Nghĩ vậy, lòng chàng tự thấy bẽn lẽn, xấu hổ, chỉ muốn tắm rửa cho sạch những tiếng chê bai do bài thơ kia gây ra. Rồi chàng lại lầm bẩm một mình: "Chẳng những anh Trịnh Xuân Sam, cả đến thày, trò ông Nghè Hoàng cũng đều làm hại ta nůa. Giả sử ông cụ không châm chọc thêm vào, thì ta tuy có trót dại mà ký tên vào một bài thơ dốt nát, chẳng qua kẻ nào xem đến mới biết mà thôi. Chỉ vì ông cụ xúi bẩy, khuyên bọn sĩ tử kéo đến phá nhà Xuân Hương, việc mới vỡ lở ra to, làm cho cả xứ Bắc Thành đều biết, thế là ông cụ muốn rửa hồn giúp ta, lại hóa ra bôii nhôii thêm cho ta. Ta thật khờ dại, nôii nôii, quá nghe anh em, chúng bạn, đi làm những việc trẻ con, rút lại, bao nhiêu tiếng xấu mình phải chịu cả, chẳng ai chịu đỡ".

Chàng lại cấm ông Chiêu Bay, chàng nhận thấy rằng: "Nếu không có ông Chiêu Bay phá ngang, chắc là cả bọn sĩ tử đều sán vào phá nhà Xuân Hương, ít nhất, Xuân Hương cũng phải ra xin lỗi mình, như thế mình cũng đỡ mất sĩ diện một chút. Bởi tại ông Chiêu Bay nói ngang mây câu, khiến cho anh em chênh mảng giải tán, thành ra cái việc hôm ấy không có ánh hưởng mấy may." Chàng bỗng phát cáu: "Cái lão Chiêu Bay đạo mạo lên mặt dàn xếp công việc thật là đáng ghét. Hình như lão ấy cậy là ông Chiêu, ra ý kiêu ngạo với bọn học trò thiếu niên. Nhưng làm ông Công, ông Nghè thì khó, chứ làm ông Chiêu thì có gì. Nếu ta đê sóm vài chục năm nữa, thì ta cũng là ông Chiêu, kém gì lão ấy. Phải, trong khi nhà Lê hâay còn làm vua, bao nhiêu con trai ông Nghè, đều được vào học ở Chiêu Văn Quán. Vì thế những con ông Nghè đều được gọi là ông Chiêu. Cha ta cũng đỗ ông Nghè đời Lê, giả sử họ Lê chưa mất, tất nhiên ta cũng được vào Chiêu Văn mà học, chỉ vì trào mới họ Nguyễn bỏ quán Chiêu Văn, nên ta không được kêu là ông Chiêu, chứ có phải súc học của ta thua kém gì lão Chiêu Bay? Sao lão ấy lại dám khinh ta, lại dám chê giễu ta ở trước công chúng.

Rồi sự liên tưởng khiến chàng nhớ đến Xuân Hương. Tuy đã bị nàng cợt giễu một cách chua ngoa.

Nhưng chàng không oán trách nàng, trái lại, trong con mắt chàng, nàng là người đáng phục. "Không ngờ đời này lại có một người con gái nhan sắc và tài tình đến thế, từ trước đến giờ, ta chỉ nghe tiếng, chưa rõ mặt nàng ra sao. Hôm đó, nàng đầy cửa sổ ngó ra, thì ta mới được trông thấy, con mắt sắc ngọt, nước da trắng nõn trắng nà, quả nhiên là nàng thật xinh đẹp, khó lòng có người ăn đứt. Bây giờ việc đã lỡ rồi, ta với nàng bỗng không đã thành thù nhau, không thể nói được chuyện gì nữa. Nếu không, nếu chẳng có cái việc hôm qua, thì dù nàng bị chồng rẫy, ta cũng quyết cậy người hỏi nàng làm vợ. Lấy được người vợ tài tình như nàng, có lẽ cũng sướng một đời".

Chàng lại mỉm cười và tự an ủi: "Vợ chồng bởi tại duyên trời xe lại. Nếu mà phải duyên với nhau, thì dẫu hai bên thù nhau, cũng vẫn thành vợ thành chồng. Chả thế thì sao Vị Cố lại phải kết duyên với con bé con nhà ăn mày mà chính tay ông ta đã cầm dao đâm vào trán nó? Thôi được, miễn là ta đậu khoa này, để cho nàng phải phục ta, để cho nàng khỏi cười ta là dốt, rồi ta sẽ liệu đến việc nhân duyên".

"Nhưng mà không chắc khoa này ta có đậu được hay không? Mấy bài kinh nghĩa của ta viết kỳ đệ nhất, chẳng có chỗ nào đặc ý, khó mà phê được cái "thứ cộc"? Vợ vẫn, chàng cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, hết chuyện nợ đến chuyện kia, suốt từ chập tối đến cuối canh ba, chàng không chợp mắt được một phút nào.

Đĩa đèn trên quang đã sắp hết dầu, ngọn lửa nở một bông hoa đỏ ối. Ngoài các cửa ô, tiếng gà đã gáy ầm ĩ. Xa xa ở phía trường thi, trống cái thong thả điểm đủ ba hồi chín tiếng. Chàng biết cửa trường đã kéo bảng kỳ đệ nhất. Vì, lệ thường vẫn thế, mỗi khi treo bảng, vẫn phải có ba hồi trống làm hiệu, để cho học trò đến xem. Ruột chàng nóng như lửa đốt, chỉ muốn chạy thang đến nơi, ngó coi có thấy tên mình hay không.

Nhưng mà sự lo xa đã hâm chàng phải ở nhà, không cho chàng đi. Xưa nay những ông học trò sang trọng không ai tự mình đi xem bảng cho mình. Bởi họ sợ rằng: Lỡ ra "trống bảng không tên", còn mặt nào

trông thấy bè bạn trong khi đi từ cửa về nhà trọ? Vì thế, chàng dù nóng ruột đến đâu mặc lòng, vẫn phải bấm gan ngồi nhà, chờ tin tức của người đầy tớ.

Gà gáy giục.

Trời rạng đông.

Một tên già nhân hót hơ hót hải chạy vào vừa thở vừa nói:

- Bảm cậu, cậu được vào kỳ đệ nhị đấy ạ!

Như Bích khoan thai hỏi lại:

- Sao mày biết?

- Bảm cậu, con ra xem bảng về đây! Từ lúc ngoài trường dứt ba hồi trống, cụ ông đã đánh thức con và giục con phải ra coi xem có thấy tên cậu hay không. Ngoài trời rét như cắt, thế mà con ra đến nơi đã thấy người ta đến đông như kiến, họ đứng vây chung quanh bảng, chật như nêm cối...

- Mày làm thế nào mà trông được bảng, có thật không hay mày trông làm, thiên hạ động danh đồng hiệu là thường.

- Bảm cậu không làm? Con đã lách vào tận nơi mà xem, tuy rằng trời tối, nhưng có nhiều người đốt đuốc chĩa vào mặt bảng mà soi, nhờ vậy con mới trông thấy rõ ràng: "Đặng Như Bích, Hà Nội, Đồng Xuân", tên cậu như thế phải không?

Như Bích mỉm cười:

- Phải! ai bảo mày biết được tên tao?

- Bảm cậu, cụ ông bảo con, cụ đã viết cả bảy chữ đó để cho con nhầm. Lúc vừa rồi, cụ lại bắt con viết lại xem có nhớ không.

Như Bích ra bộ đắc ý:

- Các cụ khéo cẩn thận, làm gì mà phải cầm quyền đến thế!

Rồi chàng lại tiếp:

- Thế mày thấy tên tao ở bảng vi nào?

- Bảm cậu ở cùa vi át, con cũng không biết vi nào vào vi nào, phải hỏi những người đứng đây, họ đều bảo đây là vi át.

- Đích thật không?

- Bảm cậu, đích thật, không sai!

- Mày đến vi át thấy tên tao ngay à?

- Bảm không. Thoạt kỳ thủy con đến cái vi đối với vi át. Đó là vi giáp! Phải vi giáp! Thoạt kỳ thuỷ con đến vi giáp và chui mãi vào trong, xem đi xem lại, không thấy tên cậu, con lại phải đến cái vi ở sau vi giáp...

- Vì ấy là vi hữu?

- Con không biết là vi gì, có lẽ vi hữu thật đây. Ở đây cũng không có tên cậu, nóng ruột quá con bỏ cách quãng một vi, chạy luôn đến xem bảng vi át, may sao vừa thấy tên cậu...

- Tên tao ở đầu bảng hay ở cuối bảng!

- Bấm cậu, ở ngay đầu bảng!

Như Bích vẫn cười tủm tỉm:

- Rày rà, tên ở đầu bảng đêm nay lại phải ra sớm!

- Sao thế, hử cậu?

- Bởi vì ngày mai, khi người lại phòng cầm sổ xướng tên gọi học trò vào trường. Lại cứ theo đúng thứ tự trong bảng, người nào ở trên thì gọi trước, người nào ở dưới thì gọi sau, cho nên tên ai ở trên thì phải đến trước để cho kịp lúc lại phòng gọi đến thì vào!

- À ra thê! Con vẫn cứ tưởng người nào vẫn hay thì tên ở đầu bảng.

- Đó là bảng giải ngạch. Người nào đỗ cao thì tên ở trên, người nào đỗ thấp thì tên ở dưới. Böyle giờ mới là bảng vào cửa, không có phân biệt trên dưới gì cả. Mày đã bấm cụ ráng ta được vào kỳ này hay chưa?

- Bấm cậu, đã.

- Cụ có nói gì không?

- Cụ vui vẻ lắm, giục con phải xuống nói ngay với cậu.

Như Bích liền mở tráp lấy mười hai đồng tiền đồng thường tên người nhà, rồi chàng vào màn nằm tạm. Nhưng, mừng quá cũng như lo quá, chàng vẫn không thể nằm yên.

Sáng rõ, chàng đổi khăn mặc áo chỉnh tề, lên nhà trên, xin phép cụ Nghè để ra thăm qua quang cảnh cửa trường.

Cụ Nghè ân cần dặn con đi chơi một lát rồi phải về nghỉ ngơi cho tinh thần thư thái để ngày mai vào trường làm văn khởi quẩn.

Lúc ấy đường phố tuy còn hơi sương ướt đậm. Nhưng vì ngày ra bảng của học trò, cho nên trên những đoạn đường đi đến trường thi, người ta đã đi lại đông như mắc cùi. Vôn vang, Như Bích đem một thằng nhỏ đi hầu, vòng quanh ba bốn phố phuờng để xuống cửa trường. Mỗi khi gặp người quen biết, chàng cố làm bộ vờ vẫn hỏi thăm có thấy tên mình ở bảng hay không.

Dạo một lượt khắp các cửa vi, nhìn thấy tên mình rõ ràng, chàng mới đi kiểm những người bè bạn được vào cùng vi với mình, hẹn nhau đến khi vào trường dỗng lều thì nhớ tìm nhau đóng liền một khu, phòng khi cần phải bàn bạc với nhau về việc bài vở. Khắp lượt, chàng cùng thằng nhỏ trở về.

Trong nhà, bà con thân thích đến chơi rất đông, người này ra, người khác vào, ai nấy chuyện trò vui vẻ, rút lại, họ đều kết bằng một câu: "cậu phải có lái tiếng, "dạ" cửa trường, cho bồ công mười năm đèn sách".

Chiều đến, khách khứa đã vãn, chàng dặn thằng nhỏ: "hễ có ai hỏi, phải nói dối là cậu tôi đi vắng."

Rồi chàng vào phòng đóng cửa nằm nghỉ. Cụ Nghè truyền lệnh hết thảy người nhà đầy tớ, không được lên đến nhà học, để cho cậu được ngủ yên giấc.

Gần nửa đêm, chàng ngủ dậy mắt trờ dại. Lều chiếu, yên, chõng, giấy, bút, dùi, mực, và tất cả đồ ăn, thức dùng trong việc vào trường, người nhà đã sắp sửa sẵn sàng. Cụ Nghè bắt chúng phải lục soát lại vài ba lần nữa, xem có thiếu sót cái gì hay không. Cuối canh ba, sau khi Như Bích đã ăn tạm vài ba lung, cụ Nghè sai bọn gia nhân đưa đốt đuốc, đưa mang xách các thứ đồ đặc tiễn chàng xuống đến cổng trường.

Học trò đến trường đã đông. Quang cảnh cửa trường đêm nay đại khái cũng như đêm hôm vào kỳ đệ nhất, khác một điều là mấy cây đình liệu lần này không sáng bằng mấy cây đình liệu lần trước, bởi vì đêm nay có trăng, ánh trăng lấn bớt sức sáng của ánh lửa.

Kỳ này học trò bị thải rất nhiều, số được vào thi chỉ bằng một phần kỳ trước. cho nên công việc vào trường cũng chóng. chừng nửa giờ dần, thí sinh các vi đã vào hết cả. Cửa trường đóng lại kín mít, riêng một cửa trước nhà thập đạo còn ngỏ, để cho các quan ra vào.

Cuối giờ dần, học trò ai nấy đóng lều đã xong, trên chòi canh nỗi một hồi trống thật dài, rồi viên giám trường đề điêu và ba viên thuộc hạ, mỗi người đi xuống mỗi vi đem giấy đầu bài dán vào tấm bảng phân nửa.

Vì nào vi áy thí sinh tập nập đến xem, dưới bảng, người đứng vòng trong vòng ngoài.

Kỳ này chỉ có hai bài tú lục. Một bài biểu và một bài chiếu, cho nên việc chép đầu bài rất mau, có người chỉ đứng nhìn qua rồi về lều, chứ không phải viết.

May cho Như Bích, cả hai bài cụ Nghè đều đã ra cho học trò làm rồi.

Mừng quá, chàng mở trap lấy các đồ dùng để viết.

Giờ đến hộp mực thì ra nước đã cạn khô. Lớp bông mực lêp meo trăng xóa. Phát cáu, chàng chửi thảng người nhà một trận kịch liệt về tội không chịu sấp sửa cẩn thận cho mình. Tuy rằng nó không có mặt ở đây. Rồi chàng hì hục rót nước mài mực đổ vào hộp mực. Thứ đi, thứ lại mấy lần, thấy mực trong hộp vừa viết. Chàng mới nhảm lại bài cũ, lấy giấy nháp ra một lượt đê trống vào đó mà viết cho khôi sai lầm. Bài chiếu chàng có thì nhớ cả nhưng đến bài biểu thì bỗng quên mất một đoạn lại nhảm vào đoạn của chàng làm hỏng, cụ Nghè đã sửa lại cho. Nghĩ mãi không ra đoạn ấy có những câu gì, chàng phải viết một đoạn khác thay thế vào. Ngẫm đi ngẫm lại, chàng thấy biểu cũng như chiếu, lời văn trôi chảy, nhiều chỗ rất là đắc ý; bây giờ chàng mới giờ quyền ra viết.

Nắn nót từng li từng tí, tô từng cái mác, rạm từng cái móc, chàng cố làm cho chữ thật đẹp. Viết được một trang, đưa mắt ngó qua các lều chung quanh. Hình như mấy người bạn chàng hãy còn hí hoáy nháp nháp, xóa xóa. Chưa ai viết được chữ nào.

Gặp may thế này. "Khoá này thế nào ta cũng đậu" nghĩ vậy chàng lại quay đầu vào viết; viết đến gần dấu "giáp phùng" nhìn thấy màu son đỏ chóe, chàng sực nhớ ra mình đã quên không đi lấy dấu "Nhật trung" - Nhật trung là cái dấu nhỏ của quan trường đóng vào quyển khi thí sinh đang viết văn tại đê chứng thực quyển ấy được viết ở trong trường.

Dấu ấy cốt để phòng bị những kẻ tư thông với quan trường, biết trước đầu bài, viết văn săn từ nhà rồi đem vào trường mà nộp. Thí sinh làm văn khi viết đến dòng thứ ba thì phải để đó mà đi lấy dấu nhật trung. Lúc viết tiếp thì phải cách dấu lại chứ không được viết đè lên.

Nếu viết đè lên là phạm trùm quy, văn hay đến đâu cũng hỏng.

Luồng cuồng chàng vội bỏ quyền viết dở, lấy giấy đóng vội quyền khác.

Giấy gập rồi, lè xé rồi, lúc tìm cái đục giấy, thì lại không thấy. Cái đó mới nguy hiểm lấy gì làm dùi cho thủng giấy mà xâu giấy lè? Chàng lại chửi bới thẳng người nhà hồi nữa, sao lúc đêm qua, lục soát mấy lần, thiêu cái dùi vở mà nó không biết.

Quyền không có, còn thi với cử gì nữa, chàng đã tuyệt vọng, toan tháo lều giả cách đau bụng đi ra. Người bạn của chàng đóng ở gần đó, có ý thương hại, lừa lúc ông ngự sử và lính trên chòi không ngó đến đám lều ấy, người ấy liền ném trộm cái dùi sang bên lều chàng cho mượn. Sung sướng và cảm ơn bạn, chàng gập ngang gập dọc một tờ giấy trắng làm mẫu chia ra năm khoáng. dùi bốn lỗ lè thật đều và thật ngay, đóng xong quyền mới, chàng lại thu xếp các đồ lặt vặt vào tráp lấy chỗ ngồi viết. Khi nhắc cái tráp lên, thì thấy cái dùi của mình vẫn nằm hèn hêch ở mặt chõng, chàng cho là sự quái gở, bụng bảo dạ rằng: "Có lẽ u hồn kẽ nào vì nhà mình mà phải chết oan, bây giờ nó theo mình vào trùm, che lấp mắt mình đây chăng? Nếu không, làm sao cái dùi để đây mà từ nãy đến giờ, mình tìm mấy lượt không thấy. Hay là trong lúc loạn lạc, tiên tổ nhà mình đã làm gì thất đức, bây giờ mình phải chịu tội? "

Dù vậy đi nữa, thì cũng phải chịu, chứ biết sao được".

Thế rồi, chàng lại đặt quyền lên mặt tráp, cẩn thận để ba chữ tên thật lớn, viết xong niêm canh, quán chỉ.

Chàng viết đến dòng "cung khai tam đại". Soát lại một lượt các tên tằng, tổ, phụ và phủ, huyện, trấn, đều không sai lầm nét nào. Chàng bèn đem vào nhà thập đạo lấy dấu giáp phùng, được rồi đem về lều, chàng lật sang trang sau, viết lại đầu đè, rồi viết đến bài. Lần này chàng nhớ như chôn vào ruột, viết đúng được hai dòng rưỡi, thì chàng đứng dậy, lại đem quyền đưa vào trong nhà thập đạo để cho lại phòng đóng dấu Nhật Trung. Ở đây thí sinh đã đến lấy dấu nộp, người lại phòng lần lượt cầm dấu đóng vào những quyền đưa trước, chưa đóng đến quyền của chàng. Đứng ngoài hàng rào chờ đợi, ruột chàng mỗi lúc mỗi thêm bồn chồn. "Tưởng là mình gặp bài cũ, thế nào cũng viết được nhanh hơn người, té ra thiên hạ lại còn nhiều kẻ vẫn nhanh hơn mình, thế này thi cử của mình khoa này cũng không lấy gì làm chắc cho lắm". Chàng đương phân vân nghĩ ngợi, bỗng thấy có tiếng gọi: "Ai là Đặng Như Bích?", chàng vội trả lời: "Tôi đây!". Người lại phòng đã đóng vào quyền của chàng, sai lính cầm ra cạnh rào và đưa cho chàng. Đón quyền đem về lều, chàng lại cẩn thận nhìn từng chữ trong bản giấy nháp mà viết. Quanh dấu Nhật Trung, không bị xóa, sót, sửa chữa chữ nào. Chàng viết luôn hết trang đầu, rồi viết sang trang thứ hai. Hết nửa trang ấy, thình linh chàng lại nhìn lại trang trên. Một sự không ngờ làm cho chàng bỗng giật mình tượng như sét đánh. Là ở trên dấu giáp phùng, chàng đã viết sót một chữ. Giáp phùng là cái dấu son của gian trùm đóng vào giữa thò giáp giới của trang nhì và trang nhất, cốt giữ cho thí sinh khỏi đội giấy thứ hai trong quyền, đó cũng là một cách phòng gian. Dấu án đóng ở trong quyền từ lúc thí sinh mới nộp quyền trắng cho quan trùm.

Không phải đến khi vào trùm làm văn mới đóng. Theo đúng trùm quy bốn bên dấu giáp phùng, cũng như bốn bên dấu Nhật trung, khi viết văn không được xoá, sót móc, chữa chữ nào, vì sợ học trò thông với quan trùm, cố ý dập xóa, bỏ sót, hoặc sửa chữa vài chữ ở chung quanh dấu để đánh dấu cho quan trùm biết quyền ấy là quyền của mình. Bởi vậy, quyền chàng bỏ sót một chữ trên dấu giáp phùng cũng là trái với trùm qui. Chàng vừa ngắm nghĩa quyền văn, vừa cuồng quít lo sợ, nếu bỏ không thêm chữ khác vào cạnh, thì câu văn không có nghĩa gì, mà nếu viết thêm chữ nữa vào đó, tức là không đúng trùm qui, đăng nào cũng là hỏng cả. "Đích là có cái oan hồn theo ta vào đây ám ảnh cho ta lần quẩn; không phải tại ta sơ suất. Mọi ngày làm văn nhật khắc, ta có bị phạt trùm qui bao giờ? Thôi, bây giờ cũng chưa muộn lắm, đành phải cánh quyền lần nữa, may ra còn có hy vọng, chứ để như vậy, thì không

còn mong mỏi gì". Chàng lại mở tráp lấy giấy đóng một quyển khác. Tên, họ, niên canh, quán chỉ, cung khai tam đại, đều đẽ xong cả, chàng lại đưa vào trong nhà thập đạo xin dấu giáp phùng. Bấy giờ trời đã gần trưa, học trò lấy dấu Nhật Trung đã đóng, họ quây kín bức rào cửa nhà thập đạo, thấy vậy, chàng càng sốt ruột. May thay khi ấy người xin cánh quyển cũng ít, nên quyển chàng đưa vào, được đóng dấu ngay không phải chờ đợi gì cả.

Chàng luôn phỏng viết hết một dòng đầu đẽ và độ hơn hai dòng bài, lại phải đem quyển đến nhà thập đạo xin dấu Nhật Trung lần nữa. Thế là trước sau, chàng phải đến nhà thập đạo năm lần tất cả. Mấy người lại trong phòng đã nhớ mặt chàng, khi chèn trao quyển lại cho chàng họ nhìn mặt quyển và mỉm cười chế giễu:

- Đặng tiên sinh, lần này thì xin tiên sinh đừng cánh quyển nữa nhé, chúng tôi không sợ đóng dấu vất vả, chỉ sợ tiên sinh đi lại nhiều lần như thế, không còn thì giờ nghĩ văn. Tiên sinh nên biết mùa đông ngày ngắn, chớp mắt đã sấp tối rồi.

Chàng không trả lời, im lặng dón quyển về lều.

Chuyện này chàng phải theo đúng bản nháp viết lấy hai tờ cực kỳ tinh tế, đọc đi đọc lại, không thấy lầm sót chữ nào, chàng mới lòng hai tờ ấy vào tờ thứ nhất và tờ thứ hai trong quyển dám phỏng, rồi cứ theo phỏng mà viết. Suốt hai tờ đầu quyển, không bị can phạm gì cả, chàng như đã trút được nửa gánh nặng, và từ trang thứ ba trở đi, không có dấu của quan trường nếu sai làm. Cứ việc tháo tờ ấy ra đóng tờ khác vào, không phải đi cánh quyển nữa.

Mặt trời tà tà, chàng đã viết xong bài bị thiêu và hơn một nửa bài biếu, chỉ còn hơn một trang nữa thì yên, bụng đã hơi vững, chàng bèn đọc từ trên đầu trở xuống, xem có sai suyễn gì không. Thì ra đoạn giữa, bài biếu, hai vế cách cú, chàng bỏ sót mỗi vế một câu bốn chữ. Tuy rằng thiếu mấy chữ đó đoạn văn ấy vẫn có nghĩa nhưng vì mỗi bên sót mất một câu, thì điệu bằng, trắc sai đi thành ra không đúng niêm luật của lối văn "tú lục", chàng toan sửa thêm cả hai câu đó vào bên cạnh dòng. Nhưng đếm từ đầu quyển trở xuống, vừa xóa vừa chữa, đã tám chữ rồi. Theo luật trường qui tất cả trong quyển, xóa, sót, móc, chữa, không được quá số mười chữ, nếu lại thêm tám chữ nữa, thì thành đến mười sáu chữ, cũng lại là phạm trường qui. Chàng đành tháo lè, bỏ tờ giấy đã viết hóng kia và đóng thêm một tờ khác vào, rồi lại bắt đầu viết lại.

Bỗng ở trước lều, có người ngồi thup xuống chỗ chân chõng của chàng và hỏi:

- Thưa ông, chữ "tư ba phẩy" thế nào, ông làm ơn viết cho tôi coi!

Chàng đương bức mình, lại bị có người quấy rối, không thể nào mà nín nhịn được, cau có chàng gắt:

- Chữ "tư ba phẩy" không biết thì còn thi cử gì nữa?

Người kia mềm mại trả lời:

- Thưa ông, vì lúc làm văn vội quá, trí tôi luẩn quẩn, quên mất, nghĩ mãi không ra. Xin ông làm ơn bảo cho. Muốn để hắn đi cho thoát, chàng liền viết một chữ "tư" vào gan bàn tay và chia ra cho hắn xem. Lắc đầu hắn nói:

- Thưa ông, đây là chữ "tư" là "sửa", không phải chữ "tư ba phẩy.."

Chàng lấy mảnh giấy viết chữ "tư" khác và chỉ cho hắn. Hắn vẫn kè kè:

- Thưa ông, không phải chữ "tư ba phẩy", đây là chữ "tư" là "nêm".

Sẵn bút, chàng viết chữ nữa ở cạnh mảnh giấy cho hắn, hắn cũng lắc đầu:

- Đó là chữ "tư" là "râu", tôi đã nhớ rồi, nhưng tôi muốn hỏi chữ "tư ba phẩy."

Tức quá, chàng lại gắt:

- Chữ "tư ba phẩy" nghĩa là gì chứ! Cứ nói chữ "tư ba phẩy" thì ai biết là chữ chó nào. Mỉm cười người ấy đứng dậy:

- Thôi ông không biết, để tôi đi hỏi người khác, làm gì ông phải gắt gỏng!

Rồi hắn liền quay lưng đi. Chàng lại cặm cụi quay vào quyển văn.

Mặt trận gió bắc thoảng qua, trong lều có mùi thoi thóii. Ngạc nhiên, chàng ngoảnh lại nhìn, ở dưới cuốn chõng, chính chõng người khách mới ngồi thấy có đồng bã ván chuong sù sụ. Té ra ông học trò ấy mót đại tiện, vì ở quanh lều đông quá, không có chõng nào mà đi, hắn mới chạy đến lều chàng, vờ hỏi chữ "tư ba phẩy", để có thể ngồi vào cuối chõng mà tháo cái bã ván chuong ra đó. Nhưng mà Như Bích không nghĩ như vậy chàng nhất định đoán là oan hồn báo oán, đem uế vật vào đó để quấy nhiễu chàng. Sực nhớ trong tráp có ít vàng giấy chua hóa, chàng vội vặn cái mồi giấy sang lều bên cạnh xin lửa, vừa hóa vàng, chàng vừa lầm nhầm khấn thầm: "Tôi là Đặng Như Bích ở phường Đồng Xuân, trấn Hà Nội, cắn rơm cắn cỏ lạy người. Nếu phải đòi trước nhà tôi đã có oan trái với người, xin người hãy cứ tha tội cho tôi, nay mai về nhà, tôi sẽ lập đàn giải oan, nhờ thầy cúng lễ, đưa người về phuong Tây châu Phật. Lạy người vạn bái, lạy người vạn bái..."

Khấn xong, vàng vừa cháy hết, chàng lại quay vào viết văn.

Trống cái trên chòi thánh thót điểm những tiếng oai vệ, học trò nhao nhao đến nhà thập đạo nộp quyển và vác lều chõng theo đường cửa trước đi ra, quyển chàng hãy còn ngót nửa trang nữa mới hết. Bấy giờ ruột chàng rối như canh hẹ, trống ngực hồi hộp họa lại tiếng trống thu quyển trên chòi. Viết lại xóa, xé tờ ấy, đóng tờ khác, cái tờ cuối quyển chàng phải bỏ đi đến hai, ba lần. Trống cái trên chòi điểm càng mau, bụng chàng càng sôi sùng sục, các lều chung quanh đều rõ đi điểm qua những chữ xóa, sót, móc, chửa, chửa ở cuối quyển, viết xong chõ "cộng quyển nội" thì trời vừa tối.

Bỏ cả lều, chõng, chiếu, tráp, chàng lật đật vớ quyển đi nộp. Quyển chàng vừa đưa cho người lại phòng, tiếng trống cuối cùng vừa dứt, chậm một phút nữa, thì chàng sẽ bị ngoại hàm.

Ra khỏi trường, vừa đi chàng vừa nghĩ lại những sự lẩn quẩn xảy ra cho chàng ở trường, khiến chàng thơ thẩn như bị ma đuổi, mắt trông xuống đất mà vẫn không nhìn thấy gì. Đến phuong Đồng Lạc, tình cờ chàng ngẩng đầu lên, gặp Hồ Xuân Hương ở phuong Đồng Xuân đi lại. Chừng như cũng thiện với nàng, chàng vội vàng nhìn đi đường khác, nhưng thỉnh thoảng vẫn liếc mắt trông trộm, xem nàng có để ý đến mình hay không.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 6 -

Tuy là giữa tiết mùa Đông, sớm nay trời ra vẻ trong trễ hơn các sớm khác.

T

Một lát sau khi sáng rõ, các đám mây mù đều bị dạt xuống chân trời, nhường chỗ cho mặt trời từ từ vượt lên dãy núi phương đông để báo tin một ngày âm áp.

Xuân Hương vừa tan tiệc chè buổi sáng, nàng thơ thần đứng tựa cửa gác nhìn ra Hồ Tây. Trên đường Cổ Ngư, thấy có một người đàn ông từ néo cửa Bắc lững thững đi lại. Ngắm kỹ dáng bộ người ấy, nàng đoán chừng là Đặng Như Bích.

Giây lát người ấy lại gần, quả nhiên là chàng ta.

Só là hôm trước khi ở trường ra, tinh cờ gặp nàng giữa đường, Như Bích tuy vì hổ thẹn mà ngoanh mặt đi, nhưng trong bụng vẫn không quên nàng. Về đến nhà đưa những bản nháp lên trình cụ Nghè, chờ cụ xem xong và bình phẩm qua loa vài câu, chàng liền đi xuống nhà học. Cơm nước xong, chàng sai thằng nhỏ giữ giường buông màn, rồi chàng bảo nó đóng cửa để mình nằm nghỉ.

Suốt đêm ấy, cặp mắt, cặp môi và đôi gò má Xuân Hương luôn luôn ở trước mặt chàng, khiến chàng lật quật hết nằm lại dậy, không sao ngủ được, tuy cả ngày hôm trước, chàng đã mệt lử về việc canh quyền và viết bài.

Gió bắc hiu hiu lùa vào cửa sổ, ngọn đèn trên quang lướt đi lướt lại rình tắt. Ánh sáng lờ mờ chiếm cứ cả một gian phòng, làm cho chàng càng thêm buồn bã.

Chàng không nghĩ gì đến việc thi cử, không nhớ gì đến văn bài mà mình mới viết ở trường, bao nhiêu tâm trí, chàng để hết vào Hồ Xuân Hương. Trong bụng chàng khi ấy, nàng đã trở nên một người con gái hoàn toàn, có tài có sắc lại có cả đức hạnh nữa, xứng đáng là người nội trợ của chàng, chàng nhất định phải cậy mối đưa tin hỏi nàng làm vợ, không ngại những chuyện đã xảy ra giữa chàng với nàng từ mấy hôm nay, chàng tự tin rằng nhà chàng hồi ấy hãy còn danh giá bè thê gấp mấy nhà nàng, nếu chàng mượn người hỏi giúp, chắc là thế nào cũng xong. Nhưng chàng lại ngại không biết cụ Nghè có bằng lòng hay chàng, hay là cụ lại chê nàng đĩ thõa, mà không cho chàng lấy nàng.

Chàng cứ nghĩ quanh như thế, vừa đến sáng bạch, không nhắm mắt được một phút nào. Sáng ra, chải đầu, rửa mặt xong rồi. Mấy lần chàng toan đi lên nhà trên, đem cái ý định của mình nói với cụ Nghè, nhưng lại rụt rè không dám. Rồi cái dáng dấp yếu điệu, cái dung nhan xinh đẹp của Xuân Hương lại làm cho lòng chàng nóng như lửa chất, không thể ngồi nhà cho yên. Đội khăn, mặc áo chỉnh tề, chàng lên xin phép cụ Nghè đi thăm anh em. Ra khỏi cửa, chàng vò vòng quanh vài phố, rồi xăm xăm lên thẳng trên đường Cổ Ngư và lần lần tiến đến trước nhà Xuân Hương, ý chàng chỉ muốn thấy mặt nàng một chút mới dại được cơn sốt ruột.

May sao lúc đó, nàng vừa ngó cửa trông ra, chí nguyện của chàng đã thỏa, chàng liền giả cách đi thẳng lên phía Yên Phụ, nhưng, vừa đi, chốc chốc chàng vừa quay cổ trông lại, hình như muôn đi mà không thể dứt tình đi thoát.

Thấy thái độ của chàng như vậy. Xuân Hương cũng lấy làm ngạc nhiên, nàng không thể nào đoán ra tâm lý của chàng lúc ấy: "Hôm nọ ta đã chê giêu hắn một cách đê nhục, và chính hắn cũng toan gây sự phá phách nhà ta, thì không lẽ nào hắn lại quyến luyến ta nữa. Mà nếu hắn không có ý muốn quyến luyến, thì sao hắn lại thơ thẩn dạo quanh ở trước nhà ta, đôi mắt lầm lết giống như chỉ muốn nhìn ta mà không dám nhìn ra mặt?". Thế rồi nàng thử để ý xem chàng đến đó để làm gì. Quanh đi quanh lại ở đường Cố Ngur độ vài ba lượt, chừng như chàng cũng tự lấy làm ngượng, lại lẽo dẽo đi về con đường Cửa Bắc. Nàng cho là chàng có hẹn người nào đến đây, nhân thể đi qua, gặp mình thì nhìn ngó chơi, không phải là có ý gì với mình. Không nghĩ gì đến chàng nữa, nàng sai con Nụ xuống chợ mua ít cam, quẹt và vài chục bánh cối để nàng sang chơi Kinh Bắc làm quà.

Quê chồng dì nàng ở đây. Từ khi mẹ nàng còn sống, bà dì vẫn luôn luân sang chơi nhà nàng ở phường Khán Xuân. Đối với nàng, bà ấy rất là thương yêu quý mến, thường thường khuyên nàng nên lấy người chồng học trò, để có một ngày hưởng cái hạnh phúc "võng anh đi trước, võng nàng đi sau". Lúc nàng bị ghép vào làm vợ lẽ lão quyến Chuồng Vệ, bà ta vẫn không bàng lòng, nhưng vì không có quyền gì với nàng, cho nên bà ta phá ngang không nổi.

Từ đó, bà ấy cũng không hay sang nhà nàng như trước.

Nàng vẫn định bụng sang thăm bà dì, để nói những chuyện tâm sự, nhưng mấy lần sắp đi lại mắc việc khác phải thôi.

Hôm ấy gấp ngày giỗ ông chồng bà ấy, nàng mới quả quyết đi, song trước là lễ giỗ, sau nữa thăm dì, thăm em luôn thê.

Nàng sắp sửa quần áo xong rồi, đợi độ một lúc, con Nụ đi mua các thứ đồ vật vừa về. Bỏ hết các thứ vào đôi tay nái, nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng lồng thồng lồng đồ vào đòn gánh, gánh đi. Coi dáng điệu nàng lúc ấy, không ai bảo nàng là người biết chữ. Bởi vì những người biết chữ, phần nhiều là con nhà quan, người ta chỉ quen ưỡn eo với đôi dép cong, chưa khi nào để đòn gánh lên vai! Nhưng mà những người quen biết, thấy nàng chịu khó như vậy, người ta lại càng kính phục.

Sang bến Lâm Do, nàng cuốc một mạch thì tới ngã ba Cu Hạc. Một bọn phu cát ở đó đón khách, họ kèo nài mời nàng lên cát đi cho đỡ mệt. Bấy giờ chân nàng đã thấy hơi mỏi, nàng bèn trả họ hai bốn đồng kẽm, thuê họ cát mình từ Cố Hạc đến phó Chùa Răn.

Kể ra đoạn đường ấy chặng qua chỉ độ một dặm, đối với con đường từ Hà Nội đến Kinh Bắc, một dặm đường có thâm vào đâu. Nàng phải đi cát, một là cũng muộn nghỉ chân giây lát, hai nữa thử xem cái thú đi cát thế nào, vì từ thuở nhỏ đến giờ, nàng chưa đi cát bao giờ.

Ngồi trên cát, nàng tự thấy mình gần giống con vật: chỉ có loài vật, mới phải để cho người ta khiêng vác, chứ loài người trời đã sinh cho đôi chân để đi, không đau, không ốm, sao lại bắt tội kẻ khác vận tải.

Lâm bẩm nàng trách thầm vua Quang Trung, nàng cho ông ấy vẽ ra cái cát, khiến cho những kẻ giàu sang bây giờ đều muốn người ta khiêng vác như loài vật cả. Rồi nàng lại nghĩ: "Nhưng mà ta trách vua Quang Trung có lẽ cũng làm, chặng qua những người giàu sang muôn bắt kẻ khác khiêng vác, ấy là tại họ lười biếng. Chứ ông vua kia có tội gì. Trong lúc quân tàu đánh chiếm Thăng Long, tướng sĩ đều thua chạy hết, vua Quang Trung ở thành Phú Xuân, tiếp được tin báo, muôn gấp đường kéo quân ra thăng Bắc Hà, cho kịp đánh giặc trong dịp nguyên đán. Bởi vì vua ấy biết tính người Tàu hễ cứ đến té thì phải ăn uống no say, không lo gì đến trận mạc, đánh họ lúc ấy, dễ phá được họ hơn là lúc khác. Nhưng cái ngày khởi quân lên đường, chỉ cách mồng một tháng giêng chừng mười bốn nữa. Trong mười bốn ấy quân sĩ còn phải ăn ngủ, làm thế nào mà đi cho tới Bắc Thành, vua Quang trung mới nghĩ ra lối đi cát

bắt quân thay phiên cảng nhau, phiên này mỏi mệt, thì cho lên nầm cảng mà ngủ, để cho phiên khác cảng đi. Thành ra quân đi suốt đêm, người nào cũng được ngủ nghỉ, không ai bị mệt nhọc quá.

Nhờ vậy khi đến Thăng Long, chỉ đánh một trận thì phá được tan quân Tàu, chém được Sầm Nghi Đóng và đuổi được Tôn Sĩ Nghị. Như vậy vua Quang Trung cũng là một người thông minh, mới sáng chế được cái lối "người tài người" ấy. Nhưng kiểu "đi" đó dùng riêng về việc trầy quân thì phải, chứ đến việc khác, những việc không cần kíp quá như việc đánh giặc, thì đã có xe, có ngựa can gì phải nầm sóng sượt ra đó để cho kẻ khác khiêng đi. Nghĩ vậy, nàng bèn bảo đỡ cảng lại, trả tiền cho hai anh phu cảng, rồi nàng lèo đeo đi bộ.

Một lát, đến phố chùa Rắn. Từ Hà Nội lên Kinh Bắc, tới đó là được nửa đường, vừa đúng một "cung", những người gánh vác trên đường thiên lý đều phải nghỉ lại ở đó để ăn uống. Vì vậy, phố ấy tuy không phải là nơi kinh doanh, nhưng cũng có đủ hàng com, quán rượu, quang cảnh cũng hoi sầm uất. Bấy giờ trời đã gần trưa, nàng vào hàng nước nghỉ tạm giày lát. Thình lình trông ra trước mắt, thấy có khu rừng cây cối rườm rà.

Sực nhớ chỗ đó là lăng nhà Lý! thuở xưa họ Lý trị vì, các vua ta thế đều đưa về táng ở đó, nàng toan rẽ vào coi xem phong cảnh có gì lạ không. Nhưng nhìn mặt trời đã sắp đứng bóng, nàng sợ rong chơi lan man, hoặc giả đến tối không tới Kinh Bắc, nên lại cất gánh lên đường, dành sự ngoạn cảnh đến chuyến trở về.

Lên khỏi phố Viêng; chợt thấy đám người xúm lại giữa đường đông như một đám thò lò, tiếng cười tiếng nói tiếng reo. Tiếng vỗ tay vang một góc trời. Lấy làm lạ, nàng bèn vào trong cái quán cạnh đường vừa để nghỉ chân vừa để hỏi xem đám đông kia là đám gì thế.

Bước đến cửa quán nàng lại toan lùi trở ra, vì có một bọn học trò và một đoàn khăn gói chiếm hết các ghế.

Nhà hàng chèo kéo cỗ mời nàng lại. Bọn học trò kia chừng cũng biết ý, liền ngồi dẹp vào một bên, nhường chỗ cho nàng. Nàng vừa ghé ngồi vào ghế, bỗng ở đầu xa có người bưng đầu chạy lại, vừa chạy vừa kêu. Thì ra sư ông ở Quán Sứ, sang chơi chùa Dền trở về, vô tình qua đường, thấy một lũ trẻ chăn trâu đương phá tổ ong, ông ta dừng chân đứng xem, chẳng may con ong vỡ tổ bay ra, đốt ngay trán, đau quá, ông ta phải ôm đầu chạy đến quán ấy tìm thuốc.

Thấy nàng ông liền xuýt xoa hỏi:

- Cô đi đâu lại sang bên này? Có vôi cho tôi một miếng.

- Ông xin vôi làm gì?

- Tôi bôi vào chỗ ong đốt. Lũ trẻ trời đánh, chúng phá tổ ong giữa đường, làm cho ong đốt ngay vào đầu tôi! Vôi của nhà hàng thiêu gì, sao ông lại xin của tôi?

Ông sư ngôn ngoen:

- Muốn xin vôi của cô mới hay, vôi của bà hàng e rằng không hay.

Thấy cái thái độ ồm ờ của kẻ tu hành, nàng có ý ghét liền đáp:

- Tôi không có vôi. Nhưng tôi có biết mấy câu thần chú, nếu viết vào giấy, rồi đem đốt đi, lấy than bôi vào những chỗ rắn cắn, hay rết đốt, ong đốt thì khỏi tức thì.

- Vậy cô làm phúc viết cho tôi.

- Không có giấy bút.

Vẫn hai tay bưng đầu, ông sư quay lại hỏi bạn học trò:

- Các thầy có đem giấy mực trong gói, làm ơn hãy cho tôi mượn.

Cô nhiên khăn gói của những học trò đi trọ, phải có giấy bút ở trong, một người trong bọn liền lấy cho mượn.

Mài mực, tẩm bút, nàng liền viết thảo vài dòng, đưa cho ông sư:

- Sư ông đọc đi ba lượt, rồi xem đốt để mà bôi.

Ông sư trông vào mảnh giấy, không thể nhận được chữ nào, vì chữ nàng viết thảo quá.

Ngoanh lại đằng sau, ông sư sẽ nói với người học trò:

- Mắt tôi lóa lầm, không có kính không thể trông ra chữ gì, ông tinh mắt hãy đọc giúp tôi một lượt để tôi đọc theo.

Cầm mảnh giấy, người học trò coi qua một lượt, rồi nhìn mặt Xuân Hương một cách ngạc nhiên, người ấy vừa cười vừa ngâm:

- Nào nón tu nữ, nào mũ thâm

Đi đâu chặng đội để ong châm

Đầu sư há phải...

Đến đó, người ấy cười ngặt cười nghèo, giây lát mới lại đọc tiếp:

- Đầu sư há phải... đầu bà cốt?

Bá ngọ( tiếng chửi của nhà chùa. )

Con ong bé cái lầm.

Cả bọn học trò cùng cười ầm lên. Ông sư phát cáu, vung tục vung nhả một hồi, rồi rút lui. Những người học trò khi ấy mới biết nàng là bực tài nữ, một người muốn bắt làm quen, lễ phép hỏi:

- Thưa cô, quý quán ở đâu ta?

- Tôi ở Hà Nội.

- A! có phải cô là Hò Xuân Hương?

- Phải!

Mấy người ngạc nhiên nhau, ra ý muốn nói dài dòng nhưng lại rụt rè không dám. Nàng cũng im lặng cõi giấy lung bao, lấy tiền trả bà hàng nước, rồi đứng dậy đi.

Mặt trời tà tà, nàng tới Kinh Bắc. Bấy giờ trong nhà bà dì khách khứa đã vãn.

Thấy nàng, bà ấy và cả mấy người con gái, ai nấy tay bắt mặt mừng. Trách nàng đã định sang chơi, sao không sang từ chiều hôm qua. Nàng phải thú thật hôm qua khuấy quên, sáng nay mới nhớ ngày nay kỷ nhật ông chú.

Sau khi nàng đặt đồ lễ lên giùng thờ làm lễ, bà dì bảo nàng vào nghỉ trong buồng học của mấy đứa em gái. Bà ấy không có con trai, chỉ có ba người con gái, hai người đã lớn, trước có đi học, nhưng từ đầu năm đến giờ, đã phải thôi học để tập nghề buôn, còn một người nhỏ đương học thầy đồ ở nhà bên cạnh. Giở hết các sách của bọn em gái ra xem, nàng thấy dấu chữ thầy đồ xêch xoạc như vết gà bới, mỉm cười, nàng hỏi:

- Thầy đồ vẫn dạy các em tên gọi là gì?
- Chúng em không biết tên thật ông ấy, chỉ thấy gọi là thầy đồ Nghệ, vì ông ta là người xứ Nghệ.
- Năm nay ông ta đã bao nhiêu tuổi?
- Vào khoảng bốn mươi.
- Ông ta có được đông người đến học lắm không?
- Được hơn mươi người tất cả.
- Có ai lớn không?
- Chỉ có những người độ bằng chúng em hay lớn hơn một ít.
- Ông ta có dữ đòn không?
- Trước kia ông ấy cũng dữ đòn lắm, sai một tí là đánh liền, sau vì học trò đau quá, chúng nó bỏ đi học thầy khác, bây giờ ông ta không dám đánh dữ như trước..

Bà dì vừa vào, làm cho câu chuyện ngừng lại. Bà ấy tỉ tê hỏi nàng hết thảy công việc của nàng mới rồi, từ việc bị ông Chuẩn Vệ rầy ra đến việc cải trang đi thi và việc bị bọn sĩ tử toan đến phá nhà. Nàng đều cù thật nói lại một lượt rành mạch. Bà dì cẩn vân khuyên nàng từ rầy trở đi, không nên chua ngoa, nhất là không nên trêu ghẹo những người học trò làm gì, người ta dốt thì mặc người ta, không việc gì đến mình.

Còn nước đoạn, bà ấy lại bảo cho nàng biết rằng thầy đồ bên cạnh là người ở huyện Nam Đàm, ông ta xưng là học trò cha nàng khi xưa lại biết tiếng nàng học giỏi, thường dặn bà ấy, khi nào nàng sang Kinh Bắc thì xin cho biết, để ông ta sang chơi. Nàng nghĩ cha nàng khi trước tuy quán ở huyện Quỳnh Lưu, nhưng vẫn ở luôn Bắc Thành, làm gì lại có học trò ở huyện Nam Đàm. Hay là ông đó thấy dì nàng thân với nhà nàng, nên cũng nhận vơ thế chăng? Tuy vậy, nàng cũng tỏ ý vui vẻ, hứa đến ngày mai sẽ tự sang ông ta.

Đêm ấy, dì, cháu, chị, em, chuyện lời, chuyện lả, hết chuyện gần đến chuyện xa gần quá nửa đêm, vẫn chưa ai ngủ.

Sáng sớm hôm sau, người con gái nhỏ bà dì cắp sách đi học, nàng cũng nói với bà ấy luôn thể để em đưa mình sang thăm ông đồ.

Sau chiếc án thư gác cây roi mây dài hơn một sải, và đặt một cái ca đàm mài son, thầy đồ quần vành khăn vải nhuộm màu tam giang, ngắt ngưởng ngồi trên bộ phán với cái điêu đàm, hai ghế hai bên lô nhô một lũ con nít mặt mũi nhếch nhác, quần áo lem luốc và la liệt những cuốn sách mỏng và nát nhau.

Thầy nàng, thầy đồ ra vẻ ngạc nhiên liền hỏi bằng giọng trẻ:

- Cô tới mần chi! Xin câu đói chứ?
- Tôi là Hồ Xuân Hương, nghe nói ông dạy học ở đây nên tôi sang thăm.

Luồng cuồng, ông đồ mời nàng ngồi vào phản mình và rồi rít sai lũ học trò xuống bếp đun nước.

Một cậu học trò có ông mũi dài như hai cái ngà voi tiên đến phía trước án thư, chìa sách thăng mặt thầy đồ, nói bằng tiếng mũi:

- Thưa thầy chữ gì?

Nghiêm nghị, thầy đồ cúi nhìn vào sách và đáp:

- Túc là đú... ụ.

Vui vẻ, cậu đó quét ngang ống mũi vào ống tay áo, rồi quay trở ra vừa đi vừa học:

- Túc là đú a? Túc là đú a!

Thầy đồ cau mặt quát lớn:

- Ai bảo mi túc là đú, thằng kia? Túc là đú... ụ chứ! Nét mặt ngơ ngác, cậu đó chỉ đứng lẩn thẩn.

Thầy đồ lại giục:

- Túc là đú... ụ! Học đi!

Cậu bé lại học:

- Túc là đú a! Túc là đú a!

Thầy đồ phát cáu:

- Lại đây! Thằng kia!

Cậu đó trở lại phía trước án thư với bộ mặt lo sợ.

Thầy đồ cầm cây roi mây quật xuống án thư đen đét và nói:

- Túc là đú... ụ chứ? Ai bảo mi túc là đú bao giờ?

Cậu đó vẫn học:

- Túc là đú a! Túc là đú a?

Thầy đồ nỗi cơn lôi đình, nền vút cho cậu hơn chục roi mây và mắng:

- Đú gi? Đú cha đú mẹ mi à? Đã bảo túc là đú... ụ sao lại cứ "túc là đú" hoài?

Cậu bé van lạy rối rít, và khóc nức nở. Thầy đồ lại thét:

- Túc là đú... ụ? Học đi? Hết còn "túc là đú" nữa thì... một trăm roi vào đít!

Cậu bé vẫn cứ xì xoạt không dám câm tiếng. Xuân Hương mỉm cười, nàng nhìn cậu kia và nói một

cách ngọt ngào.

- Thầy bảo túc là đủ, sao em cứ học túc là đụ?

Cậu bé như đã tỉnh ngộ, gấp sách chạy sang chỗ ngồi của mình.

Một cậu bé khác xách siêu nước từ dưới bếp lên:

- Thưa thầy, nước sôi rồi ạ!

Giờ sâu chìa khóa, mở tráp lấy gói chè nụ, thầy đồ bỏ một nắm chè và xách ám đưa ra cho cậu học trò:

- Rót vào đây!

Khói nước bốc lên, mùi hoa sói bay ra ngào ngạt, thầy đồ sẽ sàng rót lưng chén nước, cung kính, hai tay nâng đưa Xuân Hương:

- Mời cô xoi nước! Xuân Hương vừa đón chén nước lên tay, một bé nữa đem sách đến nhìn vào mặt thầy đồ:

- Thưa thầy chữ gì?

Thầy đồ ra giọng oai vệ:

- Chữ môn là cựa!

Cậu ấy theo luôn lời thầy:

- Môn là cựa! Môn là cựa a!

Thầy đồ trùng mắt và thét:

- Cựa là cựa ra cựa vô, chứ cựa cha cựa mẹ mi à!

Xuân Hương phì cười, nàng liền bảo giúp:

- Môn là cửa kia mà! Không phải "môn là cựa"!

Thầy đồ đỡ một trận quát tháo, cậu bé cũng thoát một trận sợ sệt. Giữa phản bên cạnh những tiếng ê a, è à nhất tè nổi lên, nghe như một đám tụng kinh. Một lát sau, tiếng học dàn dàn uể oải, các cậu học trò chen nhau, đẩy nhau, chí chóe cãi nhau. Rồi một cậu nhỏ mếu máo đến trước án thư chắp tay:

- Thưa thầy, anh Quέ bẹo con đây ạ?

Ông đồ dỗng dạc:

- Quέ đâu, ra đây!

Một cậu run rẩy tiến lại, sắc mặt xám mét, hai bàn tay núc lại với nhau, giống như ông thầy phù thủy bắt quyết. Thầy đồ hách dịch:

- Làm sao mi dám bẹo nó hủ Quέ?

Cậu Quέ vẫn cứ núc tay. Vút! vút! Vút cây roi mây trong tay thầy đồ quát luôn ba cái vào lưng cậu

này, rồi thầy đồ lên giọng bê vê:

- Học không học, chỉ chòng nhau? Thôi cho về chỗ.

Cậu áy òa khóc lùi xuống, lại một cậu nữa lúu túu tiến lên:

- Thưa thầy...

- Cái gì hử?

- Thưa thầy, hôm qua anh Sâm ra đường chửi nhau. Để cho chúng nó...

Cậu đó lại im. Hình như không dám nói nốt.

Thầy đồ liền gặng:

- Chúng nó mần gì?

- Chúng nổ chửi... thầy.

- Chửi thế nào?

- Thưa thầy, chúng nó chửi...

- Chửi thế nào. Cho mi cứ nói! Thưa thầy chúng nó chửi rằng: "mẹ cha thằng thầy mà a"!

Thầy đồ giương tròn hai mắt:

- Sâm! lại đây. Mau!

Tróng ngực hồi hộp. Cậu Sâm khum núm đi lại đứng tựa vào cột. Thầy đồ chỉ cây roi mây xuống đất:

- Nằm xuống đó!

Cậu Sâm khóc nhéch khóc nhác, lạy như té sao.

Thầy đồ quát lớn:

- Đứa nào vật cỗ nó xuống cho ta!

Các cậu bên phản ứng ngạc nhiên nhau, không cậu nào chịu vâng lời thầy. Thầy đồ dùng dùng nỗi giận, giở roi vụt luôn vào cổ cậu Sâm mấy cái:

- Có nằm xuống không? Vô phép!

Cậu bé đáng thương nằm xoài xuống đất với những tiếng khóc rầm rì. Thầy đồ ngồi trên ghế ngựa chĩa roi xuống một chập độ sáu bảy roi. Mỗi tiếng đánh "vút" một cái, cậu lại oằn oại lăn cựa giống như con rắn sắp chết, và van thầy, lạy thầy vang một góc nhà. Tan cơn giận, thầy đồ đặt roi xuống mặt án thi:

- Thôi tha cho dậy!

Lớp ngóp đứng dậy, cậu Sâm lạy xuống đất lạy thầy hai lạy. Theo lệ thường của thầy đồ, mỗi khi học trò bị đòn phải nằm xuống đất, lúc được trở dậy, không đợi thầy bảo cứ phải lễ tạ hai lễ, cậu nào không nhớ lễ ấy, tức thì lại phải nằm xuống chịu tội một lần thứ hai. Lạy xong cậu bé đáng thương nâng áo chùi

nước mắt, trở lại chỗ cũ.

Thầy đồ rót nước nữa mời Xuân Hương, rồi quay ra bảo bọn học trò:

- Hôm nay thầy còn bạn có kỳ văn trước cho không khiến kể nghĩa, sách tôi để ngày mai sẽ chấm, về mà học ôn bài học hôm qua, nghe không?

Các cậu học trò hết thảy hồn hở vui mừng, nhao nhao gấp sách đứng dậy. Thầy đồ ngoanh lại nói với Xuân Hương:

- Bữa nay vì có kỳ văn nhật khắc, tôi cho chúng nó nghỉ sớm một chút...

Xuân Hương tươi cười và hỏi:

- Ông vẫn tập ở trường nào?

Thầy đồ đáp một cách tự đắc:

- Tôi không tập ở trường nào cả. Nhưng mỗi tháng hai kỳ, anh em rủ đi làm văn, nể họ quá, tôi phải nhận lời.

- Những quyển văn ấy. Các ông nhờ ai chấm cho? Cụ Nghè Đặng chấm sơ, cụ Nghè Hoàng chấm phúc, đầu bài cũng ở hai cụ ra cho. Cô tính chỉ các cụ Nghè là bậc túc học mới chấm nổi văn chúng tôi, chứ các ông Công...! Thầy đồ đương nói dở câu thì một dây "lạy thầy" đồng thời nỗi lên, các cậu học trò tranh nhau cắp sách ra cửa, đầy ghé bên cạnh, chỉ còn một người em gái Xuân Hương. Hết cơn ào ào, nàng lại hỏi thêm thầy đồ:

- Các ông làm văn ở đâu ở đình làng Đẹp, ngay bên cạnh đây!

- Tôi muốn sang xem có tiện hay không?

- Tiện lắm! Mời cô sang chơi. Anh em học trò Kinh Bắc nhiều người cũng biết tiếng cô.

Trò truyện vài ba câu nữa, Xuân Hương cáo biệt đứng dậy, cùng người em gái trở về nhà đi. Thầy đồ tiễn ra đến cửa, khi quay đầu lại chào ông ấy, nàng vừa trông thấy vú già của nhà chủ lẽ mề bưng ở bếp lên cái mâm gỗ mốc trong đựng một liễn cơm, một âu canh, một bát rau muống luộc, một đĩa cà thậm xì và một bát tương.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 7 -

Trong lúc nhà Lê trị vì, văn học rất thịnh ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, những hạng học trò đã có đi khảo thi rất chuyên cần về việc tập văn.

T

Ngoài những kỳ văn của thầy ra cho, người ta còn rủ nhau từng bọn hoặc vài chục hoặc hàng trăn người nói với các ông danh sĩ trong xứ ra bài cho làm, rồi lại nhờ những ông ấy chấm cho. Việc tập văn ấy người ta gọi là văn hội, mỗi tháng hai kỳ hoặc ba kỳ. Chỗ làm văn không nhất định ở đâu, thông thường thì ở các đình các chùa. Văn hội nhóm ở đình chùa làng nào, người học trò ở làng ấy phải cung đón những vật cần dùng ví như nước nôi, đèn dầu chẳng hạn.

Sau thời kỳ nhà Lê, trong nước rối loạn, việc học hoang phế, văn hội cũng bị tan hết. Gần đây thiên hạ đã yên, sự học đã bắt đầu hưng phục, ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, văn hội đã nhóm lên dần dần.

Bữa ấy nhầm kỳ văn nhật khắc, họp ở đình Đọi, những người học trò ở mấy phủ huyện gần đó, nhiều người đến dự. Xuân Hương nghe tin như vậy, nàng cũng náo nức muốn sang coi thử.

Mặt trời đã vượt lên khỏi nóc nhà láng giềng, ánh nắng chiếu xuống trước thềm thành một màu vàng thắm, nàng nói qua cho bà dì biết, rồi dắt người con gái út bà ấy cùng đi với mình.

Đình Đọi ở ngay bên cạnh.

Trong ba gian đình thênh thang như ba cái chợ, học trò mỗi người một chiếu, gù lưng nằm khắp sàn đình.

Chừng như ông đồ Nghệ đã có nói trước, nên khi Xuân Hương bước đến giọt đình, hết thảy học trò đều nghênh cỗ nhòm ra, và họ thì thầm nói riêng với nhau:

- Mặt mũi cũng khá đầy nhỉ?
- Coi bộ cũng không có gì khác người, làm sao mà chua ngoa thế?
- Có thể mới nên chuyện. Nếu cứ từ bi như vợ mình, em mình ở nhà thì còn có tiếng tăm gì!

Làm thinh, nàng dắt người em gái lên thăng sàn đình và chấp tay chào vài người ở gần trước mặt.

Ông đồ Nghệ đứng lên giới thiệu:

- Thưa các ông, đây là cô Hồ Xuân Hương, con gái ông nghiệp sư tôi ở Nghệ, nhân qua xứ Bắc thăm người bà con, tiện nay có kỳ văn, nên cô sang chơi.

Rồi thầy đồ áy ngoảnh lại nhìn mặt Xuân Hương:

- Tiện thể, hay là cô thử viết với chúng tôi một kỳ.

Xuân Hương nghĩ thầm: "Nếu họ không nhờ lão Nghè Đặng và lão Nghè Hoàng châm văn, thì ta cũng viết chơi vài bài cho họ biết tay. Nhưng họ đã cậy hai lão ấy châm thì ta không nên dính vào làm chi. Nàng liền trả lời:

- Tôi cũng muốn viết với các ngài cho vui, nhưng ở đây không săn giấy bút, và tôi bỗn đã lâu, bây giờ viết chắc chậm lắm, không thể theo kịp các ngài. Hơn nữa quá trưa bữa nay, tôi lại phải về Hà Nội, dẫu viết cũng không trọng quyển?

Các ông học trò ra ý cũng không đậm đà về sự mòi nàng viết văn, hình như ai nấy đều sợ có một người lạ dự vào. Nhất là người ấy lại là con gái có tiếng hay chữ, thì văn của mình tự nhiên cũng hóa khó viết, vì thế, thấy nàng từ chối, không ai kèn nài thêm một câu nào. Vài người lớn tuổi đứng ra mòi nàng vào chiều giữa đình: ăn trầu uống nước, rồi họ hỏi thăm qua loa về chuyện học hành thi cử ở Hà Nội. Còn các người khác đều căm cui với quyền văn.

Kỳ ấy là kỳ kinh nghĩa, cũng đủ bảy bài, hai bài chuyện thì Luận ngữ và "Ngô kỳ vi Đông chu hò", Mạnh Tử là: "Đương kim chí thế, xả ngã kỳ thùy", năm bài kinh thi: Kinh Dịch là "Uốn dĩ duồng chính, thánh công già", kinh Thư là: "Việc nhược kê cổ Cao dao", kinh Thi là "Chu đạo như chí", kinh Lễ là "An dân tai" và kinh Xuân Thu là "Công túc vị". Nhìn qua đầu bài ở các quyền, nàng lầm bẩm cười thầm: "Không biết những để mục này của lão Nghè Đặng hay lão Nghè Hoàng đã ra cho bọn học trò, hình như bài nào "kể ra" cũng có ngụ ý tự phụ, thật là khẩn". Rồi nàng mỉm cười hỏi thầy đồ Nghệ:

- Ông chuyên kinh gì?

Ông đồ Nghệ vénh vang:

- Tôi chuyên kinh Dịch?

Nàng vẫn mỉm cười và tiếp:

- Thê thì, đầu bài kinh Dịch hôm nay hợp với cảnh ông lầm. "Uốn dĩ duồng chính, thánh công già", đó là cảnh ông chứ gì. Hay là các cụ Nghệ biết ông đương vất vả với lũ học trò trẻ con, nên mới ra cái bài ấy.

Cả đình đều cười oà lên, ông đồ Nghệ vẫn ra vẻ tự đắc:

- Kể ra làm nghè gõ đầu trẻ cũng có khô thật, rát họng, rát cổ suốt ngày, thế mà đến khi chúng nó khá giả, ít đúra chịu nhớ đến mình.

Nàng lại cười cách chế giễu:

- Khi nào lại thế. Những kẻ làm nên, bao giờ cũng nhớ ông thầy khai tâm trước tiên.

Rồi nàng dẫn luôn một truyện cổ tích:

- Ông không nhớ chuyện cụ Trạng Cháy đấy à?

Ông đồ Nghệ vội vàng hỏi tắt:

- Cụ Trạng Cháy là ai nhỉ?

Nàng tủm tỉm:

- Là cụ Nguyễn Công Hăng, người ở làng Cháy, tên chữ là làng Phù Chẩn. Người ta nói rằng: Khi cụ

mới dỗ Trạng nguyên, ở Hà Nội có người khách buôn góa chồng nhờ cụ khai tâm cho con trai mụ. Mẹ con đưa nhau cắp sách đến nhà, cụ mới viết cho tám chữ "thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", và dạy cho học vài lượt, thì nhà có khách. Cụ cho nghỉ học, mẹ con lại đem nhau về. Hôm sau, cụ bận việc khác không dạy học nữa, chẳng bao lâu, mụ ấy đem con về Tàu, cụ cũng không hề nhớ rằng mình đã khai tâm cho một người Khách. Cách hơn mươi năm...

Nói đến đây, nàng cầm khay cau nhón lấy một miếng bỏ vào mồm nhai, rồi tiếp:

- Cách hơn mươi năm: cụ làm quan với chúa Trịnh, phải làm sứ thần để các đồ cổ sang Tàu khi qua Quảng Tây vào nghỉ trong nhà một ông quan lớn ở ven đường. Thấy ở giữa nhà kê một cái sập thiếp vàng. Trên có bài vị khắc một dòng chữ "Nghiệp sư An Nam Nguyễn tướng công chi vị" và cạnh bài vị có cái biển con khắc rõ tám chữ "Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", dưới đó lại đẽ mấy chữ "nghiệp sư thủ bút". Cụ đẽ ý nhìn, tám chữ kia chính là chữ mình, nhưng không nhớ viết từ bao giờ, và làm sao lại sang đến đây. Sau khi gặp ông quan là chủ nhà ấy, cụ nói tên họ của mình cho biết, ông ta liền thụp xuống lạy; té ra ông ấy chính là con trai mụ khách khi trước đã nhờ cụ khai tâm. Hồi ra mới biết ông ấy đã thi đậu tiến sĩ, và đã làm đến tri phủ, vì có tang mẹ, phải nghỉ ở nhà. Rồi ông ta mời cụ lên ngồi ở giữa cái sập đẽ bài vị đó. Sập ấy, mọi ngày ông ta chỉ đẽ thờ vọng bóng cụ, nội tử người sang người hèn, không ai được ghé vào đó, bây giờ cụ ngồi là lần đầu tiên. Đó, đối với ông thầy khai tâm, chỉ viết chữ và dạy vài câu, người ta còn nhớ ơn đến thế, huống chi như ông ngày ngày rát cỗ bồng họng về học trò, lẽ nào học trò lại quên công ông. Chỉ sợ họ không làm nên mà thôi.

Ông đồ Nghệ biết nàng nói riết, cấm đâu vào quyền văn không nói gì nữa. Nàng dắt người em gái đi lướt một lượt, tò mò liếc qua các quyền xem sao. Có quyền đã viết đến đoạn trung cổ, có quyền mới viết hai câu phô thura, có quyền lời văn cũng hay, có quyền giọng văn nhạt như nước ốc. Nàng lượn ra xung quanh đình đạo thăm phong cảnh, một lát, lại trở lên đình, định chào cả bọn rồi về, trông đi, trông lại nàng không thấy ông đồ Nghệ đâu cả.

Tới nhà bà dì, nàng bỗng ngầm đau bụng, muốn đi đại tiện, ra đến chuồng xí đã thấy một người ngồi ở bên trong, nàng phải bấm bụng cố nhịn mà về.

Bụng dần dần yên, nàng nằm trong màn nghỉ. Gần trưa, con đau bụng lại nỗi và mót đi đại tiện, nàng lại chạy ra chuồng xí, người lúc nãy vẫn còn ngồi đáy, nàng vẫn bị bắt như ý mà về. Nửa giờ sau bụng vẫn đau dữ, nàng ra đàng sau đứng nhòm trong chuồng xí vẫn thấy có người, và vẫn là người lần trước. Tức quá, nàng cầm hòn đá ném vào chuồng xí một cái đánh chát, một người ở trong tất tả chạy ra, chính là ông đồ Nghệ.

Thì ra ông ta đương lúc nghĩ văn mót đi đại tiện, ra tới nhà xí hứng văn nỗi lên, làm cho ông ta mãi miết đẽ cả tâm trí vào văn quên băng đi rằng chỗ mình ngồi đó chính là nhà xí nên đã thôi đi đại tiện mà vẫn ở mãi đó chưa ra.

Thấy vậy, nàng vừa bức mình vừa buồn cười, sự liên tưởng khiến nàng bỗng nhớ đến chữ "tam thương" của Âu Dương Tu, nhà tiên nho ấy tự nói bình sinh làm văn, chỉ có ba chỗ nghĩ được nhiều nhất, một là mã thương, tức là khi ngồi trên ngựa, hai là châm thương tức là khi nằm trên gối, ba là xí thương, tức là khi ngồi trên cầu chuồng tiêu. Vậy thì trên cầu chuồng tiêu cũng là một nơi làm văn của cỗ nhân. Nhưng làm văn như thầy đồ này ngồi trong chuồng tiêu từ sáng đến chiều, thật cũng quá đáng. Không biết có rặn ra được câu văn nào không. Nàng về thuật chuyện cho bà dì nghe cả nhà đều cười oà lên, làm cho người con gái út bà ấy cũng phải xấu hổ về thầy, nhất định không sang học ông đồ ấy nữa.

Hôm sau bà dì lại phải dỗ mãi, con bé mới lại chịu đi.

Ở đó vài ngày, bệnh nàng lại khỏi như thường. Vì đã mấy năm nàng mới sang chơi một lần, bà dì

nhất định giữ lại không cho về vội. Nàng phải nán ná ở đó đến hơn nửa tháng, ngày ngày cùng bọn em gái đi ra các sông, các núi thăm viếng những nơi danh lam cổ tích ở gần chung quanh.

Khi nàng về tới Hà Nội đã là trung tuần tháng một, bấy giờ hai kỳ thi đệ tam và đệ tứ đã xong từ lâu, Hà Nội đương đợi kỳ xướng danh.

Sáu năm mới có một lần, ngày xướng danh ở cửa trường thi cũng là một ngày vui vẻ của thành Hà Nội.

Chẳng riêng gì bọn sĩ tử là những kẻ có dự cuộc danh khôi đoạt giáp nức chờ đợi, những người vô sự ở các phường phố cũng nô nức muôn coi cho biết mặt mũi những ông tân khoa thế nào.

Đúng ngày xướng danh. Nàng cũng dậy từ gà gáy thứ nhất. Uống tàn âm nước chè tàu, nàng liền ván khăn mặc áo, cắp nón đi ra cửa trường. Tuy đối với việc thi cử khoa ấy, nàng không dính dáng mảy may, nhất là nàng không như những cô con gái nhà giàu, cốt ra nghe cho biết ai đỗ ông Đồ, ông Công để rồi đánh tiếng lấy chồng, nhưng với nàng, ngày ấy cũng như một ngày có hội, ở cạnh đám hội, lẽ nào lại không đi coi! Vầng trăng tà tà về tây, nàng xuồng đến phố trường thi, trong khu đất giá rét như cắt, hàng xú đã đến đông như kiến cỏ. Ngoài số sĩ tử được vào phúc hạch ra đó chờ nghe xướng danh, lại còn thân thuộc bạn hữu của họ, lại còn những người vô sự đi xem, đúng số được dự vào cuộc xướng danh, chỉ có độ ba chục người mà ở cửa trường có tới bảy tám trăm người cả thảy. Đêm nay cũng như các đêm vào kỳ đệ nhất đệ nhị, sự canh phòng vẫn cẩn mật, những cây đình liêu vẫn cháy đúng đùng.

Khác một điều là, những ông học trò không ai phải lêch thêch đeo chông, và bao nhiêu người đều dồn cả vào cửa tiền, những cửa vi giáp, vi át, vi tả, vi hữu đều đóng im im.

Gần sáng trên chòi canh đóng ba hồi trống ba hồi kēng, đèn lồng, lọng xanh, cờ khâm sai, biển phụng chỉ, theo lệ rước các ông quan trường ra cổng trường. Các ghế tréo đã bày sẵn sàng, những ông khảo quan và những ông ngự sử, lần lượt leo lên mặt ghế với những ông hốt ngà voi, lại một hồi trống và một hồi kēng đóng nhau điểm ở trên chòi, người lại phòng đứng cạnh viên chánh chủ khảo cầm sổ đọc cho người lính cầm loa, rồi người lính ậm ợ thét gọi:

- Giải nguyên Hoàng Đức Phu, Hà Nội, Đồng Xuân!

Tiếng loa vừa dứt, tiếp đến tiếng dạ ở ngoài xa xa, một người học trò trẻ tuổi áo the quần tráng cõ súc lách qua đám đông tiến vào khu đất cửa trường. Người lính cầm loa lại bắc gọi lần nữa và người học trò trẻ tuổi cũng dạ một lần nữa. Lúc ấy bọn lính kiểm soát liền lịnh một chiếc mũ đuôi én và một tấm áo lam ban cho người học trò ấy. Đội mũ mặc áo chính tề, người học trò ấy lính xính chắp tay vào ngực đi vào trong nhà thập đạo. Người lại phòng cầm sổ lại xướng cho người lính cầm loa gọi tên khác. Ngoài cửa trường không thấy tiếng dạ, cái loa lại phải ậm ợ gọi mấy lần, vẫn không ai thura, quan trường phải cho lính đi xuống đám đông hỏi xem có ai gấp ông tân khoa ấy không. Thì ra ông ấy ra bộ không nóng nảy về đường công danh, tuy nghe tin mình đậu hương công, anh em họ Mạc đã mấy lần sai người về báo, ông vẫn ngất ngưởng đánh chén ở nhà trọ, chứ không thèm ra. Sau khi đã phái hình vào tận nhà trọ đòi gọi người học trò ấy, quan trường bảo người lại phòng đọc cho lính cầm loa gọi luôn người dưới.

Mỗi tiếng gọi là một tiếng dạ, mỗi tiếng dạ là một bộ mũ áo đưa xuống, xướng danh hết trên mười người không xảy ra sự gì cả. Người lính cầm loa cứ việc theo miệng người lại phòng gọi đến người mười bảy.

Không có người nào thura thót cả, nhưng ở ngoài tít đằng xa, có một ông học trò vào khoảng ngoài bốn chục tuổi bận áo nâu, vẫn khăn vải, úp cái nón chép sơn vào ngực, vừa đám vào chép nón, vừa nhảy chân sáo vừa reo:

- Sú lợn về ai? Thủ xem sú lợn về ai?

Ông áy Chinh là ông hương công thứ mười bảy, bè bạn đứng cạnh, thấy người lính cầm loa ậm ẹo gọi hoài, ông này vẫn không thèm thưa, mấy người liền vỗ vào vai và hỏi:

- Đã biết thủ lợn về ông, chứ về ai nữa, nhưng ông phải dạ một tiếng, rồi lính mũ áo đi vào ăn yến, sao cứ để người ta gọi mãi?

Ông áy cũng không trả lời cứ việc nhảy chân sáo, đầm vào chót nón mà thét:

- Sú lợn về ai? Thủ xem sú lợn về ai?

Loa đồng gọi đã hết hơi, cái nón chót sơn bị đầm đã bếp, ông đó vẫn cứ chân nhảy choi, miệng reo thủ lợn về ai, không thèm thưa cũng không thèm vào.

Bực quá, quan trường phải bảo lính xuống tận nơi, hỏi thăm những người quen thuộc của ông ta, biết đích ông ta đậu thứ mười bảy, liền cho lính dẫn vào cửa trường, đưa mũ đưa áo cho ông ta. Không đội mũ, cũng không mặc áo, ông ta chỉ lâm nhảm nói hoài một câu "sú lợn về ai", lính phải cắp mũ cắp áo và đưa ông ta vào tận trong nhà thập đạo.

Người lính cầm loa theo người lại phòng gọi luôn bốn năm người nữa, rồi gọi đến Nguyễn Cao Đệ, Hà Nội, Khán Xuân, hương công thứ hai mươi hai.

Cũng như ông công thứ mười bảy, Nguyễn Cao Đệ nghe thấy loa gọi tên mình, cũng không thưa dạ, chỉ nhảy chân sáo và reo thật to:

- Ý a! Ta đỗ rồi!

Thế rồi như ngựa đứt cương, Nguyễn Cao Đệ lòng té một mạch từ khu cửa trường lên khu cửa Nam, quan trường cho lính đuổi theo không kịp.

Gọi nốt ba người dưới nữa, thế là xong cuộc xướng danh, khoa áy lấy hai mươi nhăm hương công cả thảy.

Các ông tân khoa và các quan trường đã vào trong nhà thập đạo hết rồi, bấy giờ cửa trường mới kéo bảng hương công rồi kéo đến bảng sinh đồ. Có một vài ông mắc phải những tội thiệp tích, phạm húy, phạm trường qui đều bị nêu tên ra chiết bảng con.

Hàng xóm dần dần về hết, Xuân Hương ghé lại xem tấm bảng con, thấy có tên Đặng Như Bích, phạm lỗi "quyển viết không đủ. Nàng mỉm cười và đương nghĩ thầm "thế cũng đạo mạo lên mặt công tử? Bỗng ở đằng xa nghe có tiếng người ồn ào và sự ồn ào mới tiến gần lại. Giây lát, một bọn học trò độ năm sáu người, anh nào anh ấy rượu say bét nhè, vừa đi vừa gọi tên các ông quan trường chửi rủa inh ỏi. Thì ra những ông học trò áy đều phúc hạch và bị hỏng tuột. Họ tự cho là văn họ đáng đỗ, vì quan trường không biết bẩm văn, đánh hỏng họ. Con cảm khái nổi lên, họ rủ nhau vào hàng đánh chén, hoi men hăng bốc, khí tức càng lên đúng đùng, họ liền kéo đến cửa trường mà chửi những người đã làm cho họ phải hỏng. Công trường đã đóng, những ông tân khoa và các ông quan trường đương vui vẻ trong tiệc lộc minh, chợt nghe ở ngoài có người gầm thét, quan trường liền cho lính ra hỏi chuyện gì. Sau khi đã biết là bọn học trò sinh sự, quan trường phải sai mấy người lại phòng ra đó vừa dọa nạt, vừa an ủi, cốt cho họ hãy im đi. Nhưng mà vô hiệu, bọn kia trước còn đứng, sau rồi ngồi, sau nữa thì lăn đàm đech xuống đất họ cứ réo tên quan trường chửi mắng một cách thậm tệ.

Chán chửi quan trường, họ lại chửi trời chửi đất chửi các vị thần thánh, chửi đến những người đứng

xem ở chung quanh.

Một lúc sau, họ đều ù té đứng dậy và chạy đùng đùng ra phía bờ hồ Hoàn Kiếm.

Không biết họ định đến đó làm gì, hàng xú lốc nhốc chạy theo để xem. Té ra họ định dắt nhau đến hồ tự tử, một dãy ngồi trên bờ hồ, anh nọ ra dáng can đảm bảo anh kia:

- Phải để cho tao chết trước.

Anh kia cũng ra bộ hăng hái và bảo anh nọ:

- Tao chết trước chứ, mày không được phép nhảy xuống trước tao!

Gió bắc ào ào, hơi nước kéo lên lạnh ngắt, cả bọn cùng thò một chân xuống hồ, rồi tức thì cả bọn lái rụt lên liền; hình như trong nước giá quá, cái chân bằng thịt không thể để lâu ở dưới ấy. Cuối cùng một người ra ý khoáng đạt bảo với mọi người:

- Muốn chi thì khó, chứ muốn chết thì có khó gì, định chết thì chết lúc nào chẳng được? Can gì phải chết trong lúc giá rét cho khổ thân, chúng ta hãy về nhà trợ chén thêm cái đã!

Mọi người đều khen nói phải, cả bọn đều đứng dậy và lại tất tả chạy về, ai nấy vẫn còn say dí say đì, loạn choạng, chân nam đá chân chiêu, lảo đảo như lên đồng trượng làm cho hàng xú cười reo ầm ĩ.

Coi hết tần hài kịch ấy, Xuân Hương leo đẽo cắp nón về phường Khán Xuân, giữa đường, nàng bỗng nhớ đến Nguyễn Cao Đệ. Vì ông đó với nàng cùng ở một phường và hai nhà cách nhau cũng không xa lắm, lý lịch ông ta nàng biết hết cả, ông ta tư chất khá, thông minh, học hành lại rất chăm chỉ, nhà nghèo, bố mẹ chết cả, không ai cấp dưỡng, không có lương ăn, ông ta phải đến nương nhờ nhà vợ, để hòng theo đuổi cho trọn nghiệp học. Bố vợ làm nghề hàng thịt, mẹ vợ vẫn thường bán thịt chợ Đồng Xuân. Cá hai tính nét cũng y như nhau, đều là hạng ăn phàm nói phũ và đều không ưa việc học. Lúc đầu ông ta mới đến ở rề, nhà vợ còn hơi kính trọng. Dần dần thấy ông ta chỉ ăn hại mà không làm lợi cho nhà ấy đồng nào, thì từ bố mẹ trở xuống đến đứa em vợ nhỏ nhất, đều có ý ghét, trước còn đá mèo quèo rể, sau thì họ nói thẳng vào mặt ông ta. Vợ tuy thương chồng, nhưng vì không kiềm được đù nuôi chồng, nên cũng không dám bênh chồng, trái lại, nhiều khi chị ta lại phải đay nghiến ông ta để lấy lòng cha mẹ là khác. Ông ta đã mấy phen cắp gói ra về, toan tìm một chỗ dạy học độ thân, nhưng không tìm đâu cho ra, sự đói khó lại bắt ông ta cứ phải vác bộ mặt dày trở lại nhà vợ. Từ đó bố vợ mẹ vợ lại càng khinh rẻ, mẹ vợ mỗi khi sắp sửa đi chợ lại gọi nheo néo: "Đê đâu? Đi ra gánh thịt xuống chợ cho tao!". Còn bố vợ, những lúc say rượu, thường thường mắng chửi ông ta, bảo ông ta phải thôi học để đi khiêng lợn, mổ lợn. Tuy rằng từ lúc đi thi đến giờ ông ta đã được vào luôn mấy kỳ và lại được vào phúc hạch, bố vợ mẹ vợ cũng không nể mặt, họ vẫn thường chỉ vào mặt ông ta và nói: "Mày được vào thế, chẳng qua chó ngáp phải ruồi, chửi đậu đậu đến thứ những người như mày". Chính tối hôm qua, ông ta cao hứng nói với vợ rằng: "Sáng mai dậy sớm, để ra cửa trường nghe xướng danh" chẳng ngờ câu ấy lờ lọt vào tai bố vợ, bố vợ liền nổi giận lôi đình và thét: "Đừng có làm bộ, điếc tai ông! Trong sự thi cử, ai đỗ phải có các vỉ tinh tú trên trời giáng vào người ấy. Mày thử nghĩ xem, tinh tú nào giáng đến mặt mày mà mày còn hòng nghe xướng danh! Sáng mai dậy sớm đi hốt phân lợn cho tao!". Ông ta thấy thế lại phải nín im phẳng phắc, không dám thở mạnh, và rón rén vào giường nằm.

Từ mấy năm trước, Xuân Hương nghe chuyện cực nhục của ông ta, nàng đã mấy lần toan bỏ tiền ra giúp cho ông ta ăn học, nhưng vì nghĩ mình là gái chưa chồng, làm vậy hoắc giả đến tai ông bà cha chú trong họ không khéo lại xảy ra điều nọ tiếng kia, vì thế nàng lại phải thôi. Lúc ở cửa trường, nghe loa gọi tên ông ta, nàng cũng mừng thay cho người học trò nghèo khó, từ nay chắc là không bị nhà vợ rầy rật như trước.

Khi thấy ông ta không thưa, không dạ, đừng đừng cắp nón chạy đi, nàng không hiểu là vì cớ gì, cho rằng ông ta căm tức bối vợ mẹ vợ, đã lâu, nay đã thi đỗ, thì về nói cho họ biết. Nàng để ý ngầm, từ thùy chí chung, không thấy ông ta trở lại cửa trường để lĩnh mũ áo, thì nàng lại có lòng ngờ, tưởng là ông ta phải cảm, đau bụng sao đó lúc trở về, vừa đi nàng vừa nghĩ thầm: "Chắc Nguyễn Cao Đệ mới bị bạo bệnh, nếu không sao hẵn lại bỏ bừa yên vua ban." Khi tới đầu phường Thái Cam bỗng ở trước mặt có đám vồng lộng, nghênh ngang, chính là cả một nhà vợ Cao Đệ, bố vợ khiêng một đầu đòn vồng, mẹ vợ khiêng một đầu đòn vồng, hai đứa em vợ vác hai cái lọng, còn vợ ông ta thì lồng thõng đi với chiếc nón thúng quai thao cầm tay, Xuân Hương mỉm cười và hỏi:

- Thế nào! ông Ba, bà Ba, sao không về nhà bầy biện đồ đạc để tiếp khách mừng ông Công lại còn vác vồng vác lọng đi đâu bây giờ?

Toi tả, người hàng thịt trả lời:

- Chào cô. Cô ra coi xướng danh đã về đây ư, chúng tôi nghe tin ông Công mới đỗ, nên phải mang vồng mang lọng ra cửa trường để rước ông ấy về nhà.

- Sao ông bà không thuê người khác! Ai lại bối vợ mẹ vợ đem vồng đi rước chàng rể?

- Có thể mới quý cô à! Thiên hạ dẽ đã mấy người có rể để mà rước? Rể có thể nào thì mới rước chứ, công vợ chồng tôi nuôi cho ông công ăn học trong bao nhiêu năm, thật là chịu hơn chịu cha chịu mẹ, bây giờ ông ấy làm nên thế này mình cũng bõ công! Có phải không cô?

Nàng lại mỉm cười và đáp:

- Phải! Ông bà đi rước ông Công nghĩ ra cũng phải! Nhưng ông Công không có ở trường, tôi tưởng ông ấy về nhà.

Vợ chồng người hàng thịt đều cười và nói:

- Thôi đi, cô đừng nói trêu chúng tôi, chúng tôi lại không biết rằng bây giờ ông ấy hiện đương ăn yến hay sao!

Rồi họ cứ khiêng vồng, vác lọng ráo bước đi đến trường thi. Xuân Hương không muốn nói thêm, nàng bụng bảo dạ: "Người ta trở mặt chóng thế! Vừa tối hôm qua còn là học trò, cả nhà coi như con chó, bây giờ đỗ lên một cái, họ đã cỏi như thần như thánh cả rồi, không trách những kẻ thông minh chỉ vùi đầu vào việc thi cử".

Nàng đi về đến gần phường Khán Xuân, thì thấy nhiều người nhao nhao nói chuyện với nhau:

- Ông Nguyễn Cao Đệ phát điên! Nghe nói ông ấy đã đậu hương công đây mà, đừng nói lão!

- Đến tai ông ấy thì có mà sống dở.

- Bây giờ người ta là ông Công rồi, không phải là kẻ bạch dinh như trước mà anh nhòn!

- Thật đây, ông ấy phát điên thật đây! Chẳng điên thì sao trời rét thế này, mà lại cởi trần trùng trực; lăn hết các vũng trâu đầm!

- Ở đâu?

- Ở Ô Cầu Giấy chứ đâu, chẳng tin anh thử sang tận bên ấy mà xem?

Tức thì mấy người kéo cả sang Ô Cầu Giấy.

Xuân Hương lững thững về nhà, nàng biết là Nguyễn Cao Đệ điên thật, vì hắn khổ cực đã lâu, nay được thi đậu, sướng quá cho nên hóa điên.

Nàng lầm bầm cười thầm: "Mới đậu hương cống đã đến nỗi phát điên! Người đâu mà khí cục hèn đến thế!"

Về tối nhà, nàng vừa ăn xong bữa cơm, đã thấy ngoài đường tiếng khóc vang àm, hỏi ra mới biết vợ chồng hàng thịt đón rể không gặp, vác vồng vác lọng về không, cực thân mà khóc.

Một lát sau, lại thấy ngoài phố có tiếng àm àm, nàng mở cửa sổ trông ra, thì thấy độ bốn năm người lực lưỡng đương co kéo một người lấm như trâu vùi, người ấy chính là Cao Đệ, hắn bị co kéo sênh sách đã không đủ sức mà cựa, vừa đi vừa nói lảm nhảm:

- Ý a! Ta đỗ rồi. Ý a! Ta đỗ rồi!

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 8 -

Trông thấy một ông tân khoa hình giống như quỷ cái, ai không thương hại và buồn cười. Xuân Hương lẩm bẩm nghĩ thầm: "Khốn nạn, bao nhiêu năm học hành khổ sở, bao nhiêu năm chịu tủi chịu nhục với nhà vợ chỉ cốt kiếm lấy một miếng khoa danh. Bây giờ thi đậu đáng lẽ đến lúc sung sướng, thì lại sinh ra điên rồi! Ông trời thật cơ cầu lăm vây".

T

Bỗng nàng sức nhớ hình như nàng đã đọc thấy ở cuốn sách nào, cũng có một người sướng quá hóa điên, người ta làm cho người ấy mất sướng, chứng điên cũng khỏi, lập tức nàng xuống thang gác và sang nhà hàng thịt hỏi thăm, luôn thể để bảo cái phuong thuốc ấy.

Hàng phô đứng xem chặt cả ngoài cửa. Nguyễn Cao Đệ, do ba bốn người đàn ông lực lưỡng nắm tay ôm lưng, đứng ở trước thềm vẫn chồm chồm nhảy lên, ngồi xuống, y như con mèo bị trói lòng lộn muôn thoát thân, miệng thì lảm nhảm chỉ nói một câu "Ý a! Ta đỡ rồi".

Giữa sân bày chiếc hương án, trên đê một bát nước, một coi trâu, ba chén rượu và năm nén hương đèn đốt lửa, khói nhựa trám kéo lên nghi ngút. Vợ chồng hàng thịt vừa lạy vừa khấn:

- Chúng tôi cắn rơm cắn cỏ lạy trời lạy phật, lạy quỷ thần hai vai, xin ngài thương tình nhà tôi nuôi nắng khó nhọc trong bấy nhiêu năm đê cho rể ăn học, mà các ngài tha cho rể tôi nếu có chêch lệch về đâu, sau này chúng tôi sẽ xin tiện tạ.

Họ còn khấn nhiều câu lạ lùng hơn nữa, nhưng nàng cũng không để ý. Chờ cho hai người lạy xong đứng dậy, nàng ôn tồn chào và hỏi:

- Thế nào, ông bà đã tìm thầy chạy thuốc cho ông Công chưa? Đó là ông Công mắc bệnh, không phải ma trêu quỷ hờn gì đâu, chạy thuốc cho ông ấy uống sẽ khỏi, không phải cúng vái gì cả.

Vợ chồng hàng thịt mếu xêch đôi miếng như đôi khau gai, ra ý nửa tin nửa ngờ, người chồng vừa khóc vừa nói:

- Cô đã sang chơi đây ư! Mời cô vào chơi trong nhà? Khốn khổ, công trình nhà tôi nuôi rể bao nhiêu năm trời, bây giờ đến lúc thi đậu, ông ấy hóa ra thế này, thật là công lao chúng tôi đổ cả xuống sông biển.

Người vợ nói xen:

- Hôm qua ông ấy ra nghe xướng danh, người vẫn lành mạnh như thường chớ có bệnh tật gì đâu. Chúng tôi không có ở đấy, nhưng thấy người ta đồn rằng... Khi nghe loa gọi tên mình, ông ấy tức thì hóa điên. Nếu không có người trêu quở, tật bệnh đâu có chóng được như thế.

Xuân Hương chưa kịp trả lời, mụ ấy lại nói thêm:

- Có tội thì vái tú phuong, chúng tôi người trần mắt thịt, biết đâu được việc quỷ thần mà dám nói là không hay có. Cầu cúng cứ cầu cúng, thuốc thang cứ thuốc thang...

Người vợ Cao Đệ xịt xoạt ở trong nhà ra, nói ngắt lời mẹ:

- Thưa cô, tôi cũng nghe thấy vài người nói rằng ông Công nhà tôi sướng quá hóa điên đáy thôi, uống thuốc phải mặt thì khỏi. Chúng tôi quê kệch, chẳng biết ai là danh sư, cô đã ở đây lâu ngày, cô biết người nào chữa được bệnh ấy, xin cô bảo cho.

Xuân Hương vui vẻ đáp:

- Danh sư bây giờ ít lăm, tôi cũng không thể biết người nào có thể chữa khỏi chứng điên. Nhưng tôi có một mẹo này, cũng là mẹo ở trong sách dạy lại, không phải thuốc thang gì cả, bác hãy thử làm xem sao, may ra thì khỏi. Nếu không khỏi cũng không hại gì! Cả nhà đều xúm lại hỏi:

- Mẹo như thế nào, cô thử nói cho, chúng tôi sẽ làm ngay.

Xuân Hương hỏi lại bằng giọng nghiêm trang:

- Xưa nay ông Công có sợ ai không?

Người vợ Cao Đệ ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Nhà tôi vẫn là một người bướng bỉnh xưa nay chẳng sợ ai hết, bao nhiêu ông cả bà lớn, người khác trông thấy đều phải xanh mặt, nhà tôi cũng coi như thường. Riêng chỉ sợ có thầy tôi mà thôi, mỗi khi thầy tôi say rượu, cầm con dao bầu nghênh ngang, tức thì nhà tôi đã tái mặt lại, có lúc run như cây sậy, không biết là tại sao thế!

Xuân Hương tiếp lời:

- Thế thì được. Bây giờ ông đến tát vào mặt ông Công một cái và thét to rằng: "Đừng nói láo? Mày đỗ bao giờ?". Như vậy, tự nhiên ông Công sẽ khỏi.

Người hàng thịt xua láy xua đê:

- Cái gì chứ cái việc ấy thì bố tôi sống lại bảo tôi, tôi cũng không dám làm theo. Bởi vì, những người thi đỗ đều có những vì tinh tú to lớn trên trời giáng vào trong mình. Phạm đến thân thể người ta, tức là phạm đến những vì tinh tú to lớn kia vậy, khó lòng sống mà ở với vợ với con! Cô còn ít tuổi không biết, ngày xưa cũng có một người tức nhau với một ông Công, lúc ra việc làng, chỉ đấm ông ta một cái, thế mà đêm ấy anh ta về nhà tự nhiên phải gió lăn đùng ra chết. Đó cô bảo có linh hay không. Thôi, thà để cho ông Công điên, chứ cái mẹo của cô tôi không dám bắt chước.

Mụ hàng thịt liền nói lời chồng:

- Phải đấy? Thầy cháu nói phải? Bây giờ tát cho ông Công một cái, hoặc giả sau này ông ấy khỏi điên có kẻ nịnh hót, nói lại cho ông ấy biết, chắc là ông ấy sẽ đem lòng thù giận nhà tôi, lúc ấy, nhà tôi biết ăn ở thế nào cho lại? Thôi trời bắt sao chịu vậy, ông ấy có điên suốt đời chẳng nữa, chúng tôi cũng được là bố vợ mẹ ông Công từ bõa nay rồi!

Người vợ Cao Đệ máy mồi sắp nói, thì ở trong thêm, Cao Đệ đã giật được tay những người đàn ông đứng giữ ông ta chạy sô xuống sân và reo rầm rĩ:

- Ý a! Ta đỗ rồi! Ý a! Ta đỗ rồi!

Vừa reo, ông ta vừa té ra cổng. Xuân Hương vội vàng lánh vào cạnh tường, cả bọn đàn ông tất cả chạy theo giữ ông ta lại. Nhưng vì trong lúc cơn điên nổi lên, ông Công cũng hóa ra khỏe, mấy người đàn

ông đều bị du đầy, ngã dúi, ngã dụi xuống đất. Ai nấy lại cùng llop ngót trở dậy và cùng lật đật đuổi theo.

Người vợ Cao Đệ đậm chân tru tréo:

- Trời đất ơi, sao mà nhà tôi bạc phúc thế này. Người ta đỡ thì không, chồng tôi đỡ thì hóa rồ hóa dại!

Quay lại, chị ta lại hỏi Xuân Hương:

- Thưa cô, tôi tát vào mặt ông công nhà tôi có được hay không hờ cô? Xuân Hương ra vẻ cảm động, nàng buồn rầu đáp:

- Nếu lúc ngày thường bác trai vẫn sợ bác, thì bác tát vào mặt bác ấy cũng được!

- Thưa cô, không! Những người học hành biết chữ ít khi có kẻ sợ vợ, huống chì nhà tôi lại là một người ương ngạnh... chỉ có nể tôi thì có, chứ đến sợ tôi thì không.

- Thế thì không được, dù bác có tát vào mặt bác trai cũng là vô ích. Phải để ông bố làm cái việc ấy!

Người hàng thịt lại chối bai bải:

- Tôi chả dám, cô xui dại? Tát vào giữa mặt một ông khoa mục để rồi những vì tình tú trên trời quật chết tôi à.

Xuân Hương mỉm cười không trả lời. Mụ hàng thịt hỏi chồng một cách sững sốt:

- Hay là nhà ta từ xưa đến nay giết nhiều lợn quá hại đến âm công trời phạt bắt tôi phải thế này chăng?

Câu nói của mụ rất trùng ý nghĩ của lão hàng thịt, hắn cũng đáp lại bằng giọng sững sốt:

- Có lẽ thế, sát sinh nhiều quá, tài nào không tồn âm đức! Böyle giờ làm thế nào?

- Để tôi đi xem bói quẻ. May mà nhà còn có phúc, "bói ra khoa thấy", thì phải lập đàn giải oan cho những con lợn chết oan, chứ còn biết làm thế nào!

Người hàng thịt sút sắng tán thành ý kiến của vợ, giục vợ lấy tiền đi luôn lên chợ Đồng Xuân, vì vẫn thấy đòn ở đây có ông thầy bói hay lắm. Xuân Hương biết rằng với kẻ hạ ngu như vợ chồng nhà này, không thể lấy lời lẽ gì mà giải cái lòng mê tín của họ. Nàng liền chào cả ba người rồi về.

Ngoài cửa, những người hàng phố không biết Cao Đệ đã đi khỏi nhà, vẫn còn kéo đèn lũ lượt, chờ xem ông Công hóa điên.

Suốt trong ngày ấy, Xuân Hương lúc nào cũng áy náy thương cho Cao Đệ, nhưng mà bảo lão hàng thịt đã không đắt lời, nàng cũng không còn cách nào mà cứu được người vô phúc. Thỉnh thoảng nàng lại cứ sai con Nụ ra phố hoặc sang bên nhà hàng thịt dò xem bệnh tình Cao Đệ ra sao. Mấy lần con Nụ trở về đều nói ông ta chạy mãi xuống vùng Hoàng Mai, bao nhiêu người nhà đi theo bắt lại không được. Gần tối lại thấy nói bây giờ Cao Đệ càng điên hơn lúc ban trưa, ông ta nhảy cả xuống chuồng, xuống ao, không biết gì là gì cả.

Sáng hôm sau, Xuân Hương vừa mới ngủ dậy, nàng đương chờ đợi ám nước sôi của con Nụ đun, thì ở ngoài cửa có tiếng mở cửa, rồi ở thang gác có tiếng chân bước thình thịch. Nàng vội vàng nhìn xuống, người vợ Cao Đệ vừa nhô đầu lên với bộ mặt nhăn nhó sầu thảm.

Vồn vã, nàng mòi bà Cống ngồi trong ghế, và đơn đả hỏi thăm ông Cống đêm qua ra sao. Nước mắt chảy xuông ròng ròng, người vợ Cao Đệ vừa khóc xịt xoạt vừa nói:

- Khổ quá, cả đêm hôm qua, nhà tôi cứ cởi trần trùng trực dùng dùng chạy khắp cả mấy cánh đồng ở vùng Bạch Mai. Máy làng ở đây đã phải nhốn nháo, tuần phu đồ ra rất đông, họ toan trói lại, chẳng ngờ có một anh tuân lóng ngóng thế nào để cho nhà tôi cướp được ngọn mác. Rồi nhà tôi cứ đi nghênh ngang cùng đường vừa múa ngọn mác vừa reo "ý a, ta đỡ rồi", hễ ai đến gần, tức thì chia mác ra đám. Vì thế ai ai cũng phải lánh xa. Tôi ở dưới ấy mãi đến gần sáng mới về, nhà tôi vẫn chạy rông chạy càn, chẳng chịu dừng chân lúc nào.

- Bên nhà đã định chạy chữa bằng cách nào chưa?

- Hôm qua mẹ tôi xuống chợ Đồng Xuân xem bói, tôi tưởng thầy bói thế nào cũng phán cho lập năm, bảy đòn tràng, nhưng mà không, ông ta bảo là động mã ông cụ tam đại, phải mua mõ đen mã đen và một con ngựa sắt đen đem tạ.

- Đã tạ chưa?

- Tạ rồi! Tạ luôn từ chiều tối hôm, nhưng mà có ăn thua gì cô bảo?

- Vậy thì bác tính thế nào?

- Gà gà hôm nay ở dưới Bạch Mai, tôi thấy cúng kính không được chuyển bệnh, máy làn khuyên bảo thầy tôi thử theo lời cô, tát cho nhà tôi một cái. Nhưng mà thầy tôi già quá, chỉ sợ tát vào mặt ông khoa mục thì chết, nhất định không chịu nghe lời. Thôi thì việc đó xin nhờ cô.

- Tôi làm gì được!

- Nhà tôi lúc thường vẫn trọng cô lắm, ngồi với anh em bạn học luôn luôn khen cô là bức tài hoa, học giỏi hơn các ông Nghè, ông Cống. Vậy cô làm phúc, thử xuống Bạch Mai tát cho nhà tôi một cái, xem có cứu được nhà tôi không! Nếu không khỏi bệnh, không phải lỗi tại cô. Bằng như khỏi bệnh, tôi xin đèn lại ơn cô một cách xứng đáng.

Xuân Hương tủm tỉm cười nụ:

- Không được bác ạ? Bác trai trọng tôi thì có trọng thật, tôi cũng biết thế. Nhưng chỉ trọng tôi mà thôi, chứ không sợ tôi. Phải có người nào bác ấy vẫn sợ như thế ông bố nhà ta thì mới làm được việc ấy.

Người vợ Cao Đệ lại khóc:

- Thầy tôi đã khăng khăng một mực không chịu làm rồi. Nếu cô không giúp, tôi cũng không biết cậy ai được nữa. Nhưng mà tôi tưởng trọng túc là sợ, nhà tôi đã phải trọng cô, tất nhiên cũng phải sợ cô. Cô hãy làm phúc cứu lấy nhà tôi!

Thấy chị ta nắn nì nàng rất thương hại, liền nói:

- Nếu vậy, thì tôi cũng nhận lời bác nhưng để đến chiều hôm nay, xem rằng bác trai có tinh không đã!

Nếu bác ấy dần dần tỉnh lại thì thôi, nhược bằng không, bây giờ tôi sẽ giúp bác. Nhưng tôi nói trước, đó là tôi cũng theo đúng lời dạy trong sách mà nói thế thôi, chứ tôi không nhất quyết rằng làm vậy sẽ khỏi được bệnh bác ấy!

Người vợ Cao Đệ có ý mừng rỡ:

- Cái đó là lẽ có nhiên, việc gì cô phải rào trước chǎn sau như thế.

Cám ơn nàng một cách chân thật và thiết tha, chị ta lùi thui xuống gác.

Nàng thử lần mǎm giở lại một vài bộ sách, để xem chuyện người sướng quá điên ở đâu. Nhưng mà không thấy đâu cả, nàng cứ băn khoăn đứng ngồi không yên, trong bụng lúc nào cũng canh cánh nghĩ quanh nghĩ quẩn, không biết mình đã thấy ở sách nào, lâu ngày quên mất, bây giờ nhớ mãi không ra.

Quá trưa, ngoài cửa có tiếng àm àm, một người đàn ông lộc ngộc đã bắt được Cao Đệ trói lại điêu vè.

Ngó qua cửa sổ, nàng thấy ông Công tân khoa vẫn đeo một mảnh quần rách, mình mẩy mặt mũi bùn trát kín hết một lượt, trông như con trâu mới ở vũng lèn.

Một lúc sau, người vợ Cao Đệ hốt hoảng chạy sang và nói:

- Mời cô sang cho! Anh em đã trói nhà tôi đem về nhà rồi.

Nàng toan từ chối không sang, những nghĩ mình đã trót hứa với người ta rồi, nếu không sang thành ra con người thất tín. Tức thì nàng vẫn khăn mặc áo chinh hề, rồi theo cô Công đến nhà hàng thịt.

Nguyễn Cao Đệ tuy đã bị trói bằng một chiếc thừng khá lớn, lại có độ bốn năm người lực điền xúm lại giữ tay giữ chân, ông ta vẫn còn đủ sức lòng lộn cựa cậy, nhòm lên nhòm xuống và vẫn làm nhảm đọc đi đọc lại một câu "ý a ta đỗ rồi".

Xăm xăm bước vào tận nơi, nàng giơ thẳng cánh tay phải tát đánh b López vào mặt Cao Đệ một cái rồi thét thật to:

- Anh đỗ bao giờ mà chỉ nói láo! Sức học như anh đỗ làm sao được! Chẳng tin các người thử điệu anh ấy xuống dưới trường thi coi bắng, thử xem có đỗ hay không!

Nàng nói dứt câu, Cao Đệ lập tức ngã dùng xuống đất, mê man không biết gì cả.

Cả nhà hàng thịt đều sợ cuồng quít, tưởng rằng ông Công sắp sửa qui tiên.

Nàng bảo những người chung quanh cỗ vực Cao Đệ vào giường, rồi lấy một ám nước lạnh phun khắp vào mặt ông ta.

Nửa giờ sau Cao Đệ dần dần tỉnh lại, bấy giờ hình như mới biết trong mình có nhiều chỗ đau, vì rằng từ lúc phát điên đến giờ, ông ta đã rúc vào nhiều bụi dong, bụi gai, và lăn vào nhiều đồng sành, đồng gạch, thân thể toạc ngang toạc chéo y như con cá rô nướng. Hừ hừ rền rầm một hồi, Cao Đệ sờ đến quanh mình, chỗ nào cũng thấy những bùn là bùn, lấy làm lạ, ông ta liền hỏi tại sao mà mình lâm láp như thế. Người vợ ngồi cạnh liền thuật lại câu chuyện phát điên cho nghe, Cao Đệ có ý xấu hổ với vàng quay mặt vào trong và giục vợ lấy nước lau rửa cho sạch. Dường như ông ta vẫn còn khiếp sợ bố vợ. Lúc vợ đứng dậy ông ta còn gọi trở lại, ghé tai dặn nhỏ một câu: "Lấy nước phải có ý tứ và phải dâu cho kín, kéo ông trông thấy thì ông chửi chết."

Thấy Cao Đệ đã tỉnh, Xuân Hương đứng lên xin về. Cả nhà hàng thịt hết sức cảm ơn. Ông lão hàng thịt nói thêm:

- Cô là một người nhiều chữ, cho nên cô tát ông Công cũng không việc gì. Tôi là kẻ dốt đặc cán

mai, nếu tôi mà tát ông ấy, tất nhiên đêm nay tôi sẽ phải gió mà chết.

Nàng ra đến cổng, người vợ Cao Đệ tát tả chạy theo và nói:

- Ôn cô vạn bội, cô đã cứu được nhà tôi. Nay mai vợ chồng nhà tôi xin sang tận nhà mà tạ ơn cô...

Sau khi Nguyễn Cao Đệ khỏi điên, danh tiếng của Hồ Xuân Hương càng to hơn trước.

Trước kia thấy văn thơ nàng có vẻ lảng lơ, người ta chỉ bảo nàng là đồ gái đĩ thơã. Đến nay nghe tin một ông hương cống tân khoa đương lúc hóa rồ, hóa dại, nàng tát một cái mà khóc, người ta lại cho nàng là thứ yêu quái thiêng liêng, không phải loài người. Nhân thấy trong sách Lĩnh Nam trích quái có chuyên con hổ chín đuôi ở trong Hồ Tây thường hóa làm con gái đẹp để đi cám dỗ con trai, lại thấy nàng người họ Hồ mà cũng ở gần Hồ Tây, nhiều kẻ mới quyết đoán rằng chính nàng là loại hổ tinh do con hổ chín đuôi kia hóa ra.

Từ đó, những kẻ nhát gan thấy nàng đi qua, thì lánh cho xa, họ sợ bị nàng cám dỗ hoặc giả hại đến tính mệnh. Nhưng mà những bậc danh sĩ, nhất là những người đã có đọc qua mấy bộ Duyệt vi thảo đường và Liêu trai chí dị, hâm mộ những sự ly kỳ, muốn được gặp nàng, để coi hình dáng và cử chỉ của loài yêu tinh ra sao.

Những cái tin đó đều đến tai nàng, nàng chỉ cười thầm cái kiến thức trẻ con của bọn học thức.

Bữa đó vào khoảng trung tuần tháng chạp, phố phường Hà Nội đã lác đác trang điểm bằng những hoa đào thắm và những bông cúc vàng, thiên hạ đương lắp nắp sầm susa đồ tết. Nàng đem con Nụ xuống chợ Đồng Xuân mua mấy cành đào và vài sọt cúc. Mua bán xong rồi, nàng giao mấy sọt cúc cho con Nụ quẩy gánh về trước, mình thì cầm mấy cành đào lững thững đi sau.

Qua phố Hàng Đường, nàng đương mải nhảm vào một cửa hàng, bên cạnh bỗng có người hỏi:

- Hồ Xuân Hương hôm nay đi bán đào đấy ư? Bao nhiêu tiền một cành đào ấy?

Giật mình, nàng quay lại trông, người ấy vào trạc hai bốn hoặc hai nhăm tuổi, dung mạo rất tuấn tú nàng tưởng như mình đã gặp một lần, mà không nhớ là người nào. Mỉm cười, nàng đáp:

- Dám hỏi mua đào của Hồ Xuân Hương, không sợ bị cám dỗ à?

Người kia cũng tòm tem và nói:

- Đây là Bắc phuƠng Chán vũ đại đế giáng sinh, có sợ gì ái cảm dỗ. Tha hồ, thử cảm dỗ đi xem nào!

Nghe nói nàng liền nghĩ thầm: "A, ra anh chàng dám dùng sự tích trong sách Lĩnh Nam trích quái đồi đáp với ta, có lẽ hắn là người khá chẳng", nàng bèn nói khích thêm một câu nữa:

- Thôi, muốn sống về ở với vợ với con thì lánh xa ra, đây cũng sinh phúc cho, đừng nói ôm ờ mà chết.

Người kia vẫn cười:

- Cái giống hổ tinh chỉ cốt hút lấy tinh huyết người ta, để luyện cho mình thành người chứ gì. Được! Đây chưa có vợ có con, tinh huyết còn nhiều, tha hồ cho hút, chỉ sợ không đủ sức, chẳng việc gì mà đây phải lánh!

Nàng bụng bảo dạ: "Hắn còn dám nói bằng giọng là loi thế này, hoặc giả cũng là một kẻ khác người,

không đến nỗi mù đui như nhiều kẻ khác, ta thử mời hắn đến nhà nói chuyện vài câu cho vui". Rồi nàng trả lời:

- Tôi cũng khen cho ông là người can đảm, còn dám nói năng đối đáp với tôi. Nhưng ở giữa đường chúng ta không tiện nói nhiều, ông có thong thả, mời ông ghé qua nhà tôi xơi nước!

- Tôi rất thong thả, và cũng ước ao được biết nhà cô, nhưng cô hãy cứ về trước, lát nữa, tôi sẽ lại sau, kèo sợi chúng ta đi đôi với nhau, thiên hạ lại đặt ra điều này tiếng khác.

Dứt lời, người ấy liền lùi trở lại và đi ra néo Hàng Buồm. Nàng vác cành đào nghênh ngang theo đường cửa Bắc lên phường Khán Xuân. Vừa đi, nàng vừa lầm bầm: "anh chàng này cũng liều chết nói láo mày câu đó thôi, chưa chắc đã dám bước vào nhà ta! Thê moi biết ở đời tìm một người ra người, thật khó".

Tới nhà, nàng sai con Nụ đem cúc trống vào trong chậu, tự mình lấy nước cắm những cành đào vào lọ.

Bài trí vừa xong, con nụ vừa xách ám đồng xuồng bếp đun nước, ngoài cửa đã thấy có tiếng gõ cửa cành cách. Đẩy cánh cửa sổ, nàng đứng trên gác ngó ra xem ai, Chính là anh chàng lúc nãy. Mừng quá, nàng vội chạy xuồng mở cửa và mời lên chơi thư phòng. Tia sáng bỗng nảy trong trí, khiến nàng bỗng nhớ ra người ấy là người nào. Lên khỏi thang gác nàng mời người ấy vào ghé và hỏi một cách nghiêm trang:

- Thưa ông, có phải ông là Đàm Thận Trung không nhỉ?

Người ấy mím cười trả lời:

- Phải? Chính tôi là Đàm Thận Trung? Sao cô lại biết tên tôi?

- Tôi đã gặp ông một lần ở trên bờ hồ Hoàn Kiếm. Hôm ấy ông đi với cụ Chiêu Bảy và bốn người nữa. Về sau cụ Chiêu Bảy có nói tên họ các ông cho tôi nghe.

- Cô đã biết tôi, làm sao lúc nãy lại còn nói chua?

Xuân Hương vừa cười vừa nói:

- Böyle giờ tôi còn chưa nghĩ ra ai. Vả lại, dù biết là ông đi nữa, tôi vẫn có quyền nói chưa chứ sao. Khi mà một người con trai vô cớ châm chọc một người con gái, thì người con gái vẫn được nói chưa, nếu như người ta không thích những câu châm chọc của người con trai. Ông cũng cho phép thế chứ!

- Cồ nhiên như thế... Nhưng người con trai cũng được đáp lại bằng lời sâu sắc...

Hai người cùng phá ra cười.

Con Nụ đun sôi ám nước. Nàng tự đứng dậy pha nước mời Thận Trung uống rồi hỏi:

- Ở ngoài, những ông học trò vẫn đồn tôi là hồ tinh, có phải không ông?

Thận Trung cười khanh khách:

- Chuyện ấy cũng có, thiên hạ vẫn thường nói phao như thế.

- Ông thì thế nào?

- Tôi chưa hiểu ý câu nói của cô?
- Ông có tin tôi là hồ tinh hay không?
- Tin hay không, cái đó không cần nói. Tôi chỉ nói cho cô biết rằng, dù cô có là hồ tinh đi nữa, tôi cũng không sợ.

Xuân Hương vẫn cười tủm tỉm:

- Gớm nhỉ! Ông to gan nhỉ! Dám không sợ tôi, ông cũng to gan thật đấy. Tiếc thay ông là học trò của cụ Nghè Hoàng.
- Thế ra cô vẫn căm cụ Nghè Hoàng phải không?
- Nhưng có sao cô lại nói đến câu ấy, cô bảo tôi làm học trò cụ ấy không đáng hay sao!
- Đáng lắm! Tôi đâu dám bảo cụ Nghè Hoàng không đáng làm thầy học ông; tôi chỉ tiếc rằng...

Nói đến đây, nàng bỗng ngừng lại, hình như không muốn nói nốt, Thận Trung vội gặng:

- Tiếc rằng thế nào, cô cứ nói đi, nhưng cầm không được nói chưa?

Nàng cũng nể mặt Thận Trung, liền quay đầu lưỡi:

- Tôi tiếc rằng ông là học trò cụ Nghè Hoàng mà đi vào chơi nhà tôi, lỡ đến tai cụ, có khi cụ lại bắt chước ông Khổng, sai học trò thúc trống mà đuổi ông ra khỏi cửa.

Thận Trung biết nàng nói đùa, chàng chỉ đáp lại bằng một nụ cười, rồi chàng vờ nói chuyện khác:

- Tôi vẫn thấy nói cô giỏi thơ nôm, thỉnh thoảng anh em đọc lại cho nghe một bài của cô, tôi thấy hay lắm. Trong bọn nhà nho chúng tôi, ít người làm được thơ hay như thế. Vậy chắc cô có thi tập, xin cho tôi được coi qua.

- Thơ tôi mà ông dám cho là hay ư, ông? Thế sao các cụ tiền bối, ai cũng cho là đĩ thõa?

Rồi nàng mở tủ lấy một cuốn sách giấy bǎn trao cho Thận Trung:

- Ông muốn coi, tôi có tiếc gì. Làm thơ chi cốt người đọc cho là may. Nếu làm rồi lại phải nhét vào trong tủ, không thể nói với ai được, thì còn thú hùng nỗi gì.

Thận Trung đón lấy cuốn sách và hỏi:

- Từ ngày cô chép ra tập thơ này, bạn nho chúng tôi đã ai coi chưa?
- Trong cái đời này, người ta còn mải miết về đường công danh, ai dám coi đến tập thơ của tôi, ông bảo?
- Tôi là người đầu tiên cầm đến thi tập của cô?
- Có lẽ thế!
- Nếu thế thì tôi là tri kỷ của cô mất rồi!

Xuân Hương nghiêm sắc mặt:

- Ông phải nói đúng đắn, vì lần này là lần thứ nhất chúng ta nói chuyện với nhau.

Thận Trung hơi thẹn, chàng vờ nhìn vào cuốn sách. Bắt đầu coi nhầm bài "Choi đài Khán Xuân", chàng ngâm kêu như tiếng chuông:

Êm ái chiêu xuân tới khán đài!

Lâng lâng chǎng bợn chút trân ai.

Ngâm lại lượt nữa, chàng tấm tắc khen láy khen

- Hay lắm, rõ như vẽ ra ngôi đài chót vót trên cao.

Rồi chàng đọc tiếp:

Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng

Một vũng tang thương nước lộn trời

Chàng vội gật gù khen ngợi:

- Đường lắm! "Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng, một vũng tang thương nước lộn trời, thật là giọng Thịnh Đường, thơ thế này thì có kém gì Đỗ Phủ, Lý Bạch. Và chàng lại ngâm:

Báu nghìn trùng khôn tát cạn

Nguồn ân muôn trượng dẽ khơi voi.

Chàng tán:

- Hai câu này cũng ra cái đài ở nơi chùa chiền và cất tại chỗ gần nước.

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười.

Đọc hết hai câu cuối cùng, chàng bỗng ngắn người ra mà hỏi:

- Quái! Bài này tôi xem không giống giọng những bài của họ đọc cho tôi nghe. Cứ như những câu này, tôi chẳng thấy gì là đĩ lòng, sao người ta lại cứ đỗ tiếng cho cô!

Xuân Hương đáp:

- Đây là bài tôi làm từ mấy năm trước, lúc ấy tuổi thơ ngây, cho nên giọng thơ cũng còn thơ ngây. Mấy năm sau này tuổi lớn lên, tính càng sinh hụ, giọng thơ cũng đổi khác, người ta bảo là đĩ thõa cũng không oan. Ông cứ đọc hết thì biết.

Thận Trung lần lượt đọc những bài dưới.

Khi xem đến bài "Qua núi Ba đèo"(Tức đèo Ba Dội, hay còn gọi là đèo Tam Điệp), chàng lại ngâm to:

- Một đèo, một đèo, lại một đèo!

Chàng bỗng vỗ đùi và nói:

- Tài! Tho tài! "Một đèo, một đèo lại một đèo" thật là ngọn núi Ba đèo. Mượn ba chữ một để thích một chữ ba, giỏi thật. Nếu không phải là bậc thiên tài, khó mà nghĩ được câu ấy.

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo

Cửa son đỗ loét tùm hum nóc

Chàng ngảng lên nhìn Xuân Hương:

- Sao cô khinh cái cửa son quá thế! Cửa mà đến "đỗ loét" thì bẩn lấm nhỉ, có lẽ nó là cái cửa gì đó, không phải cửa son.

Xuân Hương chỉ cười không nói. Thận Trung lại nghêu ngao:

Còn đá xanh rì lún phún rêu

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc

Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.

- Được! Hai câu này được lắm, cũng ra cảnh núi Ba đèo.

Hiền nhân quân tử ai là chàng

Mỗi gói, chồn chân vẫn muôn trèo.

Chàng đặt cuốn thơ xuống và nói:

- Tôi nói xin cô tha lỗi.

- Ông cứ nói.

- Kể ra hai câu sau này cũng có sự thật?

- Thì tôi có chối bao giờ. Tôi vẫn nhận rằng mấy năm sau này, thơ tôi đổi giọng, người ta chê là đãi thoa cũng không oan.

- Đã thì có đãi. Nhưng cũng hay lắm.

Chàng lại ngâm lại lần nữa:

Hiền nhân quân tử ai là chàng

Mỗi gói chồn chân vẫn muôn trèo.

Chàng lại mỉm cười và hỏi Xuân Hương:

- Như tôi có phải là hiền nhân, hay quân tử không hử cô?

- Tôi không biết. Hôm nay tôi mới biết.

- Cái đó quyền ở cô! Cô cho tôi là hiền nhân quân tử thì tôi sẽ là hiền nhân quân tử.

Xuân Hương lại nghiêm sắc mặt:

- Ông xem thơ thì cứ việc xem thơ, không được nói ra chuyện khác.

Thận Trung im lặng hồi lâu, chàng cầm ám nước rót lấy một chén nhấp giọng, rồi lại vớ lấy cuốn thơ giở vào một bài ở giữa: "Cái quạt?" À thử xem thơ cái quạt ra sao.

Rồi chàng đọc luôn:

Một lỗ xâu xâu mây cũng vừa

Chàng cau mày, nhưng không nói gì và cứ tiếp tục đọc nữa:

Duyên em dính dáng tự bao giờ

Vành ra ba góc da còn thiêu

Khép lại, đôi bên thịt vẫn thura.

Chàng lắc đầu lè lưỡi mà rằng:

- Thơ vịnh cái quạt mà đến thế này thật là kỳ quái, không trách người ta khiếp cũng phải.

Chàng lại đọc:

- Mát mặt anh hùng cơn nắng gió

Che đầu quân tử lúc sa mưa!

Chàng bỗng quăng tóp cuốn thơ xuống ghê và cười khanh khách:

- Sao cô chua thế hử cô. Cô có thù gì bọn anh hùng quân tử mà nỡ nói đê nói nhục họ thế! "Vành ra ba góc da còn thiêu. Khép lại đôi bên thịt vẫn thura", thế mà tiếp đến "Mát mặt anh hùng khi nắng gió, Che đầu quân tử lúc sa mưa" thì đầu quân tử và mặt anh hùng còn ra gì nữa. Cô thật chua ngoa vô cùng!

Xuân Hương cũng cười:

- Đó là tôi tả chân cái quạt, có ý gì đâu? Ông thử tưởng tượng hình dáng cái quạt mà xem, có phải khi xòe ra thì nó thành hình ba góc mà có một góc thiếu giấy, khi cụp lại thì thịt nó thura ra đôi bên hay không.

Người ta cầm quạt, ai cũng quạt vào mặt trước, nếu lúc đi mưa mà có cái quạt ở tay ai không dùng để che đầu.

Tôi dùng những chữ "che đầu, "mát mặt" để tả cái quạt tưởng cũng đúng lắm. Còn như những chữ anh hùng quân tử chẳng qua là đặt đối nhau, cho đẹp câu, không có ý tứ gì hết.

- Cô nói vậy thì tôi không chịu. Nếu bảo đặt đối nhau cho đẹp câu sao cô không đặt làm "mát mặt gai nhán" "che đầu thực nữ", gai nhán thực nữ cũng thường dùng quạt như bọn anh hùng quân tử, chứ có khác gì. Không nói người nọ mà nói người kia, chỗ đó, chứng bụng cô lúc nào cũng câm hờn bọn đàn ông con trai chúng tôi cho nên mới có giọng chua ngoa như thế.

- Ông nói thế thì tôi còn cãi sao được. Nhưng ông nên xét cho rằng: Đó là tôi cũng vô tình đặt mấy câu ấy nói liền với nhau, không phải là tôi cố ý, xin ông cũng đừng động lòng.

- Tôi có động lòng gì đâu, thấy vậy tôi cũng nói vậy để cô khỏi cười tôi là ngu dốt mà thôi.

Một lúc lâu, Thận Trung lại tiếp:

- Thực ra anh hùng quân tử ngày nay, nhất là những người đọc sách, biết chữ, mình tự cho mình là bậc đạo đức cao thượng, càng đáng ghét nữa.
- Sao ông lại ghét người đạo đức cao thượng?
- Cô làm! Không phải tôi ghét người đạo đức cao thượng. Nếu họ mà thật đạo đức thì cái thân họ túc là gương sáng của bọn thiếu niên, đáng quý lắm chứ, ai mà dám ghét? Tôi ghét là ghét bọn đạo đức giả dối ấy thôi. Mà ở đời này, cô bảo lấy ai là đạo đức thực?
- Ông đã nói tôi cũng muốn nói một câu, nhưng trước khi nói tôi xin ông hãy tha thứ cho tôi, dù câu nói ấy có hơi vô lễ!
- Chắc cô lại muốn nói cụ Nghè Hoàng phải không? Được, cô cứ nói, cụ ấy tuy là thầy học tôi thật, nhưng cũng rất nhiều cái tôi rất không phục, cô thử nói xem có hợp ý tôi không?

Xuân Hương chia sẻ, Thận Trung lại giục:

- Cô cứ nói, nhưng cô nên nói cho đúng, không được đặt điều cho cụ.
- Tôi tưởng cụ là hạng đạo đức giả dối, không biết có đúng hay không!
- Cô nói chính đúng ý tôi. Khi trước nghe tiếng đòn cụ là bậc đạo đức cao thượng, nên tôi mới xin vào học. Từ ngày vào học đến nay, tôi mới biết cụ chỉ đạo đức giả, lòng tôi rất là hối hận.
- Bây giờ tôi muốn làm vỡ cái đạo đức của cụ, ông nghĩ có nên không?
- Nên lắm. Nhưng cụ giả dối rất khéo, khó mà làm vỡ ra được!
- Được! Tôi đã có phép. Nếu cụ không phải gỗ đá, thì thế nào cũng mắc với tôi?

Thận Trung có ý nghi hoặc:

- Nếu cô cùng vào với tôi, e rằng cụ không thèm tiếp, mà rồi cụ còn mắng tôi tàn tệ.

Xuân Hương cười ngặt nghẽo:

- Ông thật thà quá! Tôi há chẳng biết bây giờ cụ đang coi tôi như vật dơ bẩn, không muốn để cho lại gần? Nhưng, nếu muốn trêu cụ chơi cho vui, thì tôi phải... không là tôi nữa mới được!
- Cụ có biết mặt cô không?
- Không! Tôi với cụ kiếp trước không thù, kiếp này không thù, hai bên chẳng giáp mặt nhau lần nào, thế mà không hiểu vì sao cụ cứ ghét tôi như đồ thuốc độc?

Thận Trung cũng cười:

- Một đằng thích giọng đạo đức, một đằng chỉ nói phóng phiếm, hai bên khác nhau như nước với lửa, cô còn ghét cụ, trách gì cụ chẳng ghét cô! Có điều cái thứ đạo đức của cụ, chỉ là đạo đức cửa miệng, chính tôi cũng không chịu nổi, nên muốn để cô chòng cụ xem sao. Nếu cụ chưa biết mặt cô, thì cô có thể đánh lừa cụ được. Nhưng tôi dặn trước, cô nên chòng cụ vừa vừa chứ thôi, không nên làm quá!

Chàng lại quay vào tập thơ và đọc nốt hai câu cuối cùng:

Nâng niu ướm hỏi người trên trướng,

Phì phạch trong lòng đã sướng chưa?

Lại một nụ cười nở trên cặp môi chum chím, chàng liếc mắt nhìn nàng:

- Người trên trướng là ai? Có phải ông lão rậm râu sâu mắt hay không?

Xuân Hương sầm mặt:

- Ông đừng nhắc đến chuyện ấy, tôi muốn vùi dập nó xuống đất đen, không khi nào bói nó lên nữa. Lão Quyền Chưởng Vệ với tôi, cũng như tôi với cụ Nghè Hoàng, khác một điều là, cụ Nghè Hoàng không thấy mặt tôi, lão đó thì một vài ngày lại được ngó tôi một lần. Ấy là lúc tôi lấy lão ấy, tính duyên chỉ có thế thôi!

Chàng vờ nói đi chuyện khác:

- Vậy ngày mai khoảng nào thì cô vào thăm cụ Nghè?

Chừng độ gần trưa.

- Nhưng, tôi không thể cùng đi với cô.

Xuân Hương ngẫm nghĩ giây lát:

Ông sợ mang tiếng học trò phản thầy phải không! Thế cũng phải. Nhưng tôi muốn rằng khi tôi vào rồi thì ông cũng vào, hoặc ông vào trước rồi tôi vào sau. Miễn là chúng ta không đi cùng với nhau, thì dù xảy ra sự gì, cụ cũng không trách đến ông.

- Được! Tôi cũng muốn chứng kiến cuộc nghịch tình ấy của cô.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 9 -

Ánh nắng êm dịu qua cửa sổ chiếu vào khuôn gương treo trên tường vôi, trong thư phòng đầy vẻ tưng bừng âm áp.

Á

Xuân Hương đứng trước giá gương, ngắm nghía bóng mình và những bông hoa đào trên lọ chiếu xuồng, những cánh hoa đào, hé thay tươi cười hồn hở, như sung sướng vì được đứng bên cạnh một trang giai nhân.

Bỗng nàng nghĩ đến hai câu cỗ thi: "tích niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng", lẩm bẩm nàng khen là thơ rất hay, rồi nàng tự nghĩ: "Tuy vậy... vẫn không ra dáng đàn ông, nếu gặp một người tinh mắt, họ cũng có thể nhận biết rằng mình cái trang, vì đôi má hồng và nước da trắng nõn vẫn có hiện cái bản tướng của nó. Thỉnh lình nhìn lên bộ ngực, đôi vú dày thì vẫn cứ phồng phồng ra ngoài, tuy nàng đã mặc một lần áo kép. Nàng bụng bảo dạ: "lại còn cái của "mắt dày" này nữa, bây giờ làm thế nào mà đẹp được nó?" Tức thì nàng mở rương lấy thêm một tấm áo bông mặc phủ ra ngoài. Con Nụ vừa ở dưới chạy lên, thấy nàng, nó phát kinh ngạc mà hỏi:

- Thưa ông, ông ở đâu lại chơi có việc gì xin ông cho biết?

Nàng cố nín cười không được, tủm tỉm nàng nắm bàn tay chặn vào lỗ mũi để nói cho ra giọng người lạ:

- Tôi ở Thanh Hóa...

Mới nói được bấy nhiêu tiếng con Nụ đã nhận ra tiếng cô chủ, nó liền cười rũ cười rượi:

- Trời ơi! Cô già dặn khéo quá, con vẫn tưởng là ông khách nào. Những quần áo ấy cô lấy ở đâu ra thế?

Xuân Hương chưa trả lời, nó lại nói tiếp:

- À phải rồi! vẫn bộ cánh cô may độ trước để đánh lận xông vào trường thi, con tưởng cô đã đem cho ông Nguyễn Cao Đệ mất rồi, vẫn còn đấy ư?

Nhin vào giá gương lần nữa, nàng lại mỉm cười và hỏi:

- Mày trông có giống đàn ông hay không?

- Giống lắm. Chẳng giống sao con lại làm. Nếu cứ ăn mặc như thế mà đi ra ngoài, có lẽ khắp cả Hà Nội không ai nhận ra cô nữa.

Vui vẻ nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng đi luôn xuống phuòng Đồng Xuân.

Lớp học buổi sáng đã tan, học trò đâu về đây hết, trong trường cụ Nghè Hoàng lúc ấy đã thấy vắng teo.

Nàng đứng ngáp nghé ngoài cổng, chờ mãi mới thấy một cậu bé con tung tăng chơi ở giữa sân. Nàng gọi cậu đó ra cổng mà bảo:

- Nhờ cậu vào trình cụ Nghè: có người ở Thanh Hóa ra, muốn vào hầu cụ.

Cậu vui vẻ chạy vào, chừng nửa giờ sau mới thấy trở ra trả lời:

- Cụ bảo tên thầy là gì, thầy hãy nói cho cụ biết.

Nàng liền nói với cậu đó cho mượn cái bút có tẩm mực sẵn. Rồi nàng móc túi lấy mảnh hoa tiên trong túi, viết tấm danh thiếp như sau: "Văn sinh, Thanh Hóa ngoại chấn sinh đồ Phạm Khắc Kính bái yết", rồi trao tấm danh thiếp cho cậu học trò, nàng dặn:

- Cậu cầm cái này vào trình cụ Nghè dùm tôi.

Mãi nửa giờ sau, cậu học trò ấy tắt tả chạy ra và nói:

- Cụ bảo mời thầy vào chơi trong nhà!

Sửa lại nếp khăn và vuốt các tà áo cho thật ngay ngắn, nàng theo cậu bé cung kính vào trong nhà học.

Cụ Nghè ngất nghêu bắt chân chữ "ngũ" ngồi trên ghế ngựa quang dầu, chừng như mới ăn cơm xong, trong miệng hays còn cái tẩm đương ngâm. Thấy nàng cụ vẫn ngồi im không hề nhúc nhích. Lễ phép, nàng bước vào trong bức cửa và chắp hai tay lại chào. Khi nàng vừa ngẩng đầu lên, thì vừa thấy cụ rút tăm đặt xuống án thư, chìa bàn tay phải chỉ vào dây ghê bên cạnh và nói:

- Thầy ngồi!

"Lão này kiêu ngạo đên thê này, thật là quá quắt, thê mà thiên hạ cứ đỗ xô vào học, không biết họ định học lấy cái gì".

Nghĩ vậy, nàng lại cố nén con tức, xin lỗi cụ rồi khum num ngồi vào chỗ ghế mà cụ đã chỉ.

Lâu lâu, thấy cụ lên giọng đạo mạo:

- Mày đâu, lấy nước thầy đồ xoi nước?

Một tiếng dạ rất nhịp nhàng từ phía sau nhà kéo dài đến tận cửa hậu, một cậu học trò vào khoảng mười hai, mười ba vội vàng đên trước án thư nghiêng âm bình tích rót độ lurg chén rón đê vào chỗ nàng ngồi:

- Mời ông xoi nước à?

Rồi cậu ấy lại rón rén đi ra đằng sau.

Mùi hoa sói lẩn mùi chè nụ theo khói đưa ra ngào ngạt. Nàng lại lễ phép đứng dậy:

- Cụ ban nước, chúng con xin bái lĩnh!

Cặp môi nhăn nhéo sê mấp máy trong bộ râu bạc phất phơ và đưa ra hai tiếng vắn cộc:

- Không dám!

Rồi cụ lại bắt chân chữ ngũ ngòi im. Nàng đã uống cạn chén nước, cụ vẫn không nói không rắng.

Một lúc nữa, chòm râu bạc lại thấy rung rung. Cụ ngoảnh nhìn nàng và hỏi:

- Thầy ra thăm tôi có việc gì!

Nàng vội đứng dậy gãi tai và đáp:

- Dạ, bẩm cụ chúng tôi nghe tiếng...

Vừa nói đến đây, ngoài cửa nghe tiếng người "lạy thầy" rất ròn rã làm cho nàng phải ngừng lại và đưa mắt trông ra. Đàm Thận Trung nhanh nhẩu bước vào với cái dáng bộ kính cẩn. Theo lệ mọi ngày, chàng ấy ngồi lại dãy ghế bên kia đối mặt với Xuân Hương.

Im lặng một lúc nữa, cụ lại quay mặt sang phía Xuân Hương và nhắc lại câu nói vừa rồi:

- Thầy vào thăm tôi có việc gì không?

Nàng cũng lễ phép nói nốt một câu đương nói dở:

- Dạ bẩm cụ, chúng con được nghe tiếng cụ là bậc đạo cao vọng trọng, cho nên chẳng quản đường xa xa xôi, nhất bái, để xin cụ chỉ giáo cho một vài điều về cách lập thân xử thế, chúng con lấy làm đội ơn.

Se sẽ giơ tay vuốt mày sợi râu trắng xóa, cụ rung đùi ra cách tự đắc:

- Làm sao thầy biết tiếng ta?

Nàng đáp:

- Dạ, bẩm cụ, danh vọng của cụ ngày nay, thật chẳng khác gì núi Thái Sơn, sao Bắc Đầu, trong cánh sồi lâm ái cũng nói đến, chúng con nay mới được biết cũng là muộn lắm.

Cụ lại ngậm tăm xìa rắng, một hồi, rồi nói:

- Thầy muốn hỏi tôi về cách lập thân xử thế?

- Dạ.

- Thầy biết nghĩ vậy thì cũng khá đây! Năm nay thầy bao nhiêu tuổi?

- Dạ, bẩm cụ, chúng con đã hai nhăm tuổi.

- Ừ đương lúc niên thiếu lực cường... Thầy đỗ sinh đồ từ năm nào?

- Bẩm cụ, chúng con mới đậu khoa trước?

- Năm nay thầy không đi thi?

- Dạ, bẩm có. Nhưng chúng con hỏng ngay từ kỳ đệ nhị.

- Năm nay các đầu bài thi cũng nhẹ cả mà? Sao thầy lại hỏng đệ nhị? Chắc thầy kém về tú lục!

- Dạ.

- Thế thì thầy phải cố công rèn tập để đến khoa sau lại thi.

- Dạ.

- Làm người học trò, ai ai cũng mong thi đỗ, nhưng theo ý ta, đỗ hay không đỗ, cái đó chưa quan hệ lắm. Càng nhất phải giữ cho phẩm hạnh đoan chính cái đã. Nếu như phẩm hạnh không ra gì, thì càng đỗ to bao nhiêu, lại càng làm hại dân nước bấy nhiêu, Vương Án Thạch, Lã Di Đản đều đỗ Trạng nguyên cả đây, thế mà chỉ vì phẩm hạnh bất chính, làm càn làm bậy, muôn đời mang tiếng là kẻ gian thần, các thầy đọc sử, chắc cũng biết cả.

- Dạ bẩm, chúng con cũng nghĩ như thế nên phải tìm đến cửa cụ, mong cụ chỉ đường dẫn lối, cho con được rạng mặt thêm ra.

- Tôi không phải là thánh hiền gì đâu. Nhưng tôi học sách thánh hiền đã nhiều, biết theo ý của thánh hiền, từ một việc làm đến một câu nói, tôi không dám sai lời thánh hiền bao giờ...

- Bẩm cụ, đối với ngày nay, cụ thật là một cây cột đã đứng vững giữa dòng nước chảy?

Cụ lại vuốt râu mà cười ha hả:

- Thầy cũng biết như thế à? Được! Cho thầy ngồi.

Xuân Hương lại khiêm tốn ngồi vào chỗ cũ. Cụ Nghè ngánh mặt sang phía Thận Trung và bảo:

- Anh Trung hãy sang bên này mà ngồi. Đó là thầy Phạm Khắc Kính, sinh đồ ở Thanh Hóa ngoài, thầy ấy với các anh cũng là chỗ thanh khí với nhau tất cả.

Thận Trung cố sức nhịn cho khỏi cười, rồi chàng đứng dậy rón rén đi sang bên này cúi chào Xuân Hương và ngồi vào cùng ghế nàng. Cụ Nghè lại trông Xuân Hương rồi nói:

- Thầy chắc không biết anh này là ai?

- Dạ bẩm không.

Đó là anh Đàm Thận Trung học khá nhất trường tôi, bài tập tú lục trong mấy kỳ này của anh ấy tối đều phê "uru" cho cả. Sau này nếu thầy muốn giỏi tú lục, thì phải ở cùng với anh ta.

- Dạ, chúng con cũng ước ao được thế.

Cụ lại trông mặt Thận Trung và nói một cách thê thót:

- Tú lục của anh thì khá, nhưng tính nết của anh hãy còn chưa chín. Những chuyện bông phào lắc xác, rất có hại cho sĩ hạnh, anh nên tự biết mà chừa dần đi, chờ để cho thầy mang tiếng.

Thận Trung vội dạ một tiếng rất lễ độ, cụ Nghè lại tiếp:

- Thầy đồ Thanh Hóa muốn hỏi ta về cách lập thân xử thế, ấy là thầy đã biết nghĩ, có thể dạy được. Tiện thể ta nói cả cho anh Trung cùng nghe: Trong sự tu thân, cốt nhất là phải chính tâm thành ý, ở sách lại học đã nói: "Muốn làm rõ rệt "đức sáng" của mình ra gầm trời, trước hết phải trị nước mình, muốn trị nước mình, trước hết phải tẩy nhà mình; muốn tẩy nhà mình, trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình; trước hết phải chính lòng mình; muốn chính lòng mình, trước hết phải thật ý mình. Thật ý mình là gì? Nghĩa là lúc nào cũng vậy, ý nghĩ của mình cứ phải thật thà dù rằng trong lúc đêm khuya, trong nơi người vắng, không có ai biết, mình lại dối mình, các thầy nghe chưa?"?

Hai người cùng "dạ"; cụ Nghè nhấp giọng một hớp nước nụ, thở một hơi dài, lâu lâu cụ ra mặt buồn

râu và thêm:

- Bây giờ thói đời mỗi ngày mỗi kém, lặng người không giống ngày xưa, thiên hạ chỉ đua nhau đi về đường điêu trá gian ngoan, không coi lễ, nghĩa, trung, tín là cái gì cả. Thấy vậy, ta rất lấy làm lo phiền.

Hai người cúi mặt im lặng, như có ý đê tai nghe ngóng, cụ bỗng chép miệng một cái, rồi nói ra dáng túc giận:

- Nhất là cái thành Hà Nội lại càng tệ hại hơn các nơi khác. Bởi vì ở đây là đất phồn hoa đô hội, người ta chỉ biết vụ lợi, không biết trọng nghĩa, cho nên nhân tâm lại càng kiêu bạc.

Rồi cụ sai cậu học trò đánh đá lấy lửa, giặt mồi thuốc lào vào nõ điếu ống: cụ vít xe điếu hút sòng sọc mấy tiếng.

Giây lát, cụ nhìn Xuân Hương và hỏi:

- Thầy đồ Thanh Hóa có biết con Hồ Xuân Hương ở ngoài này không?

Xuân Hương vội làm ra vẻ nghiêm nghị:

- Dạ, bẩm cụ, chúng tôi có nghe thấy anh em nói chuyện, nhưng không biết rõ cô ta ra sao?

Nét mặt hăm hăm cụ nói:

- Nó là con yêu con quái giáng sinh, đê làm nhơ bẩn sĩ phong đời nay. Cứ như người ta nói lại với ta, thì nó cũng có học ít nhiều, có biết làm thơ, thơ của nó toàn là thơ nôm, không có câu nào là không ngũ ý đĩ thoa. Thế mà trong đám sĩ lâm cũng có nhiều người truyền tụng, anh nọ đọc lại cho anh kia nghe. Như thế, thế đạo sĩ phông phồng còn ra trò gì nữa! Ta lo rằng chẳng bao lâu nữa, người đời sẽ hóa cùm thú hết cả.

Cụ đương nói dở, dằng sau bỗng có tiếng chân chạy thình thịch. Một tên nhà bếp tiến lại phía trước án thư với sắc mặt xám mét. Cụ Nghè ngạc nhiên và hỏi:

- Mày muôn nói gì?

- Bẩm cụ...

Nói được hai tiếng, đứa nhà bếp lại đứng thử ra, đầu lưỡi ngập ngừng, dường như không dám nói nữa, cụ gặng:

- Cái gì, cứ nói!

Tên nhà bếp lại ngập ngừng cố nói hai tiếng "bẩm cụ", rồi hắt lại im, cụ phát cáu:

- Bẩm cụ cái gì mới được chứ? Làm sao hỏi mãi không nói?

- Bẩm cụ con mẹ hàng gà...

- Con mẹ hàng gà làm sao?

- Bẩm cụ, con mẹ hàng gà nó vẫn ngồi ở nhà dưới.

- Nó ngồi ở nhà dưới làm gì? Chúng bay có mua bán tảng tui gì với nó không?

- Bầm không.
- Thê thì đuổi cỏ nó đi! Có việc thê cũng phải hốt hoảng, thôi xuồng dưới ấy.

Tên nhà bếp lại nói bằng giọng áp úng:

- Bầm cụ con gà hôm nọ cụ sai con đem nhốt vào chuồng, bây giờ thả ra, nó nhận là gà của nó.

Cụ Nghè cau đôi lông mày trên bộ mặt đỏ bừng:

- Của nó là của thê nào? Bảo nó muôn sống về ngay, nếu còn nhận lão thì ông đánh cho đậm xác ra.
- Bầm cụ, con đã bảo thê nhưng mà con mụ áy ghê gớm lắm, nó cứ nhất định bắt gà đem về, và nói rằng: Nếu không trả gà cho nó, thì nó sẽ đứng đấy coi gà để cho con nó đi trình ông Thiên Hộ.

Cụ Nghè đậm tay xuồng án thư:

- À lão? con mụ láng giềng này lão thật, dám đem thẳng Thiên Hộ mà dọa người nhà ông à? Mày bảo nó nếu nó đi trình Thiên Hộ, thì ông bảo quan Tống đốc bỏ cá Thiên Hộ vào ngục.

Tên nhà bếp dạ một tiếng lớn, rồi chạy thẳng xuồng. Giây lát nó lại tắt tấp chạy lên:

- Bầm cụ, con mụ bướng lắm. Con đuổi thê nào nó cũng không về, nó nói lão rằng: của nó nó nhận, quan Tống đốc cũng đến "phải" thì thôi.

Cụ Nghè thở dài:

- Dân phong ngang ngạnh đến thê, có đáng ghét không?

Xuân Hương ngứa miệng, giả cách lễ phép đứng dậy và bảo tên nhà bếp:

- Anh không cần cãi vã với kẻ tiêu nhân vô lễ làm gì; cứ bắt đem con gà ấy thả ra ngoài công, hễ nó chạy về nhà kia thì là gà của nhà kia, mà nếu nó lại chạy về nhà này, thì là gà của nhà này.

Cụ Nghè chưa kịp bảo sao, tên nhà bếp đã lật đật chạy xuồng.

Mở quả trầu lấy trầu, cau và cái cối ngà đưa cho Thận Trung đem giã, cụ Nghè đương sắp tiếp theo câu chuyện đạo đức, thì tên nhà bếp lại hốt hoảng chạy lên, vừa thở vừa nói:

- Bầm cụ, con mới đem thả con gà ra công, nó đã chạy tót vào nhà con mụ hàng gà.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 10 -

Phố phường Hà Nội đã hết vẻ nhộn nhịp của năm mới, xác pháo ngoài đường đều bị vùi dập dưới tầng đất lâm, câu đói xanh đỏ ở các đường ngõ đều phải hoen ô vì những giọt mưa xuân.

P

Những nhà buôn bán lần lượt mở cửa bán hàng.

Những bà, những cô phong lưu thi nhau thăng áo mới, sắm vàng hương, để đem đầu vào các đèn các miếu.

Xuân Hương vò vợ ngồi trong thư phòng, nàng tự thấy mình như không chống nổi sự buồn bã của cảnh hiu quạnh. Rồi lòng xuân phơi phới giục nàng phải nhớ đến Đàm Thận Trung. Từ ngày hẹn nhau vào nhà cụ Nghè Hoàng, chàng thường lui tới nhà nàng luôn luôn. Trong lúc cùng nhau trò chuyện nàng vẫn để ý xem xét, và đã nhận chàng là kẻ khoáng đạt, hoà nhã không câu nệ, giả dối như các ông nho sĩ khác. Vì thế, tinh ý hai bên mỗi ngày mỗi thêm thân mật, chàng coi nàng là bạn tâm đầu ý hợp, nàng cũng coi chàng là tri kỷ của mình.

Hồi cuối năm ngoại, không ngày nào chàng không đến chơi nhà nàng. Tuy giữa hai người chưa hề có chút bờm xờm lả loi, nhưng sự ăn ở, đối đãi đã gần giống như người một nhà, có khi nàng đã lưu chàng ăn ngủ luôn ở nhà mình, mà không lấy làm e lệ. Vì năm hết, tép đến, theo tục, chàng phải về quê, trước khi từ biệt phường Khán Xuân, chàng đã hẹn nàng đoạn tép lại sang rồi cùng đi chơi các nơi hang động, núi rừng, để ngắm cảnh đẹp của trời đất. Vậy mà qua tép đã hơn mười ngày, vẫn chưa thấy chàng tới nơi, cho nên nàng nóng ruột. Phải, nàng không phải là loại gỗ đá, tất nhiên cũng có dục tình, trong bấy nhiêu ngày, lửa đã gần rơm, dù hai bên vẫn cố giữ cho nó không thể bùng lên, nhưng sự thực, ở trong lòng nàng, cũng như ở trong lòng chàng, lửa ấy vẫn cứ cháy ngầm cháy ngầm, vắng chàng lúc nào, ấy là nàng phải buồn tẻ lúc ấy.

Mây cành bích đào trên lợ đã bắt đầu nẩy những lá non, cánh hoa tươi thắm là tảo rơi rụng khắp nhà, đầu cành trơ những quả non nhu nhú. Sự thay đổi của hoa cành nhắc lại cho nàng bài thơ "Tiếc xuân" của chàng Đỗ Mục ngày xưa.

Trong những thi nhân đời Đường, Đỗ Mục là người rất đa tình. Khi chàng ra chơi Hồ Châu, viên thứ sử ở đó là Ưng Quân Tố muốn chia ý bạn, gọi hết con hát trong quận đến cho chàng coi, chàng không vừa ý một ai nào hết. Rồi chàng xin cho viên thứ sử mở hội, bày các trò vui dưới nước cho người trong quận đến coi, để chàng kén xem có người con gái nào đẹp hay không! Viên thứ sử cũng xin vâng lời. Đúng ngày mở hội, người ta đến coi chật cả hai bên bờ sông. Đỗ Mục đi ngắm khắp lục, vẫn không có ai vừa ý. Thinh linh có một mụ già dắt đứa con gái còn để hòng mao đi vào. Mục coi hồi lâu liền bảo với viên thứ sử, con bé ấy thực là một bậc quốc sắc, viên thứ sử tức thì cho đón vào thuyền. Mục ngoái ý muốn hỏi làm vợ. Cả mụ già lẫn cô bé con nghe nói đều sợ không dám nhận lời. Mục nói ta không cưới ngay bây giờ, chỉ định hẹn với mẹ con nàng mà thôi. Sau mười năm nữa, tất nhiên ta ra làm quan hặt này. Nếu mười năm nữa mà ta không ra, thì cho tùy nàng muốn đi lấy ai thì lấy. Khi ấy Mục đưa rất nhiều tiền cho mẹ con nàng để làm tiền cưới. Khi về triều, Mục vì quan thấp, chức nhỏ không dám xin ra Hồ Châu. Tới lúc được ra Hồ Châu, tính ra đã mười bốn năm. Lập tức cho đòi người con gái ấy thì nàng không đến, chỉ có mẹ nàng vào ra mắt Mục, nói rằng: Khi trước ông hẹn mười năm nhưng hết mười năm, không thấy

ông ra, tôi gá chồng cho cháu đã ba năm nay, cháu đã sinh được ba đứa con rồi. Mục cúi đầu ngẫm nghĩ rồi bảo các bạn, lý của họ thắng, mình không nên cưỡng. Luôn đó, Mục tiễn bà lão ra cổng một cách kính trọng, nhưng Mục vẫn ngậm ngùi tiếc người con gái, mới ngâm một bài "Tiếc xuân".

Xuân Hương giở tập Đường Thi ra coi, nàng thấy ý tú trong thơ rất hợp với tình cảnh mình, tức thì nàng lấy giấy bút dịch ra một bài quốc âm như sau:

Bởi tại tim hoa quá chậm chân,  
Há nên ngao ngán oán ngày xuân,  
Gió đông bay hết màu tươi thắm,  
Quả trái đầy cành, bóng rợp sân

Nàng ngó những cành hoa đào tan tác dưới sàn gác, ném những quả đào non và lá đào xanh mơn mởn trên độc bình, rồi nàng lại ngâm đi ngâm lại hai câu:

Gió đông bay hết màu tươi thắm  
Quả trái đầy cành, bóng rợp sân

Lúc ấy trong lòng càng thấy buồn bực, nàng liền nhớ lại những ngày còn đẻ hồng mao mỗi khi gặp tiết đầu xuân, thường được mẹ đi chơi nhà các người họ hàng ở nhà quê, rồi những chị em bạn gái rủ nàng chui vào bờ bụi, tìm các thứ lá để đánh đố lá với nhau. Nàng vì ở đất thị thành, không thuộc được nhiều tên bằng họ, lần nào đó lá nàng cũng thua họ, bị họ dồn rát cả lưng và vẹo cả sườn.

Thế mà ngoảnh đì, ngoảnh lại, bây giờ nàng đã ngoài hai chục tuổi, những bạn đố lá ngày trước, ai này đều đã con bòng con mang. Chỉ riêng nàng hãy còn láng đáng: "Tuổi xuân chẳng qua cũng như những cám hoa đào, nó chỉ tươi thắm được trong một thời, hết thời tươi thắm ấy thì hết xuân, nghìn vàng không mua lại được". Nghĩ vậy, nàng liền đọc luôn đến câu phuong dao:

Chơi xuân kêt hết xuân đi  
Cái già xòng xộc, nó thì theo sau.

Ngâm chưa dứt tiếng, dưới gác bỗng thấy có người gõ cửa. Nàng đẩy cửa sổ ngó ra, thì ra Đàm Thận Trung đã đến. Mừng quá, nàng không rụt rè e lệ gì cả. Tự mình chạy xuống mở cửa mời chàng lên gác.

Con Nụ biết ý, xách chiếc ám siêu xuống bếp đun nước, để gian phòng gác mặc chủ và ông khách tự do.

Chàng vừa ngồi đoạn, nàng liền đem chuyện cụ Nghè Hoàng ra nói:

- Con gà hôm ấy đích là của mụ láng giềng không phải của cụ Nghè Hoàng.
- Thị chính thế, nếu là gà của cụ Nghè Hoàng sao khi thả ra, nó lại chạy tốt về nhà mụ kia.
- Chắc cụ muốn ăn xuýt con gà của họ để cúng.
- Có lẽ thế.

Nàng cười sảng sặc:

- Góm chửa, văn hay, học rộng, mở miệng nói toàn giọng đạo đức thánh hiền, thế mà dám ăn cắp gà của người ta đây. Đáng chán chửa? Có lẽ những ông thâm nho toàn là hạng người đi ăn cắp gà tất cả.

Thận Trung sàm mặt:

- Minh không được phép nói hồn thê. Nho cũng tùy người, không phải ai cũng như ai. Nếu mình muốn nhân việc ăn cắp gà của cụ Nghè Hoàng mà kết án chung mấy ông lên mặt đạo đức, thì phải nói thử thê này...

- Nói như thế nào?

- Nói rằng bao nhiêu cụ Nghè ngày nay toàn là người ăn cắp gà tất cả, thế mới đúng.

Hai người cùng cười rầm nhả.

Ngọn gió hiu hiu qua cửa sổ thổi vào án sách, một mảnh hoa tiêu trong đồng sách pháp phoi bay ra giữa nhà, Xuân Hương toan tính nhặt lấy đâu đi, nhưng chưa kịp nhặt, tờ giấy đã bị vào tay Thận Trung.

Chàng đưa lên nhìn, chính là bài thơ vô đê của nàng mới làm trong mấy bữa nay. Gật gù, chàng vừa cười vừa đọc:

- Canh khuya vắng vắng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xέ, khuyết hay tròn

Xiên ngang mặt đất, rêu tùng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mây hòn.

Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con.

Đọc đi đọc lại đến ba bốn lần, thấy trong thơ chúa chan tình hưng, làm cho chàng không thể né nỗi được ngọn lửa trong buồng gan. Bỏ tờ hoa tiên xuống án, chàng đứng dậy, ôm nàng vào lòng và đặt trên đôi má hồng của nàng bốn, năm cái hôn nồng nàn. Nàng không cự nhưng hình như cũng sượng sùng, hai má đỏ bừng, vừa cười nàng vừa nói bằng giọng ồm ờ:

- Ô hay! Làm gì thế? Làm cái gì thế?

Thang gác có tiếng thình thịch, hai người vội buông nhau ra, con Nụ vừa xách ấm nước sôi lên. Lấy đũ ấm chén pha nước đặt lên trên yên, nó lại lùi xuống dưới gác. Thận Trung không đợi Xuân Hương mời chào, chàng lại cầm ấm rót lấy mà uống. Một nụ cười nở trên cặt môi son, nàng nhìn Thận Trung và hỏi:

- Hôm nay ăn cơm chiều ở đây chứ?

- Chẳng ăn ở đây thì ăn ở đâu?

Nàng liền xuống gác đưa tiền cho con Nụ đi chợ mua đồ làm cơm.

Gần tối, đồ ăn làm xong, con Nụ bụng mâm lên, hai người cùng ngồi một mâm, vừa uống rượu, vừa xướng họa, đêm ấy Thận Trung cùng nàng ngủ chung một giường.

Sáng hôm sau, mặt trời lên khỏi ngọn cây, ánh nắng chiếu xuống Hồ Tây lóng lánh, hai người mới cùng trở dậy, ai nấy còn uốn vai, ngáp vặt nhìn nhau bằng cặp mắt sương sùng.

Tan cuộc nước chè, Thận Trung vui vẻ bảo nàng:

- Trước kia nghe bài tự tình của mình đưa vào trong trường cụ Nghè, tôi vẫn không tin, ý tôi cho rằng trong lúc mình ở nhà lão Quyền Chưởng Vệ, cũng như mõ để miệng mèo, tất nhiên lão ấy không để cho mình vân lành. Bây giờ mới biết là tôi đoán sai...

Xuân Hương không trả lời, nàng chỉ mỉm cười một cách chua chát. Hồi lâu, nàng bảo con Nụ mua đồ ăn sáng, để nàng sắp đi chơi xa. Muốn tránh sự bàn tán lôi thôi của những người ngứa miệng, nàng lại ăn mặc già trai như hôm vào thăm cụ Nghè Hoàng.

Lần ấy là lần đầu nàng cùng người bạn trai đi chơi sơn thủy, chàng muôn vào thăm Thanh Hóa ngoại trán viếng chùa Non Nước, rồi xuống luôn huyện Gia Viễn thăm động Hoa Lư. Nhưng nàng không thích đi về hướng ấy, và nàng khuyên hãy lên coi qua rừng trên vùng Thái Nguyên. Ý chàng vốn không nhất định đi đâu vì đi đâu cũng là ai chơi, không có sự gì quan hệ, cho nên nàng định thế nào, chàng cũng theo thé ấy.

Hai người thuê hai chiếc cáté theo huyện Kim Anh đi lên, khi tới phố Mã thì trời vừa tối, phải vào ngủ trong nhà trọ.

Sáng mai mờ đất đã toan trở dậy lên đường, nhưng vì ở đó là nơi đồng rừng, hết giờ mao chua tan sương mù, nên chàng khuyên nàng hãy nên thong thả.

Bỗng thấy ở nhà bên cạnh có tiếng trẻ học, nàng cười và bảo với chàng:

- Ai ngờ ở trong hang sâu cũng có tiếng chân ngưu mục đi. Ta thử vào chơi xem sao.

Rồi nàng gọi hỏi nhà trọ xem rằng thày đồ dạy học bên ấy tên họ là gì, tính hạnh ra sao, người chủ trọ đáp:

- Chúng tôi chỉ thấy gọi là ông Cống Tuyên Quang, về đây bảo trẻ đã hai năm nay, tính hạnh rất thuần thục, và rất nghiêm nghị. Trong hai năm nay, ngoài nhà chủ nuôi con, ông ấy chưa hề chơi bời với ai.

- Chúng tôi muốn sang thăm ông có tiện không nhỉ?

- Cái đó chúng tôi không biết. Nhưng ông cứ sang, nghe đâu bên ấy cũng có ông Nghè Hưng Hóa về chơi với ông Cống đã mấy bữa nay.

Nghe nói, nàng liền bảo chàng:

- Quái lạ! Hưng Hóa Tuyên Quang cũng có ông Nghè, ông Công, văn học đường rừng cũng thịnh đáo chứ.

Rồi chàng và nàng cùng dắt nhau sang nhà láng giềng, nói là bọn lái buôn đi đường, nghe tin ở đây có ông Công bảo trẻ, nên muốn vào thăm ông và xem cách thức học hành thế nào.

Thì ra cách nói đôi ấy rất trùng với ý ông Công.

Từ trước đến giờ, ông Công không thèm tiếp một người nào là khách hết, trừ ra ông Nghè Hưng Hóa là bạn chí thân của ngài. Nhưng nếu nói là lái buôn hoặc lý lịch chi đó, thì ngài rất vui lòng khoán đãi, có khi chè chén đến năm, bảy bữa, ngài cũng không hề phàn nàn.

Hai người tiến vào trong nhà, cung kính lạy chào ông Nghè, ông Công, rồi theo lời mời của ông Công hai người cùng ngồi vào dãy ghế của học trò ngồi.

Ông Công giới thiệu cho hai người biết ông khách của ngài là một ông tiên sĩ ở đạo Hưng Hóa, rồi ngài lại tự giới thiệu cho ngài. Đúng như lời mụ chủ trọ đã nói, ngài tự xưng mình là ông Hương Công ở đạo Tuyên Quang.

Hai người chỉ vâng vâng, dạ dạ, tỏ ý kính trọng.

Ngoài ngõ có tiếng chó sủa, một lớp ăn mày tiến vào với cái niêu đất và một tấm áo tơi xù.

Trong nhà, ông ra lệnh cho cậu học trò học rít để che lấp tiếng lạy ông lạy bà của kẻ khổn khổ.

Một cậu học trò chia sách đến hỏi ông Công:

- Thưa thầy chữ gì!

Vụt cây roi mây xuống phản, ông Công thét thật lớn:

- Cảm dung là đất Cảm Dương.

Cậu bé liền nghêu ngao học:

- Bá công binh chí Cảm Dương, ông Bá Công quân đến đất Cảm Dương.

Ông Nghè Hưng Hóa vội ngắt câu nói:

- Không phải Cảm Dương, sao ông dạy càn con cái người ta thế?

Ông Công trừng mắt:

- Chẳng phải Cảm Dương thì là chữ gì?

Ông Nghè dỗng dạc:

- Ông dốt lăm, không trách ông đồ đại khoa... Ấy là Hàm Thang là đất Hàm Thang chứ gì.

Ông Công gân cổ cãi lại:

- Tôi nhất định không chịu.

Rồi hai ông cãi nhau lộn bậy, một ông quyết là Cảm Dương, một ông quyết là Hàm Thang. Ông nọ mắng ông kia ngu, ông kia lại bảo ông nọ dốt. Xuân Hương và Thận Trung bầm bụng ngồi im không dám cười. Ông lão ăn mày ngoài sân ngứa miệng nói vào:

- Thưa lạy hai ngài, cho tôi xin nói.

Ông Nghè, ông Công cùng chạy xô ra thét hỏi:

- Lão ăn xin cũng biết chữ à!

- Dạ bẩm hai ngài, thuở nhỏ chúng tôi cũng có theo đòn nghiên bút, bây giờ còn nhớ ít nhiều, cái câu cậu bé đang học đó là câu ở sách Hán Cao Tổ phải không, thưa hai ngài!

Hai ông cùng nói:

- Phải đấy? Thê lão bảo trong hai chúng ta ai dốt, ai không dốt?
- Bẩm cả hai ngài cùng dốt. Không phải Hàm Thang, cũng không phải Cầm Dương.

Hai ông cùng sấn sở:

- Thê thì mày bảo nó là chữ gì?
- Bẩm hai ngài, nó là chữ Hàm Dương, hai ngài mỗi ngài trúng một chữ, nhưng mỗi ngài làm một chữ.

Tức thì hai ông cùng nói trận lôi đình, chạy lại túm lão ăn mày toan đánh, Xuân Hương, Thận Trung thương hại vội vàng chạy ra cỗ can. Hai ông chừng cũng nể mặt khách lạ, bèn tha tội cho lão ăn mày, không đánh nhưng họ bắt mắt cái niêu đem đập vỡ tan. Lão ăn mày cảm cảnh, ngồi ở trước cổng khóc ru khóc rười. Một lúc sau lão mới xù xì khoác chiếc áo rơi đi ra, để lại tường cổng mây chữ thảo.

Xuân Hương và Thận Trung chán chuyện ông Nghè ông Công đứng dậy cáo từ trở ra. Tới cổng thấy có mấy dòng chữ nét mực chưa ráo, lối chữ rất già và rất tươi. Hai người cùng đứng lại nhìn, té ra một bài tú tuyệt.

Xuân Hương liền làm rầm đọc:

- Ông Nghè Hưng Hóa, Công Tuyên Quang

Chết dãm, xung chân cũng một tuồng.

Ma thiêng chẳng đánh hai thằng chết

Đập vỡ niêu tao đất Cầm Thang.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 11 -

Từ biệt phố Mã, Xuân Hương cùng Thận Trung, mỗi người một cảng, lèo đẽo lên phủ Phủ Bình.

T

Đường núi quanh co, rậm rùng gai góc, hai người tuy ngồi trên cảng, không phải chạy bộ bước nào, nhưng mỗi khi lên đèo xuống dốc, ai nấy đều thấy như dốc ngược người đi. Dù vậy mặc lòng, hai người vẫn đều vui vẻ, không lấy gì làm ngại. Là vì ở đất đô hội, nhìn cảnh phồn hoa đã chán, nay được ngó cảnh đường rừng, cũng như vào chơi một thế giới khác, càng đi càng thấy nhiều vẻ đáng yêu.

Ngày thì chật vật trên đường, đêm vào ngủ trọ trong các thung lũng, dân Thổ dân Mán tưởng hai người là quan khách ở đường xuôi lên có việc gì, hò đều thura tiệp một cách cung kính. Hai người tuy không thích vậy, nhưng cũng giả cách làm lơ, không dám nói thật rằng mình đi chơi.

Chừng năm, sáu ngày gì đó, đôi cảng nghêu nghện đến hạt Phủ Bình. Trước mặt bỗng hiện một trái núi lớn. Hỏi ra mới biết đó là ngọn núi Độc Tôn, chùa tề của đám núi Tam Đảo, Xuân Hương liền hỏi Thận Trung:

- Trong dãy núi này có một cỗ tích, mình có biết không?

Thận Trung mỉm cười:

- Kinh nhau làm gì vậy? Minh còn biết, huống chi tôi.

Xuân Hương cũng cười:

- Cỗ tích thế nào, mình thử nói cho tôi nghe.

- Di tích của Nguyễn Danh Phương chứ gì! Trong đồi Cảnh Hưng, Danh Phương kéo quân chiếm trái núi này làm nơi sào huyệt để chống lại với triều đình vua Lê. Bấy giờ ông ta làm đúng như một vị đế vương, cung lâu dài dựng ở trên núi rất nhiều, đồn ải dinh trại ông khắp các miền chung quanh. Lương thực khí giới, ông ta chứa cả ở đồn Ngọc Bộ. Đó là nội đồn ở gần chân núi, rồi đến đồn Hương Ngạch gọi là trong đồn, ngoài nữa là đồn Ục Kỳ, gọi là ngoại đồn. Lại còn vô số chi đồn, rải rác đóng ở các nơi khác. Cứ như các cụ truyền lại, thì quí mô của ông ta xếp đặt cũng khá vững chãi. Ruộng nương trong vùng này đều bị ông ta tịch biên, sai quân cày cấy lấy thóc để nuôi tướng sĩ. Những sản vật miền thượng du như: chè, sơn, nứa, gỗ, chì, kẽm, vân vân đều bị ông ta chiếm cả. Lúa gạo, của cải tích ở các đồn nhiều lắm. Ba hạt Lâm Thao, Tam Đại, Đà Dương đều vào tay ông ta, quan quân nhà Lê lên đánh mấy năm, lần nào cũng thua liêng xiêng. Qua năm Canh Ngọ triều đình sai Phạm Đình Trọng thống lĩnh đại quân kéo lên. Ông này là tay danh tướng, biết cách hành binh.

Lúc quân trầy, ông ấy chia ra làm bốn đạo quân, đồng thời tiến vào.

Nói đến đây, Thận Trung mở óng thuốc lá cuốn một mồi thuốc, chàng lấy đá lửa đánh lửa châm thuốc, vừa hút vừa tiếp:

- Trước hết ông Phạm đem quân đánh đồn Ục Kỳ và chiếm luôn được đồn ấy. Các tướng bên kia

thấy đòn Uc Kỳ đã bại ai nấy mất vía, đòn Hương Ngạnh chưa bị đánh chác gì cả, quân sĩ tự nhiên tản chạy... Ông Phạm thura thế, tiến lên đánh đòn Ngọc Bội, quân của ông Phuong phải rút lên núi Độc Tôn, quan quân lại đuổi lên tận sườn núi, đánh nhau ở đó một trận dữ lắm, quân ông Phuong thua to, đêm ấy ông Phuong phóng hỏa đốt hết nhà cửa kho đun, rồi cùng các tướng đi trốn, ông Phạm tức thì đốc quân đuổi theo. Tới huyện Lập Thạch, ông Phuong bị bắt.

Dứt mạch, chàng thở khói thuốc trong miệng, hãi mắt lờ đờ nhìn Xuân Hương:

- Có phải câu chuyện thế không? Hay là tôi có nói sai chỗ nào?

Xuân Hương vẫn cười:

- Phải! Đúng thế. Kể ra ông Nguyên Danh Phuong cũng là một tay anh hùng đầy chúa!

- Anh hùng lắm! Chẳng may gặp tay ông Phạm định Trọng, ông Phuong mới bị tan tành. Nếu không có khi ông ta làm vua cũng nên.

Xuân Hương cười chê riết:

- Minh bảo làm vua thì khó khăn gì. Tôi xem các vua mờ nước đời trước lúc đầu phàn nhiều là anh kề cướp, vây cánh mỗi ngày mỗi to thì họ làm giặc. Giặc mà đắc thế thì họ làm vua. Nói cho đúng anh nào bạo tay giết người, ấy là anh ấy làm vua, chẳng phải tài đức gì cả.

- Thị vẫn thế! Có lạ gì đâu? Nhưng, bạo tay giết người cũng là một cái tài của họ. Nếu bảo không phải là tài thì sao tôi với mình từ xưa đến giờ chưa giết được ai.

Xuân Hương ra vẻ là lời:

- Thôi đừng nói phiếm. Hãy lên trên núi coi thử di tích của ông Quận He ra sao.

Hai người liền bảo phu cát kề ôm vồng, người vác đòn theo mình lên núi.

Thoạt tiên hai người đến thăm dấu vết cung điện của Nguyễn Danh Phuong. Tuy cái sào huyệt của viên đại tướng nay cây cối đã um tùm, cỏ gai rậm rạp, chỉ là hang tổ của giống cáo giống cầy, nhưng, trong những đám tro than đen xám, còn có thể nhận ra di tích lâu đài. Hai người ngâm ngùi than tiếc cho đời oanh liệt của ông chúa tể đường rừng, rồi cùng trở xuống đi xem mấy nóc Ngọc Bội, Hương Ngạnh và Uc Kỳ. Nhìn qua dấu tích của những dinh trại kho tàng còn lại, chàng và nàng đều phục Danh Phuong là người thao lược, không kém những vua mờ nước đời xưa. Thơ thẩn với núi rừng ít lâu, hai người lại cùng xuống núi, đêm ấy cả hai cùng ngủ trong một nếp nhà sàn ở chân làng Ngọc Bội. Hôm sau, Thận Trung chừng như đã mệt, muốn về Hà Nội nghỉ ngơi, Xuân Hương không nghe, nàng muốn lên phủ Thông Hóa viếng cảnh Ba Bể luôn thế. Bốn anh phu cát cát hai người từ phố Mã tới đó cũng đã nhọc lắm, thấy nói lên phủ Thông Hóa ai nấy đều sợ xanh mặt, họ bèn nói đổi là không biết đường. Xuân Hương liền bảo thô dân thuê hộ bốn người phu khác, trả tiền công cho bốn người này để họ trở về.

Từ Ngọc Bội lên Thông Hóa đường đi rất xa và rất hiểm trở, người ở miền xuôi ít ai đã biết lối đi. Chỉ có thô dân suốt đời luồn rừng, thì họ mới thuộc. Tuy ở đường rừng, ít khi có người đi cáng nhưng bọn thô dân sức lực khỏe lắm, hai người khiêng một mà họ lên đèo xuống đèo thường nhẹ tênh tênh.

Vừa đi vừa xem phong cảnh rừng rú, có đêm ngủ luôn trong rừng, len lỏi luồn rúc gần một tháng trời, hai người mới lên đến châu Bạch Thông. Phu cát đưa chàng và nàng vào nghỉ trong nhà một viên quan lang, sáng mai, Thận Trung bèn bảo quan lang cho người khiêng đôi song loan đưa chàng và Xuân Hương lên núi Côn Lôn coi cảnh Ba Bể.

Ba Bé là một cảnh lạ, thỉnh thoảng cũng có người ở đường xuôi lên coi, cho nên dân thô cũng có sẵn song loan để đưa người ta lên núi. Mỗi cái song loan phải hai người khiêng, chàng và nàng mỗi người ngồi vào một cái, đường núi dốc như bức tường, mới trông tưởng là không thể lên được, thế mà mấy anh phu khiêng song loan leo trèo rất tài, họ không phải bám phải víu gì hết, anh nào anh ấy cứ việc ngay lưng mà đi, ngoài trên song loan nhìn xuống chân họ, chẳng khác con mèo leo cột nhà vậy. Đường núi khuất khúc như hình chữ "chi", từ chân núi đến đỉnh núi không thể một ngày mà tới, quan lang đã nói trước như vậy, nên chàng và nàng đã bảo họ sắp sửa lương thực đêm theo, tiện đâu ăn đấy. Lên tới lưng núi thì trời vừa tối, hai người và lũ dân phu phải ngủ lại đó. Hồi ấy tuy đã trung tuần tháng ba, nhưng ở trên núi khí hậu vẫn còn hơi lạnh, chàng và nàng phải bao lùi phu bê lá cây làm đệm mà nằm cho ấm. Sáng dậy, trời còn lờ mờ, dân phu đã giục hai người phải lên song loan, vì họ đã thuộc độ đường, phải đi luôn từ bây giờ thì đến quá trưa mới tới Ba Bé. Sự định liệu của họ rất đúng, chàng và nàng lên đến giữa núi, mặt trời đã xế về tây. Sau khi nghỉ ngơi ăn uống, chàng và nàng dắt tay nhau đứng ngắm hình thế của dãy Côn Lôn.

Núi này phát mạch từ xứ Tuyên Quang chạy thẳng đến châu Bạch Thông. Thân nó mọc ra rất nhiều nhánh ngang, nhánh nào cũng thẳng như tường đứng, ngọn núi mà chàng và nàng lên đó là ngọn núi cao nhất trong các ngọn, đỉnh nó chót vót giữa trời, xưa nay chưa ai lên được, chỗ chàng và nàng đứng coi mới ở giữa núi. Trong một tảng đá cao thăm thỉnh linh có một cái hang cao độ ba trượng, rộng độ trượng ruồi, dài độ mười trượng, ở trên có nhiều nhũ đá rủ xuống, trông như bức tranh năm sắc, thật là một nơi thần dẽo quý gợt, hơn hẳn nhân tạo.

Hang này quanh năm vẫn có nước suối chảy ra, đứng dưới trông lên trăng xoa như tâm lụa bạch. Các sách địa dư thuở trước, đều nói suối ấy phát nguyên tự bên Tàu, qua phủ Cao Bằng đến châu Bạch Thông rồi đổ ra đó. Không biết có đúng vậy không. Từ trong hang này đi ra, nhánh bên hữu là xã Tiên Loan có một cái bể, nhánh bên tả là xã Hải Vũ có hai cái bể. Hết bể sang tới địa hạt Tuyên Quang, bên kia cũng là một làn nước. Giữa chỗ hai làn nước ấy giáp nhau, có cái bờ đá ngăn cách, thuyền bè không thể đi qua. Mỗi cái bể đó, chu vi ước chừng hai dặm hoặc ba dặm, quanh bể toàn là núi đá, cạnh núi, xóm làng thô dân ở khắp bốn mặt, chỗ thì nước, chỗ thì đá, chỗ thì cây cối um tùm, trong bè lại có những hòn núi đá nhỏ ẩn hiện giữa lớp sóng cồn. Khi ấy gió im, sóng lặng, thuyền chài bơi lên bơi xuống, pháp phói khắp các nơi, chàng và nàng thơ thẩn đứng coi, dường như ai nấy đều không biết chán. Xuân Hương chỉ tay xuống bể và nói:

- Trọng bể, núi liệu có thật là kỳ công của tạo hóa?

Thận Trung chưa kịp nói sao, một người phu bộp chộp vội hỏi:

- Hai ngài có biết vì đâu có những bể này hay không?

Chàng và nàng đều lắc đầu:

- Chúng tôi không biết! Những bể ấy vì đâu mà có?

Người dân phu ra bộ đắc ý:

- Vì một bà long thần. Các cụ ở đây vẫn thường nói rằng: Đời xưa, mấy làng ở vùng Nam Mẫu mở hội làm chay, lập đàn thí thực to lắm. Người ở các nơi đến xem rất đông, thỉnh linh có một bà già quần áo rách rưới, thân hình bảnh bao trốn vào đám xin ăn. Người làng lấy làm ghê tởm, thi nhau mang đuổi bà lão. Bà lão cố ngồi từ sáng đến tối, không được miếng gì, lại phải chống gậy đi ra. Tới giữa đường gặp hai mẹ con nhà nọ cũng ở làng. Nam Mẫu, bà lão kề hết tinh đầu.

Mẹ con nhà kia ngạc nhiên thở mà rằng: "Khốn nạn? Bà đã tiêu tụy thế này, mà sao người ta không thương? Tôi nghiệp. Thôi đây, tôi còn vài bát cơm tối chưa ăn, bà hãy xơi cho đỡ đói". Bà lão ăn

mày tức thì ăn hết cả mấy bát cơm, mẹ con nhà kia vui vẻ mà về sắc mặt chưa hề có vẻ oán hận. Đêm hôm ấy, bà lão ăn mày lại đến tận nhà kia bảo rằng: "Lúc chiều nhà bà nhường cơm cho tôi, thật là một người nhân đức. Tôi đi từ bấy đến giờ vẫn không có chỗ nào ngủ, bà đã làm phúc thì hãy làm phúc cho trót, xin bà cho tôi ngủ nhờ một đêm, sáng mai tôi xin đi sớm". Mẹ con nhà ấy lấy làm vui lòng, liền mời vào nhà nhường giường cho bà lão ngủ, cả hai mẹ con cùng nằm dưới đất. Nửa đêm nghe tiếng ngủ ngày àm àm như sấm, mẹ con bà kia bảo nhau đốt đèn lên soi. Không thấy bà lão ăn mày tâu cả, chỉ thấy cái xác con rồng lớn độ vài mét nằm dài thườn thượt giữa nhà. Mẹ con nhà này sợ quá, tức thì tắt đèn đóng cửa đi ngủ, không dám đánh tiếng. Sáng mai trở dậy, lại thấy bà lão ăn mày nằm đó, không thấy con rồng đâu nữa? Mẹ con bà này biết rằng bà lão ăn mày không phải là người thường, liền đến trước mặt thẹp xuống vái lạy. Bà lão ăn mày thở thênh báo rằng "Ban ngày ta đi xem hội, trong hội toàn là những kẻ "khẩu phật tâm xà", không ai ra gì. Chỉ có mẹ con nhà mụ, còn có một chút từ tâm, vậy ta làm phúc cứu cho ra khỏi bể "trâm luân". Mẹ con bà này càng sợ, cứ việc vái lạy xì xụp, không dám ngẩng lên.

Bà lão ăn mày lại nói: "Nay mai chi đây, hễ thấy có sự gì lạ, mẹ con nhà mụ phải mau mau đem nhau lên mãi sườn núi mà ở, không được chậm trễ phút nào, nếu chậm thì chết, không ai cứu được". Dứt lời, bà lão ăn mày biến mất. Mẹ con nhà kia thấy vậy càng khiếp, ai nấy tin rằng lời nói của bà cụ ấy tất nhiên sẽ có ứng nghiệm. Quả nhiên cuộc hội chưa tan, thì ở một khu ruộng cạn tự nhiên thấy có mạch nước phun lên. Mạch ấy lúc đầu bằng cái cổ tay, chỉ trong nháy mắt, nó đã loét bằng cái cổng, nháy mắt nữa thì bằng cái chuỗm, lại nháy mắt nữa thì bằng cái hố, chưa đầy nửa ngày đã thành ba cái bể đó. Hết thấy dân cư trong vùng đều bị chìm xuống đáy bể chết cả, chỉ có mẹ con bà nọ sống sót. Là vì hai người ấy nhờ có bà lão ăn mày báo trước, từ khi mới thấy nước phun, mẹ con đã dắt nhau chạy lên đến sườn núi. Thế là cả vùng Nam Mẫu, đàn ông đàn bà còn được hai người. Về sau, hai người ấy, con lấy vợ, mẹ lấy chồng, sinh con đê cháu, nầy nở mỗi ngày mỗi nhiều, thành ra nhân dân trong vùng Nam Mẫu bấy giờ.

Người dân phu nói luôn một mạch không nghỉ, dường như sợ rằng nghỉ, sẽ bị người khác cướp lời của mình, làm cho Xuân Hương và Thận Trung không thể nói xen vào chỗ nào được. Khi ấy hết chuyện, anh ta mới tạm dừng một phút để thở một hơi, rồi anh ta nói nốt câu kết:

- Như vậy hai ông bảo có lạ không?

Thận Trung nửa cười:

- Lạ lắm!

Rồi chàng ngoanh nhìn Xuân Hương:

- Ở trên vùng này chắc có người đọc Công dư tiệp?

Xuân Hương lắc đầu:

- Không chắc! Hoặc giả người soạn Công dư tiệp ký đã nghe những chuyện truyền văn ở vùng này cũng nên.

Hai người lần lượt đi dạo vài nơi quanh bể, ngắm nghĩa phong cảnh. Xuân Hương muốn thuê một chiếc thuyền chài chờ ra bể chơi. Bỗng đâu gió Nam nổi lên, các mặt bể sóng đánh cồn cộn, bao nhiêu thuyền chài đều phải rát vào ven bờ.

Bốn bề mây kéo tối sầm. Chiều trời mỗi lúc mỗi thêm u ám, bọn phu song loan sợ đổ mưa, liền giục hai người trở xuống, tìm chỗ gốc cây ẩn nấp, chàng và nàng đều phải quay lại lối cũ. Thận Trung chỉ xuống chân núi và bảo Xuân Hương:

- Cứ kể từ đây xuống đến chân núi cũng không xa lắm, thế mà phải đi gần hai ngày trời là nghĩa lý

gì!

Xuân Hương đáp:

- Thì đường đi quanh co như thế, một bước sôi ra ba, bốn chục bước, trách nào mà chẳng đi xa thêm. Giả sử có con đường khác thẳng hơn một chút, thì đâu đến nỗi phải đi vằn vèo như vậy?

Đi một quãng nữa, Thận Trung lại nói:

- Chỗ này là một cảnh đẹp, văn nhân mặc khách ai trông thấy cũng phải say mê. Nay giờ hạt này còn là rừng rú những kẻ đương đại, không biết thưởng thức thắng cảnh cho nên họ không sửa sang. Nhưng con cháu chúng ta sau này tất nhiên cũng phải có kẻ mở mang đường lối, khiến cho du khách tiện sự đi lại.

Xuân Hương gật đầu:

- Cái đó có lẽ. Cảnh đẹp tức là cái mồi nhử người, dù nó ở xứ hẻo lánh, người ta cũng phải tìm đến. Tây hồ bên Tàu, đời Tô Đông Pha, còn là một chỗ hoang vu, chỉ để đầy người có tội, thế mà ngày nay đã trở thành một nơi phồn hoa...

Câu chuyện đương đời, cả bọn đã tới chỗ cũ, dân phu mồi hai người lên song loan để họ khiêng xuống.

Chỗ bao lâu, đến nhà quan lang. Xuân Hương muốn ở lại để xem một vài nơi nữa. Thận Trung sợ rằng ở đó lâu ngày sẽ bị ngã nước, hai người bèn cùng lên cảng trở về đường xuôi.

Tới huyện Kim Hoa, hai người vừa đỡ cảng vào hàng uống nước, trước quán bỗng có cái võng đòn cong do hai người lính áo nẹp khiêng đến, đằng sau lại có hai người cắp tráp xách điếu đi sau. Đến cửa quán, đòn võng hạ xuống, trên võng, một người khăn thâm, áo chùng, ra bộ nho học bệ vệ bước xuống. Thận Trung vội nhìn xem ai, thì ra một người học trò cụ Nghè Hoàng, cùng bạn đồng học với mình, vừa đậu Hương Cống khoa trước. Giữ lễ giao thiệp, chàng liền đứng dậy vái chào, ông Công chỉ sẽ gật đầu một cái, rồi nghiêm trang bước vào, ngồi lên cái ghế cao nhất trong quán. Hai đứa đầy tớ cung kính đệ điếu và tráp đến tận trước mặt.

Thấy cử chỉ ấy, Thận Trung cũng như Xuân Hương, ai nấy đều giận đầy tiết, nhưng còn cố nhịn và đều ngồi vào chiếc ghế cạnh chổng bán hàng. Sau khi hút thuốc uống nước một cách trịnh trọng, ông Công nhìn mặt Thận Trung mà hỏi:

- Trông thầy hình như quen quen?

Thận Trung cười khinh bỉ:

- Ngài chóng quên nhỉ? Tôi là thằng Trung họ Đàm đây mà!

Ông Công càng làm ra bộ nghiêm nghị:

- À phải? Thầy không nói thì tôi không nhớ? Tôi nghe văn thầy cũng khá, làm sao không đậu?

Thận Trung giả cách cung kính:

- Bẩm tôi quên sách nhiều quá!

- Đó là tại thầy không chịu học. Phải cố học đi mới được!

- Tôi cũng muốn học, nhưng mà lầm chỗ quên lú không biết hỏi ai, hiện giờ cũng có câu không biết chữ ở sách nào, tiện thể gặp ngài, xin ngài làm ơn bảo cho?

- Câu gì?

Thận Trung khép nép đứng dậy chắp tay:

- Bảm ngài cái câu "xê ra cho bà đun bếp" xuất xứ ở đâu?

Ông Công hăm hăm đỏ mặt, đứng phắt dậy và nói lầm bảm:

- Quân vô hạnh. Rồi mày sẽ biết tay tao.

Tức thì ông Công lên võng, giục lính khiêng đi cho chóng.

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 12 -

Mấy hôm nay Thận Trung đã khá nhiều lăm.

M

Chàng đã cát cơn nóng lạnh, ăn, ngủ gần bằng cũ. Nét mặt cũng đỡ xanh xao. Xuân Hương bấy giờ mới hoi vui lòng.

Hôm mới mắc bệnh, chàng sợ ở đó có điều bất tiện cho nàng, nên đã bảo nàng thuê cáng đưa mình về quê.

Nhưng nàng không nghe, nhất định giữ chàng ở lại.

Nàng cũng biết rằng giữ chàng ở lại tất nhiên lảng giềng, hàng phô, ai cũng bảo mình nuôi trai trong nhà, nhưng nàng không sợ những tai tiếng đó. Bởi vì, theo ý nàng sự tâm đầu ý hợp đã dắt hai người ăn chung ở lộn trong bấy nhiêu lâu, thì với nàng, chàng tức là "chồng" không phải là "trai", nàng nuôi chàng chính là nuôi chồng, không phải nuôi trai.

Người ta bảo nàng nuôi trai, chẳng qua chỉ tại nàng không có trâu cau biếu họ, không có cỗ bàn thết họ, để trình cho họ hay rằng "tôi đã là vợ người này". Chồng cũng được, trai cũng được, ai có miệng thì nấy cứ nói, mình đã yêu chàng quý chàng, coi chàng là người tri kỷ, trong lúc khỏe mạnh, xa nhau một ngày cũng còn khó chịu, huống chi chàng đương đau yếu... Hơn nữa, cái sự đau yếu của chàng lại bởi tại mình ép chàng lên chơi xứ Thái, xông pha trong đám hơi rừng khí núi đến mấy tháng trời, thế thì mình để chàng về quê sao đành?

Nghĩ vậy, nàng mới để ngoài tai những tiếng thị phi, quyết chí lưu chàng ở nhà để mình chạy chữa. Cố nhiên bệnh ngã nước chưa phải bệnh nguy hiểm đến không thể chữa được, nàng vẫn biết thế, thế mà mỗi khi thấy chàng lên cơn, run lẩy bẩy, rên hù hù, thì nàng lại lo canh cánh, chỉ sợ chàng chết, mất ăn, mất ngủ vì chàng đến mấy chục ngày. May thay gặp thầy gặp thuốc, bệnh chàng mỗi ngày một lùi, bụng nàng cũng mỗi ngày mỗi yên.

Hôm ấy, chàng thấy trong mình đã mạnh, mới sai con Nụ nấu nước để mình tắm gội, Xuân Hương mỉm cười bảo chàng:

- Tắm làm gì vội? Tôi tưởng các ông nhà nho vẫn có đức "hà tiện nước", hằng năm không tắm cũng vẫn chịu được kia mà, mình mới nghỉ tắm độ vài chục ngày đã thâm vào đâu!

Thận Trung cũng cười:

- Tôi chỉ là một người có biết chữ, có đọc sách, không phải nhà nho. Mình nên nhớ rằng: trong đám học trò chúng tôi, có người là nhà nho, cũng có người không phải nhà nho. Đại khái những người đã đọc sách nho, lại làm ra bộ ta theo đạo nho, như cụ Nghè Hoàng hay cụ Nghè Đặng và những đệ tử đắc đạo của các cụ ấy thì mới gọi là nhà nho, còn tôi, tôi đọc rất nhiều thư sách, sách Lão, sách Trang, sách Đường, sách Mặc... Nội sách chư sử, tôi đều đọc qua không phải riêng một sách nho. Việc làm của tôi, có khi giống đạo nho, cũng có khi trái hẳn đạo nho, sao mình lại bắt tôi phải là nhà nho. Nhắc lại cho mình lần nữa: tôi không phải nhà nho, từ rày trở đi đừng đem thói xấu của nhà nho mà gán vào tôi.

Xuân Hương vẫn cười:

- Vậy thì tôi đem thói tốt của nhà nho mà gán cho mình, mình có bằng lòng hay không?

- Không! Tôi không thích thế. Cái gì không phải tự tôi làm ra, không khi nào tôi lại nhận lấy, việc tốt cũng vậy, việc xấu cũng vậy. Bởi vì không có mà nhận, nhận cái xấu tức là giả dối, nhận cái tốt tức là ăn cắp.

Mình đã không phải nhà nho, làm sao hôm nọ tôi chê nhà nho, mình lại cứ bệnh chầm chậm...

- Đó là lẽ đương nhiên! Nhà nho cũng có người tốt, có người xấu, không nên vì một vài người tốt mà khâm phục nhà nho, cũng không nên vì một vài người xấu mà mạt sát nhà nho. Tôi bệnh nhà nho là bệnh cái danh nghĩa của một phái người, không phải bệnh những ông lên mặt ta là nhà nho.

Nghỉ một lát, chàng lại nói tiếp:

- Nói cho đúng, cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và những ông Nghè, ông Công cùng một tính nết như hai cụ ấy cũng không thể gọi là nhà nho.

- Sao vây?

- Các cụ ấy chỉ cứ bệ vệ làm bộ để lấy danh vọng đó thôi. Thực ra những việc của các cụ ấy đã làm, những ý của các cụ ấy vẫn nghĩ chẳng có cái đúng như đạo nho. Nhưng những cụ ấy mà dám nhận là nhà nho.

Thế thì gọi các cụ ấy là "nhà" gì được?

Nhà "hương nguyễn". Giả sử Không Tử sống lại, chắc ngài cũng không thèm nhận các cụ hương nguyễn ấy vào đám nhà nho.

Con Nụ nâu nước tắm đã xong, nó lên giục chàng xuống tắm.

Lúc ấy đã gần đến trưa, tuy rằng đương tiết tháng sáu, trời nắng chang chang, nhưng ở thư phòng của Xuân Hương, gió nam ở dưới hồ Tây đưa vào hây hẩy. Nàng đứng trước cửa, nhìn những bông sen đương nở trong hồ, và thường thíc mùi hương theo gió bay lên trên gác, mơ màng ôn lại những ngày vui, buồn vừa qua, bỗng chốc nhớ đến mấy câu đầu chuyện Hoa tiên nàng ngâm:

- Vụng khởi nguy lan nạp nán lương,

Thu phong vi tông bạch liên hương

Thận Trung Tấm xong, vừa lên, chàng liền đọc theo:

- Giao tri thiên thượng giai kỳ cận

Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang

Rồi chạy đến trước cửa, vỗ vai nàng, chàng đọc lại câu cuối lần nữa:

- Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang.

Nàng nhìn chàng bằng đôi mắt tình tứ:

- Vừa mới ôm dậy...

Chàng không trả lời, liền dịch bốn câu Hoa tiên mà nàng và chàng mới ngâm ra bốn câu thơ nôm:

- Tựa lan, bóng mát, ngắm trời chiều,

Gió quạt mùi sen bát ngát theo,

Nhớ chửa, trên trời sắp có tiệc

Đêm nay à Chúc gấp chàng Ngưu!

Rồi chàng vờ hỏi:

- Phải không nhỉ! có phải đêm nay à Chúc gấp chàng Ngưu không nhỉ?

- Nữa tháng nữa!

Dưới cửa có mụ hàng mít đi qua, nàng bảo con Nụ ra mua một quả. Lẽ mĩ ôm quả mít lên gác, con Nụ lắc đầu nói với cô chủ:

- Mít còn xanh lấm chưa thật chín, chưa ăn được!

Xuân Hương gắt mắng:

- Sao mày không lấy quả thật chín?

- Thưa cô, quả này chín nhất đấy, những quả kia còn xanh hơn nhiều.

Quay lại, Thận Trung xoay vần quả mít, quả nhiên hãy còn xanh lấm, vỗ tay vào vỏ, chỉ thấy bành bạch, không thấy bồm bộp! Xuân Hương liền sai con Nụ đem xuống nhà dưới đóng cọc vào cuồng và phơi ra nắng cho nó chóng chín.

Thận Trung vui cười bảo nàng:

- Mình giỏi thơ nôm, thử vịnh quả mít một bài tôi xem.

Nàng cười và đọc:

- Thân em như thể mít trên cây,

Da nó xù xì, mũi nó dày

Rồi nàng bỗng cười rũ rượi, không đọc được nữa.

Thận Trung ngạc nhiên hỏi:

- Cười gì dữ vậy?

Nàng vẫn cười không trả lời. Một lúc lâu; nàng vừa bung miệng vừa đọc nốt hai câu nữa:

- Quân tử có yêu thì đóng cọc,

Xin đừng mân mó nhựa ra tay.

Thận Trung cũng phá lên cười:

- Thế cũng thơ với thần! Thơ thần gì mà nhả nhót như vậy! Thế mà người ta chê là đĩ thõa lại còn kêu oan!

Nàng vẫn vừa cười vừa nói:

- Ô hay, tôi vịnh quả mít như thế! Sao mình lại chê nhả nhót? Những chữ "đóng cọc", "mân mó", "nhựa ra tay" là chữ "nhả nhót" hay sao?

- Có nhiên những chữ ấy không phải là chữ nhả nhót, nhưng ở miệng mình nói ra, thì nó hóa ra nhả nhót tức thì.

Vừa nói, chàng vừa sờ ôm lấy nàng hôn luôn mấy cái. Một trận gió nồm thổi vào cửa gác, bức màn trên phất phơ rung động, làm tan cuộc ái ân. Xuân Hương đứng dậy chạy ra án sách, mài mực tẩm bút chép luôn mấy câu thơ mít vào tập thi cao, Thận Trung vội ngăn:

- Thơ thế mà cũng chép lại, mình không sợ đòi sau chê cười hay sao?

- Nếu sợ tôi đã không làm, đã làm thì tôi không sợ ai khen mặc ai, ai chê mặc ai. Vả cháng, mình đã làm ra, thì cứ chép lại để cho đòi sau phẩm bình, can gì mà phải giấu giếm.

Chàng cũng phục nàng là người can đảm và thực thà.

Cách vài hôm sau, Thận Trung đi chơi thăm mấy người bạn, khi về, chàng đưa cho nàng cái thư của một người sắp sửa cưới vợ, mời chàng đến mừng, và nói:

- Con trai ông Cống lấy con gái ông Nghè, đám cưới chắc là to lắm.

Nàng đọc hết thư rồi bình tĩnh hỏi:

- Mình có định đi mừng hay không?

- Có chứ? Chỗ anh em chí thân! Người ta đã mời không đi thì còn ra thế nào?

- Thế thì mình còn câu nệ, không xét thấu lẽ phải.

- Sao vậy?

- Trai lấy vợ, gái lấy chồng, chỉ là một sự rất thường, không phải lạ lùng gì cả! Thật thế, mình thử nghĩ mà xem, có âm dương thì có vợ chồng, đến như giống chim giống chuột cũng đều có vợ có chồng tất cả, chăng riêng gì một giống người. Vả lại, việc vợ chồng cua loài người nó cũng là việc cần có của đức dâm dục, cũng như đôi phải ăn, khát phải uống, làm sao gọi là việc vui mừng, bày ra lễ nệ lễ kìa cho phiền?

- Theo ý mình, vợ chồng lấy nhau không phải lễ nghĩa, cũng không phải mừng mõ gi cả?

- Chính thế. Dạm là cái gì, hỏi là cái gì, đura đâu đón rẽ là cái gì? Chẳng qua cỗ nhân vô sự, cũng vẽ ra thế cho hay, giống như phường trò vẽ ra một vở trò vây. Loài người cần phải đôi nào vào đôi ấy, là tránh cho khỏi nạn loạn đâm. Đã vậy, tôi bằng lòng mình, mình bằng lòng tôi, chúng ta cứ việc ăn nằm với nhau, sinh con đẻ cái với nhau, chỉ cần báo cho mọi người biết rằng tôi với mình đã kết thành đôi với nhau, đừng ai ngáp nghé sánh đôi với chúng ta nữa, dạm, hỏi, treo, cưới, đura đâu, đón rẽ, ý nghĩa chỉ có như vậy. Thế thì tìm cách gì khác mà báo cáo với người ta, há chẳng tiện hơn, can gì phải bày ra ăn uống mừng mõ!

Thận Trung cười tình:

- Thê thì tôi với mình không cần phải thêm gì nữa, cứ thế này thì cũng đủ thành vợ thành chồng đây nhỉ?
- Đủ rồi, không phải vẽ vọt thêm nữa. Miễn là chúng ta suốt đời yêu nhau.
- Nhưng mà thiên hạ chê cười thì sao?

- Mặc kệ, chúng mình cho thế là phải thì chúng mình cứ thế, mà còn như cái chê, khen của người đời chẳng biết lấy gì làm bằng. Người ta cười chúng mình không cưới không hỏi là không biết lễ, chúng mình có quyền cưới lại những kẻ có cưới có hỏi, có đưa đưa dâu đón rể là ngu, không biết phán đoán hay dở, chỉ nhầm mắt theo liều cỗ nhân.

Thận Trung bỗng đứa âu yếm:

- Thế thì ở trong đời này, nhất mình đến tôi, thánh hiền đời xưa cũng không bằng!
- Chứ gì. Thánh hiền đời xưa, phần nhiều chỉ là người đặt ra, mặc cái thói quen. Chúng ta nay cũng xuống xuất cho thiên hạ đời sau một việc, thì chúng ta cũng là thánh hiền chứ sao.

Từ đó hai người nghiêm nhiên làm vợ làm chồng với nhau không còn e lệ gì hết.

Dần dần sang đầu mùa thu, Thận Trung ngỏ ý muốn vào Nghệ An thăm viếng quê quán của nàng, luôn thèm đi xem các nơi sơn thủy ở vùng trong. Nàng rất hoan nghênh việc đó, và nói một cách ấm ờ:

- Ngã nước suýt chết vì sơn thủy đường ngược vẫn không chừa, lại muốn đi xem sơn thủy đường trong nữa.

- Choi sơn thủy cũng như đọc sách vở, đều là việc rất cần của văn nhân. Cỗ nhân có nói: "Trong bụng không có ba vạn cuốn sách, trong mắt không có non nước lạ lùng ở gầm trời, chưa chắc đã viết được văn, dù có viết văn, cũng chỉ là lời của đàn bà trẻ con mà thôi". Tôi cho câu ấy rất đúng.

Hôm sau, Xuân Hương thuê hai cái cáng để chàng và nàng cùng đi. Lần này nàng ăn mặc đàn bà, chứ không ăn mặc giả trai như lần lên chơi Thái Nguyên.

Thận Trung không dám nàng, trong bụng cũng hơi e lệ, vì chàng với nàng tuy là vợ chồng nhưng không hỏi không cưới, thì đôi với người ngoài, vẫn là một đôi trai gái. Vô có dắt gái đi chơi tránh sao khỏi những tiếng mai mỉa của bạn bè. Nàng hiểu ý chàng như vậy. Song cũng giả vờ làm thính.

Sắp sửa đò đạc xong rồi. Hai người lên hai cáng, theo đường thiêng lý đi về phía Nam.

Phong ải dọc đường nhiều chỗ đã lưu chàng và nàng phải quyền luyến bồi hồi không thể dứt đi thoát.

Khi qua huyện Kim Bảng, hai người xuống cáng dắt nhau lên thăm dãy Long Đọi, rồi cùng sang núi Kẽm Trống.

Núi này ở chỗ giáp giới của hai xứ Sơn Nam và Thanh Hoá. Hai bên hai cái sườn núi giáp nhau, giống như hai cái trái đùi, ở giữa có một giòng nước rất hẹp, hình thể coi cũng lạ lùng. Trông ở tầm đá đỉnh núi có vết chữ đục, nhìn kỹ là thơ của Chúa Trịnh đè vịnh trong khi đi tuần miền Tây, Thận Trung liền bảo Xuân Hương:

- Mình giỏi thơ, thử đề một bài thi với chúa Trịnh xem sao!

- Mình muốn tội đê thơ nôm hay thơ tự.
- Nôm cũng được, tự cũng được, miễn là thơ hay.

Nàng không nghĩ ngoại liền đọc:

- Hai bên thì núi, giữa thì sông,

Có phải đây là Kẽm Trống không

Gió đậm cành cây khua lắc rắc,

Sóng dồn mặt nước vỗ lòng bong,

Thận Trung nói xen:

- Chưa hay. Hai câu thứ ba thứ tư tả trái núi khác cũng được, không sát với cảnh Kẽm Trống.

Nàng lại đọc tiếp:

- Ở trong hang tối hơi còn hẹp,

Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.

Thận Trung vẫn chê:

- Cũng chưa hay. Trong hẹp, ngoài rộng, cái hang nào mà chẳng thế, cứ gì Kẽm Trống.

Nàng vò phát cáu:

- Thế nào mình cũng chê là không hay, tôi phải kết cho thật hay mới được.

Rồi nàng đọc nốt:

- Qua... cửa mình ơi nên ngẫm lại,

Nào ai có biết nỗi bung bồng.

Thận Trung cười:

- Chữ cửa đặt liền với chữ mình tục, thì tục, chứ hay thì không hay. Có điều cũng hơi tài, và chỉ riêng mình có cái tài ấy. Làm sao đê vịnh cảnh gì, mình cũng vẽ ra cái "phái gió" ấy được?

# TRONG RỪNG NHO

Ngô Tất Tố  
www.dtv-ebook.com

## Chương 13 -

Sau khi để lại Kẽm Trống tám câu thơ nôm, Xuân Hương và Thận Trung lại nghênh ngang đôi vòng, theo đường thiên lý vào phủ Trường An.

S

Chừng bốn, năm ngày tới bến đò Dán, thì trời đã chiều, mặt trời lùi xuống phía Tây, trên dãy rừng Ngang, phủ một làn mây đỏ ối. Bây giờ đã nửa mùa thu, lá vàng rơi tả rụng khắp mặt nước ven đường. Thận Trung sực nhớ một bài trong tám bài thu hứng của Đỗ Phủ, chàng liền dịch ra tiếng Nôm và đọc cho Xuân Hương nghe:

- Trường An nghe nói tựa bàn cờ

Ngẫm việc trăm năm luồng ngắn ngo

Nhà cửa đức ông đều chủ mới

Áo xiêm quan lớn khác thi xưa

Đòn canh ải thoát vang hồi trống

Quân tây miền tây rộn lá thơ

Lạnh ngắt sông thu rồng cá lặn

Mỗi tình nước cũ gợn lòng tơ.

Xuân Hương mỉm cười:

- Thơ dịch như thế, kể cũng đúng và khéo lắm. Tiếc rằng mình đã làm một việc vô vị.

Thận Trung không hiểu ý nàng, chàng ngơ ngẩn hỏi:

- Đã khéo lại vô vị là nghĩa làm sao?

Xuân Hương vẫn cười:

- Bài thơ ấy Đỗ Phủ nói về Trường An của Tàu, có dính dáng gì đến Trường An của ta? Sao mình lại lôi nó vào trong cuộc đi chơi Trường An ngày nay.

- Bởi vì nhân lúc chúng mình chơi phủ Trường An, lại gặp giữa tiết mùa thu, tôi chợt nhớ đến bài thơ ấy, nên thử dịch chơi, có phải là tôi túc cảnh cuộc chơi của chúng mình đâu!

Hai người bèn vào nhà trọ, một lát thì trời vừa tối. Sáng mai, để phu cảng ở lại nhà trọ, chàng và nàng tự đi thuê một chiếc thuyền theo dòng sông Dán xuôi thẳng xuống huyện Giả Viễn thăm động Hoa Lư, kinh đô của vua Đinh Tiên Hoàng. Một hòn núi đá chót vót nổi trên bờ sông Diêm, hình thé chõ áy tuy có hùng vĩ, nhưng nó chỉ đáng làm chõ sào huyệt của giặc cỏ, không đáng làm nơi kinh đô của ông vua. Xuân Hương thoát nhìn thé núi, thé đất, nàng liền bảo với Thận Trung:

- Cái người đã có sức dẹp nổi mười hai sứ quân, lấy được đất nước, làm sao lại đem kè chợ đóng vào một chỗ chật hẹp và hẻo lánh thế này? Xem thế biết thì lão ấy liệu đáng kể là vua một nước?

Thận Trung nói:

- Nước ta bắt đầu độc lập là tự ông ấy.

- Chỉ nên gọi là lãnh chúa.

Rồi hai người lên bộ, thuê chiếc thuyền nan, bơi vào trong núi. Núi có ba ngọn, hai ngọn bên cạnh, một ngọn giống như hình người, gọi là núi ông Trạng, một ngọn giống như cái hòm, gọi là núi hòm Sách, động Hoa Lư ở vào chính giữa, cửa động không sâu lầm, nhưng thân động thì cũng khá sâu. Thăm qua hang núi, hai người dắt nhau lên sườn núi tìm dấu kinh đô của Đinh Tiên Hoàng. Hình như trải qua thời gian, mưa gió đã mài mòn hết sự nghiệp của ông vua mở nước bằng cờ lau, di tích lâu đài thuở xưa, nay không thể nhận ra, sườn núi chỉ thấy có mấy gian đèn lụp xụp, trên thờ Đinh Tiên Hoàng, dưới thờ Lê Đại Hành, giữa thờ mụ Dương Hậu, Thận Trung nhìn khắp trong đèn thấy đôi câu đối:

- Văn hội nhất ư thiêng,

Đê Tông hoàng bào,

Đê Việt long côn

Anh linh đồng thử địa,

Hoàng Đinh thượng miếu,

Hoàng Lê hạ từ.

Chàng chi tay bảo Xuân Hương:

- Người nào nghĩ hai câu ấy móc máy soi mói, kẻ cũng chua chát lắm nhỉ?

Xuân Hương cười nhạt:

- Theo ý tôi, móc máy soi mói như thế cũng quá đáng.

- Sao vậy? Một người vợ vua, chồng chết đi phải lòng trai, lại đem cả nước của chồng cho trai, thế mà mình bảo không đáng soi mói thì thế nào nữa mới đáng soi mói?

- Phải, theo luân lý của nhà nho, Dương Hậu vẫn là có tội. Nhưng cái tội ấy, có thể tha thứ. Bởi vì, như tôi vẫn nói, trời sinh loài người ai ai cũng có nét dâm dục, nó bắt người ta phải bạo lực khó chịu trong khi bị thiếu thốn về đường tình, cũng nhu thiếu cơm thì thấy đói thiếu nước thì thấy khát vậy. Gái góa chồng không khác trai góa vợ, nếu còn trẻ tuổi, ai không vì đường tính thiếu thốn mà bạo lực khó chịu? Có sao trai chết vợ thì được lấy vợ, mà gái chết chồng lại bắt người ta phải suốt đời giữ cái phòng không? Đó là một điều vô lý. Thế thì Tiên Hoàng chết đi, Dương Hậu vẫn được phép đi phải lòng trai, việc ấy là việc rất cần của bà. Còn nhu chuyện đem nước của chồng cho trai lại càng không đáng trách bà. Lúc ấy con trai Tiên Hoàng đã không ra người, trong nước lại bị quân Tống kéo sang đánh phá, nếu không có Lê Hoàn chống lại thì nước của Tiên Hoàng cũng mất về Tống, chứ còn sao được? Vâ lại, hồi ấy bao nhiêu binh quyền đều ở trong tay Lê Hoàn, Lê Hoàn cứ việc cướp lấy cũng không có ai干涉, thà cho ông ta còn được tiếng là người tri cơ. Hơn nữa, nước của Tiên Hoàng cũng là đất cát của trời sinh ra, Tiên Hoàng giỏi nghề binh đạo, dành được của kẻ khác, có phải là nước của Tiên Hoàng đúc nặn ra đâu? "Nhất điện thiên vạn chù", ruộng của nhà này có thể bán cho nhà khác.

Xuân Hương nói một thời dài, làm cho Thận Trung không tìm được lẽ cãi lại, chờ nàng dứt câu, chàng liền tủm tim cười nụ mà rằng:

- Tư tưởng của mình kể cũng lạ đấy. Nhưng tôi nghe mình nói không khỏi phát phiền.
- Việc gì mà mình phải phiền?
- Giả sử tôi chết, chắc mình cũng phải lòng trai.
- Cái đó đã hẳn. Nếu có tiếc tôi thì mình đừng chết. Mà nếu như mình chẳng may phải chết, thì còn giữ tôi làm gì.

Hai người cùng cười âm lên. Mặt trời tà, họ mới cùng xuống núi, ra sông, xuống thuyền ngược về phủ Trường An.

Ánh trăng vàng vặc chiếu xuống làn nước xanh lè, cảnh đêm trên sông cực kỳ xinh đẹp, chàng và nàng ngồi trên mạn thuyền ngắm nghĩa phong cảnh. Dưới những đám mây lơ lửng, núi non cao thấp chạy khắp bốn mặt, chẳng khác bốn bức họa đồ, càng nhìn càng không biết chán. Đêm khuya, hai cô lái đò chừng đã mỏi mệt buồn ngủ, thỉnh thoảng lại điểm một vài câu hát để làm nhịp cho đôi mái chèo. Giọng trong tiếng tốt khúc hát đầy những ý vị ngây thơ, khiến cho chàng và nàng càng thêm hứng thú.

Gần sáng, thuyền đến phủ lỵ Trường An, hai người nghỉ ngơi, rồi cùng thuê thuyền xuống thăm cảnh chùa Non Nước. Bước lên sườn núi, Thận Trung nhìn bài thơ của Trương Hán Siêu khắc trên tảng đá, chàng mới đọc được hai câu:

- Sơn sắc chính y

Y du nhân hò bất qui.

Bỗng chàng rùng mình một cái, sắc mặt tái mét, phải ngồi phục xuống tảng đá, chân tay run như cày sậy.

Sợ quá, Xuân Hương bảo lái thuyền vực chàng xuống thuyền đưa về nhà trợ. Thì ra bệnh sốt rét ngã nước ngày trước tuy khỏi nhưng chưa triệt nọc, khi ấy vì chàng đi đường vất vả, dầu đãi sương gió, lại thêm thức luôn mấy đêm không ngủ, cho nên nó lại phát ra.

Xuân Hương lại dùng phương thuốc hôm xưa vò cho chàng uống, nhưng lần này không thấy công hiệu, luôn bận năm ngày, chàng uống hết chừng bốn năm bát vẫn không cắt cơn. Sợ ở nhà trợ nhiều điều bất tiện, nàng bèn thôi việc vào thăm quê hương, bảo phu cáng, cáng chàng và mình trở về Hà Nội.

Gió thu hiu hiu đưa khí lạnh từ nẻo rừng núi phía tây trở về, càng làm cho Thận Trung to thêm cơn bệnh.

Tuy rằng chàng vẫn nề nàng, không dám rèn rẫm than thở, nhưng mỗi khi cơn bệnh nổi lên, sức chàng không hâm nổi, thường thường rung chuyển cả vồng.

Tới phủ Lý Nhân, nàng bảo phu cáng đỗ cáng để chàng vào quán nghỉ tạm. Mụ quán thấy chàng mặt mũi xanh xao, đoán là chàng sốt rét, mụ liền mách nàng lấy mấy viên thuốc của một thầy lang gần đó, và nói quyết rằng: "chỉ uống một lần là khỏi". Xuân Hương xưa nay không tin bọn lang vườn, nàng cho họ là đồ vô học, không biết nghề thuốc là gì, uống thuốc của họ không khỏi có sự nguy hiểm, nên nghe mụ nói, nàng chỉ cảm ơn không nhận lời. Thận Trung lại khác, chàng cũng không tin bọn lang vườn vô học, nhưng lại tin những thuốc gia truyền, chàng vẫn cho rằng: "những thuốc gia truyền đều là thứ thuốc đã

quá nhiều lần kinh nghiệm mà tìm ra được, phần nhiều rất có công hiệu." Bởi vậy, chàng cứ giục nàng đi lấy mấy liều để chàng uống thử, dù không khỏi cũng không hại gì.

Chùi chàng, nàng bèn nhở mụ hàng lấy giúp cho một liều. Uống thuốc xong, chàng lại lên cáng giục phu cáng đi. Xuân Hương luôn luôn cho cáng của mình đi kèm ở bên cạnh chàng, nàng chỉ canh cánh lo chàng lâm thuốc, chẳng ngờ thuốc ấy hay thật, hôm ấy Thận Trung không lên cơn, hôm sau cũng không thấy con lên, chàng được yên lành về đến Hà Nội.

Cố nhiên nàng lại đón chàng vào luôn nhà mình dưỡng bệnh, không dám để đi đâu.

Chàng vừa lên gác nằm nghỉ chưa đầy nửa giờ, ngoài cửa bỗng thấy có tiếng àm àm, rồi đến tiếng đập cửa thành thành, rồi đến tiếng gọi dữ dội:

- Thằng Đàm Thận Trung muốn sống xuống mà chịu tội! Mau mau!

Giật mình, chàng vội trở dậy hé cửa trông ra. Dưới cả một bọn chửng ba chục người toàn là học trò, kẻ cầm sào gậy, người thùng trục ai nấy nét mặt hăm hăm ra bộ tức giận. Đi đầu bọn đó, lại có mấy ông cụ già đầu bạc phơ phơ: cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và ông Đồ Đàm bác ruột Thận Trung.

Chàng không hiểu vì sao hai cụ Nghè Hoàng và ông cụ Đồ bác mình lại đem học trò đến xỉ vả mình như thế, lúng túng chàng bảo Xuân Hương đừng mở cửa với thủ xem họ làm trò gì.

Thì ra trong khi chàng lên cáng đi với Xuân Hương, học trò cụ Nghè Hoàng có kẻ trông thấy, liền vè mách luôn với thầy. Nghe tin ấy, cụ Nghè Hoàng lấy làm tức giận, và lại thẹn rằng: trong môn đồ có kẻ đi theo con đĩ, làm nhục thanh gia của mình. Lúc đầu, cụ định họp cả học trò tại trường để kể tội Thận Trung rồi xóa tên chàng trong số môn sinh, không nhận là học trò nữa. Sau vì cụ Nghè Đặng nói ra nói vào, cho rằng trị tội Thận Trung như thế còn là quá nhẹ. Theo ý cụ phải bắt Thận Trung đánh cho một trận nhừ tử, thì mới có thể răn được kẻ khác. Câu nói như thổi vào ruột cụ Nghè Hoàng, tức thì cụ viết thư mời ông Đồ Đàm đến nhà mình, kể hết tội trạng Thận Trung cho nghe. Ông đồ cũng xâu hổ vì có đứa cháu hư thân làm cho điểm nhục gia thanh, luôn hôm ấy ông nhờ cả học trò của hai ông Nghè đi rình Thận Trung xem chàng ở đâu, chẳng may cho chàng, vừa về đến Hà Nội, người ta báo ngay cho hai cụ Nghè và ông Đồ biết.

Khi ấy cả lũ học trò gọi mãi không thấy Thận Trung xuống gác, họ bèn bảo nhau cậy cửa kéo vào.

Thận Trung không còn đường nào chạy, chàng liền bị họ trói lại điêu xuống. Xuân Hương biết chừng không thể cứu nổi, nàng bèn giả cách làm lơ, chờ cho bọn kia dẫn chàng ra khỏi nhà mình, tức thì nàng đến nhà ông Chiêu Bảy nhờ ông nghĩ cách cứu cho chàng. Vừa may gặp ông Chiêu Tám cũng có ở đó, hai ông nghe nói Thận Trung, ai cũng thương hại và tức giận mấy cụ kia. Ngay lúc ấy, các ông dẫn nhau ra phường Đồng Xuân, đón đường mấy ông cụ ấy để xin giúp cho Thận Trung. Không những các cụ không nghe, lại mắng thêm cho hai ông Chiêu một trận tàn nhẫn.

Hai ông Chiêu cũng không chịu nhìn, cùng nhô vào mặt hai cụ Nghè và mắng:

- Các anh chỉ làm cho nhục nhà Nho.